

Tác Giả và Tác Phẩm

Thế Lữ (II)

Tiểu sử & Tác phẩm
(Xem Vài hàng về tác giả)



Mục Lục

Ông phán nghiệm – 2

Thế Lữ, ngôi sao thứ sáu của Tự lực văn đoàn – Hoàng Yến Lưu - 8

Một chuyện ngoại tình – 10

Thế Lữ – Hoàng Yến Lưu - 17

Vì tình – 19

Chúng ta có bất công với Thế Lữ không? – Phạm Xuân Nguyên - 23

Thoa – 25

Thế Lữ trong ký ức Huy Cận – Phạm Đình Ân - 35

Hai lần chết – 38

Phụ đính:

Thế Lữ và Nguyễn Nhược Pháp – Hoàng Yến Lưu - 43

Thế Lữ, mờ đường táo bạo và dừng lại đúng lúc – Vương Trí Nhàn - 45

Chuyện ma của Thế Lữ - Hoàng Yến Lưu - 47

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Ông phán nghiệm

Ông ta là người Nam Kỳ, nhưng từ khi về hưu trí vẫn không rời bỏ cái nhà lá mua được ở trên con đường đi về huyện Vũ Tiên.

Nhà này đứng trơ trọi trên một vườn mía không ai trông nom và ngoảnh mặt ra một cái đầm con chạt ních những bèo Nhật Bản. Không thân thuộc ai, cũng không tưởng gì đến sự về quê hương, ông ta sống ở đó thâm kín một mình, ngày hai bữa đã có thằng bé con ở hiệu cao lâu Khách phố Đệ Nhị đưa cơm nước đến. Ông ta không ra ngoài mấy khi: cả công việc chỉ quanh quẩn bên cái bàn đèn. Mà khi bước chân ra khỏi nhà là người khắp tỉnh Thái Bình xì xào, chỉ trỏ. Tên ông ta là Được, Trần Văn Được, nhưng họ quen gọi là lão phán nghiệm hay là lão phán Sài Gòn.

Tôi ở xa, đến chơi nhà một người bạn ở đầu tỉnh Thái được ít lâu, đã chú ý đến con người kỳ khôi ấy, vì tính tôi hay tò mò, vốn thích những chuyện lạ, những nhân vật khác thường. Cho nên mỗi khi thấy người đàn ông gày gò, đội mũ trắng bủng, mặc áo bông đụp và quần cháo lòng kia lệt sệt đôi giày cũ đi qua cửa nhà bạn tôi, là tôi chạy ra nhìn cho đến lúc ông ta đi khuất. Bạn tôi vẫn nói đùa rằng: "Anh hẳn có duyên vì với ông phán nghiệm".

Tôi chẳng biết sự chú ý đó có phải vì thanh khí tương hợp gì chẳng? Nhưng riêng tôi thì tôi không ghét người đàn ông kia như phần nhiều người tỉnh Thái. Họ đồng lòng cho ông ta là một hạng người keo bần, độc ác, có tiền của chôn giấu - là một con cáo già bo bo giữ lấy hang. Cái nhà lá vắng vẻ kia không ai biết trong có những cái bí mật gì, vì cả những bạn đồng sự cũ của ông ta cũng không ai ưa bước chân tới đó.

Tính tò mò của tôi mỗi lần trông thấy ông phán Sài Gòn lại bị khiêu khích. Tôi tìm hết cách làm quen với ông ta. Hai ba lần tôi vô cớ đón đường chào, nhưng ông ta chỉ gườm mắt nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi lại bước đi, không nói qua nửa tiếng. Tôi biết ông ta không phải là người dễ bắt chuyện, nhưng tôi vẫn kiên tâm chờ một dịp tốt nào đó. Dịp tốt ấy hiện đến một buổi chiều đầu tháng mười.

Ông ta lên phố lĩnh hưu bổng về, tay cẩn thận cầm một vài gói hàng mới mua sắm. Lúc sắp rẽ sang đường Vũ Tiên thì một lũ trẻ con đua nhau vừa đuổi theo ông ta vừa chế giễu. Ông ta ngoắt quay lại thì một đứa chạy không kịp cuống chân ngã xuống đường, mặt cắt không còn hột máu. Người lớn liền đỡ ra sinh sự. Họ nhất định giữ ông ta lại. Tôi phải chạy đến phân giải mãi, họ mới chịu buông ông ta ra.

Ông phán nghiệm chỉ lắc đầu phàn nàn, rồi không cảm ơn tôi lấy một lời, ông ta chực quay gót. Nhưng tôi đã nắm được cơ hội, đi theo ông ta một quãng, nói mấy câu lễ phép vu vơ, ông phán lại nhìn tôi một cách ngờ vực như mọi khi, ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi cất tiếng nhẹ nhàng và rề rề của một người Nam Kỳ nghiệm nặng mà bảo tôi rằng:

"Tôi là một người ở biệc tịch, một người ai cũng ganh ghét cứ chi thầy còn chú ý tới tôi?"

Thế rồi ông ta rảo bước tiến lên, tỏ ý không muốn tôi đáp lại.

Tuy vậy, từ hôm đó trở đi, ông ta không e sợ tiếng chào của tôi như trước và nhìn tôi bằng đôi mắt dịu dàng hơn. Tôi không bỏ một dịp nào gặp mặt mà không hỏi ông ta một vài câu. Trước ông ta còn lặng thinh, sau mỉm cười, rồi sau cùng đứng lại hỏi:

- "Thầy màng diệc" ở Thái Bình?

- Thưa cụ không. Tôi đến chơi đây.

- Tới chơi mà ở lâu dữ vậy, cà?

- Vâng, vì tôi ở dưỡng bệnh nhân thể.

Một lần khác, ông hỏi tôi ở đâu và làm ăn gì. Tôi thưa:

- Thưa cụ, tôi làm nghề viết báo ở Hà Nội.

Ông ta giương đôi mắt tươi cười nhìn tôi một lúc rồi nhìn đi chỗ khác, vẻ lơ đãng như người nghĩ chuyện đâu đâu. Rồi ông chậm rãi nửa như bảo tôi, nửa như nói một mình:

- Viết báo à? Vậy thầy hẳn biết ở đời này lắm chuyện "tức cười" lắm hả?

Đối với người lạ lùng như thế, được nói mấy câu chuyện không đâu, cũng có thể gọi là quen thân rồi. Tôi xem ra ông phán Sài Gòn cũng tỏ ra ý mến tôi như một người bạn nhã nhặn tử tế. Có khi trông thấy tôi, ông ta lại chào hỏi trước, có lần lại nhận lời vào chơi trong nhà người bạn tôi. Thực là một sự lạ cho tỉnh Thái Bình.

Nhưng về phần ông ta, thì xa với điều tôi mong, ông không hề mời tôi vào chơi nhà ông bao giờ hết. Tôi cho đó là một sự vô ý của một người kỳ cổ ít thiệp đời, nên một hôm tôi lấy cớ đến thăm ông ta để xem xét những điều tôi muốn biết.

Lúc tôi gần bước chân đến cái đầm nhỏ trước cửa nhà ông phán Sài Gòn, thì thấy ông ta đương đổ bã chè ở chái hiên. Tôi bắc loa tay gọi:

- Cụ phán ơi! Tôi vào thăm cụ đây!

Ông ta ngừng đầu lên trông, nhận được tôi, không nói năng gì, tức khắc đi vào trong nhà đóng kín cửa lại. Tôi ngạc nhiên quá, rẽ qua bờ đầm đến bên cạnh cửa, gõ gọi lần nữa thì có tiếng ông phán thưa ra:

- Có chuyện chi thầy để tới khi khác, giờ tôi không thể tiếp thầy đặng.

Trong nhà tối om, qua khe cửa tôi thấy leo lét có ngọn lửa đèn.

Hơn nửa tháng sau tôi mới lại gặp ông phán nghiệm ra phố. Hôm ấy ông ta đương trả tiền cơm tháng cho người chủ hiệu cao lâu phố Đệ Nhị, và hỏi giá mua mấy sọt than tàu. Thấy tôi cùng đi với một người bạn gái mới ở Hà Nội xuống chơi, ông ta không nói gì qua, cũng không đáp lại cái gật đầu của tôi, làm như người không quen biết tôi lần nào cả.

Tôi để cô bạn đi trước lại gần hỏi nhỏ ông ta:

- Lâu nay cụ mạnh giỏi chứ?

- Không mạnh giỏi lắm. Thầy ít bữa nay không ở Thái Bình sao mà tôi qua nhà hai lần không thấy?

- Thưa cụ, tôi đi chơi Ninh Bình.

- Đi với cô kia, phải không. Người chi mà lịch sự vậy?

- Một người bạn gái ở Hà Nội về chơi thăm tôi.

Ông ta yên lặng một lát rồi bảo tôi:

- Bao giờ thầy có thời giờ, vô chơi nhà tôi chút nhé! Tôi có chuyện này ngộ lắm đạ!

Tất nhiên là tôi không từ chối.

Ngay chiều hôm ấy, sau khi tiễn người bạn gái sang Nam Định trở về, tôi vội vã đến nhà ông phán Sài Gòn. Trời phơn phớt mưa bụi như gội thêm cái u tối xuống cảnh ngày đông. Cái nhà lá ở bên đường Vũ Tiên càng thêm có vẻ hiu quạnh...

Tới nơi thấy cửa đóng kín. Tôi đập cửa gọi thì bên trong có tiếng giận dữ hỏi ra:

- Ai.

- Thưa cụ, tôi.

- Tôi là ai? Gọi chi mà dữ vậy?

- Kia cụ phán, tôi đây mà! Người quen cụ đây mà!

Ông ta nhận được tiếng tôi rồi mà hình như chưa khỏi càu nhàu. Tôi nghe thấy bên trong lịch kịch như dọn dẹp bàn đèn, mấy tiếng phì phò thổi mạnh, rồi một lúc, thấy một con mắt ghé sau khe cửa nhìn ra:

- Cụ đang bận, phải không? Tôi đến cản trở cụ hử?

- Không hề chi. Tôi đang dở hút.

- Nếu vậy xin để lần khác tôi đến thăm cụ vậy?

- Không, (ông ta vừa nói vừa mở cửa) thầy cứ dô chơi.

Mắt tôi lúc ấy chưa quen tối, mà trong nhà cửa sổ vẫn kín bưng. ánh sáng nhạt nhẽo ở bên ngoài, ánh sáng yếu đuối ở ngọn đèn dầu lạc với cái hỏa lò than ở gần, chỉ cho tôi thấy lơ mờ mấy bộ ghế ngựa thấp kê ở giữa nhà, với sau đó là một thứ tủ chè ngắn và cao, hai cửa kính lấp lánh.

Câu thứ nhất ông bảo tôi trong lúc ông đi đóng cửa vào đã khiến tôi lấy làm lạ.

"ở nhà tôi, nhất là lúc tôi hút, thầy có thấy chi lạ cũng đừng sợ đạ thầy!"

Tôi ngồi ghé xuống bộ ghế ngựa, đưa mắt nhìn chung quanh nhà: một cái giường cầu, dưới chiếc màn đã lâu không giặt, kê một bên. Gian bên kia trổ một cái bàn thờ, trên để đủ các thứ: chai, lọ, tượng sứ nhỏ, sách chữ nhỏ, và nhiều thứ vật vãnh. Sau bàn, ẩn trong bóng mờ tối, phẳng phất hình những chậu sành nhón, những thạp và một hai cái chum con.

Ông phán ngồi xỏm lên bộ ngựa, cho thêm than vào hỏa lò và đặt một siêu nước lên trên, mở chụp đèn cật bớt bắc đi, tháo tẩu ra rồi vừa nạo, vừa thông thả nói:

- Hồi sớm mai tôi gặp thầy đi với một cô nào, tôi bắt tội nghiệp giùm cho thầy quá.

- Thưa cụ sao vậy?

- Vì thầy là người tôi có bụng mến lắm. Tôi nói thiệt, người đời xấu hết, tôi thấy ít ai tử tế, ít thấy ai không có bụng ghét đồ k❖, nhưng tôi thấy có thầy.

Lúc ấy tôi ngạc nhiên hơn là vui thích bởi những tiếng ngợi khen đó. Vì mến tôi, vì cho tôi tử tế mà ông ta thương hại khi trông thấy tôi đi với một người bạn rất dịu dàng, thì thực là một điều ngược đời, tôi không thể nào hiểu được. Tôi hỏi:

- Thừa cụ, cụ có quen biết người đi với tôi không?

Đây, tôi xin thuật lại đúng như lời ông ta đáp:

"Không, nhưng tôi biết người đó là đờn bà. Thế là đủ. Đờn bà không phải là người cho mình tin đâu, thầy. Họ dịu dàng, âu yếm, mơn trớn mình... Nhưng để coi: họ là con mèo giấu móng, hơn thế, họ là một giống nham hiểm mà biết suy nghĩ. Đờn bà thiệt đáng sợ lắm đó, thầy!"

Tôi nghe những lời nói thực thà một cách đột ngột ấy mà nhớ tới câu chuyện mùa xuân của một nhà danh sĩ Pháp. Trong đó kể chuyện một ông đứng tuổi khuyên can một chàng thiếu niên đừng sa ngã vào vòng ái tình. Tôi đang tìm câu trả lời thì ông phán Sài Gòn đã nói tiếp:

- Thiệt vậy, thầy nên tin ở tôi - đờn bà là giống đáng ghê sợ... Tôi sống một mình ở đây, bỏ cửa bỏ nhà, bỏ quê quán cũng vì đờn bà đó. Tôi đã khổ, đã cực nhục nhiều phen vì chúng nó. Tôi không muốn trở lại mà thấy những cảnh đã trông thấy nỗi đau khổ của tôi.

Rồi ông ta cho tôi biết rằng hồi niên thiếu, ông ta đã yêu, mà yêu một cách nồng nàn đắm đuối. Không có sự khó khăn nào, không có điều nguy hiểm nào ông ta không vượt qua để được gần gũi người yêu: mà khi đã chiếm được lòng ai rồi thì không có sự vất vả nào ông ta không chịu mang để người yêu được sung sướng, "sung sướng như bà hoàng hậu". Thế mà người ông yêu lại đi yêu người khác. Lòng người yếu đuối: ông rộng lòng tha thứ cho, nhưng người thiếu phụ ấy không hề ăn năn, tìm nhiều cách lừa dối, lường gạt ông, ông tha thứ cho bao nhiêu lần là bấy nhiêu lần ông đau khổ.

- Thế rồi tôi sinh ra căm tức, thù ghét người tôi thương: không những thế, tôi còn ghét lây, thù lây cả giống họ nữa. Tôi trông thấy người đờn bà là tôi thấy một vật độc ác giấu lưỡi gươm ở hai con mắt, giấu bẫy cạm ở trong lòng. Thầy ôi! Cho nên tôi thấy thầy đi với họ - thầy là một người tử tế hơn ai hết thầy, là người mà tôi coi như hình ảnh của tôi ngày trước - nên tôi buồn giùm. Thầy nghe tôi, thầy phải coi chừng, những tay ngà ngọc của họ bóp trái tim mình không biết chùn, đa! Mình có đau khổ, mình có thất tình mà chết họ cũng trời kệ.

Lúc ấy ông ta đã đánh sai xong, đang ngả mình nướng điều thuốc mới. Tôi thấy cái phút yên lặng lúc đó khó chịu lắm, đang muốn nói một câu gì nhưng chưa tìm được, thì ông phán lại nói luôn:

- Đời tôi bây giờ không còn mong gì nữa rồi... cái sanh thú độc nhứt của tôi bây giờ chỉ có thuốc phiện, chỉ có ả phù dung, là một vị tiên ác nghiệt nhưng trung thành: mình không ruồng bỏ thì thôi, chớ chẳng đời nào cổ ruồng bỏ mình. Câu ví của tôi nghe ngộ quá hử! Cái ái tình của tôi chỉ là hút á phiện - có vậy đó thôi. Còn đờn bà! Trời ơi! Đờn bà là một vật chi vậy?... Một bữa tối qua Nam Định, tôi trông thấy một bức tranh vẽ treo ở cửa một nhà hát bóng; tôi thấy, tôi không bao giờ quên. Tranh đó vẽ một con đờn bà lúc đêm tối ngồi để tay lên đầu một anh đờn ông... mà cái bóng đen của hai đứa chiếu lên tường lại là bóng con hổ cái diu đầu một người xuống dưới một chụm trước của nó.

Tôi thấy cái ngụ ý đúng quá, cười àm lên. Từ đó tôi được một hình ảnh để ví giống đờn bà, hạp với ý tôi... rồi tôi lại kiếm được một hình ảnh hay hơn, đúng hơn ấy là giống rắn!

Điều thuốc vừa chín, làm tắt mắt mấy tiếng cười gằn. Ông nâng xe phiện mời tôi:

- Thầy hút điều thuốc cho khỏe.

- Xin vô phép cụ.

Ông không nài, thót má vào kéo một hơi, rồi lừ đừ mắt mà thờ.

Lúc ấy tôi như đang giao tiếp với một nhân vật kỳ quặc trong một cảnh tượng huyền ảo... Tôi nghĩ đến những lời khe khắt quá đáng của người đàn ông kia mà thấy ghê rợn cả người. Những lời nói căm hờn ấy có một mãnh lực rất quái lạ... Tôi tất nhiên không biểu đồng tình, nhưng tôi cũng không tìm được nhẽ gì để bài bác.

Ông ta tiêm luôn mấy điếu nữa hút, để mặc tôi suy nghĩ vẩn vơ. Tôi lơ đãng nhìn ngọn đèn lửa nhọn đâm thẳng lên, nhìn những tiêm móc và các đồ dùng trên bàn đèn, nhìn khói trắng từ từ lan ra trong bầu không khí thơm nồng và ấm áp, rồi lại nhìn bộ mặt gầy guộc xanh xám mờ màng trong làn khói bộ mặt in đầy những vẻ chua chát mỉa mai...

Bỗng nhiên tôi tái người đi, hai hàm răng cắn chặt lấy nhau để giữ một tiếng kêu, vì tôi vừa thấy một vật ghê gớm: một con rắn cạp nong lớn, mình lấp lánh như chiếc khăn quàng bằng lụa bóng, đang yên lặng nằm vắt qua cổ ông. Con rắn hình như không để ý gì đến tôi... chỉ ngóc đầu lên gần mặt ông ta mà chờn vờn những làn khói thuốc phiện chưa tan hết. Ông phán nghiệm thì lim dim mắt nằm đó, nét mặt thản nhiên lạ thường. Tôi bám lấy mép ghế ngựa cho khỏi run, muốn chạy nhưng chân ríu lại... Quay ra cửa thì cửa đóng kín. Tôi hết sức tinh trí se sẽ gọi:

- Cụ phán!

Ngoảnh lại, con rắn không còn đó nữa, biến đi như hình ảnh một giấc mơ.

Trống ngực tôi đập thình thình, tôi lẩm bẩm một câu hỏi mà không biết ông phán có nghe thấy không, chỉ thấy ông ta mở mắt ngồi thẳng dậy cười mấy tiếng nghe rợn tóc gáy, rồi bảo tôi:

- Tôi đã biểu thầy đừng sợ từ lúc mới bước vô đây kia mà...

- Nhưng vừa rồi tôi trông thấy một con rắn nó quấn cổ cụ!

- Phải, con rắn của tôi đó... Con rắn của tôi nuôi.

- Nó đâu rồi?

- Đây nè! (ông ta vừa nói vừa trở cho tôi thấy một cuộn tròn ngũ sắc ở trong bóng cái gối xếp) Vừa rồi nghe thầy gọi, nói chui nằm xuống đó... Thầy trông ngộ lắm phải không?

- Nhưng, trời ơi! Sao cụ lại nuôi cái quái vật ấy thế?

- Nó là rắn chứ không phải là quái vật. Vì thầy coi: nó có nở hại tôi bao giờ đâu? Nó quấn quýt bên mình tôi đã có trên ba, bốn năm nay rồi... Cái quái vật mà người ta không ngờ, mà người ta tin yêu, ấy là đờn bà, ấy là giống tôi ghét và tôi sợ nhất đó.

Tôi không thấy lời nào độc địa hơn thế nữa, nên vẫn không biết trả lời ra sao. Ông phán hình như không thèm để ý đến tôi, chỉ vừa cười nói tiếp:

- Phải. Tôi ghét tụi đờn bà lắm, nên mới nảy ra cái ý kiến nuôi rắn làm bầu bạn, trong lúc sống một mình này. Tôi làm thế để an ủi lòng tôi, để ngạo đời chơi, để cho chúng biết rằng tôi ở với rắn còn sung sướng hơn ở với chúng.

Tôi mua đặng con rắn từ bốn năm về trước trong hồi tôi qua Nam Định có việc - mà chính là hồi tôi nảy ra ý kiến so sánh rắn độc với đàn bà... Tôi đem nó về rồi ngày ngày đặt cái lồng đựng nó ở bên bàn hút, nói chuyện với nó, than thở với nó, như tình tự với người thương. Tôi hút thuốc nào lại hà khói vào lồng để cho nó nuốt đi. Cứ vậy trong hơn một tháng trời, lần lần con rắn thành quen khói thuốc, thành "nghiên". Tôi mới thả ra cho nó đi, nhưng chỉ ít lâu nó lại trở lại quanh quẩn bên bàn hút. Rồi cứ vậy cho tới giờ, con rắn không bao giờ muốn rời bỏ tôi ra. Tới bữa hút là nó lại bò gần tôi... Mỗi ngày tôi một cữ nó hơn lên và để cho được tự do "mơ trốn" tôi như thầy vừa thấy đó.

- Bữa trước thầy tới chơi thì tôi vừa mới bắt đầu nằm hút. Mà lúc con rắn của tôi chưa đủ nghiện thì không được hiền lành với người ngoài... Tôi sợ thầy đột nhiên trông thấy nó, lỡ có vô ý động tới nó chẳng, nên mới không tiếp thầy đặng. Bây giờ thì tôi bắt sao, nó phải theo vậy: nó lành hơn con chiên.

Vừa nói, ông ta vừa vuốt lên những khúc cuộn tròn của con rắn một cách nhẹ nhàng, yêu dấu như người vuốt ve một con mèo, miệng sẽ huýt mấy tiếng còi. Con rắn liền ngóc đầu lên, vươn mình bò quẩn lấy cánh tay ông ta. Ông ta rũ một cái, nó lại nằm cuộn tròn dưới chiếu.

Ông phán quay lại bảo tôi:

- Đã trên ba, bốn năm trời rồi, tôi vẫn sống với nó như sống với một "người bầu bạn" trung thành, nên đời tôi cũng không quanh hiu lắm. Mà mỗi khi tủi phận hay cảm tức vì nghĩ tới chuyện xưa, tôi lại gọi nó ra bên bàn đèn mà than thở với nó... Những lúc đó tôi thấy sung sướng trong tâm lắm, vì nghĩ rằng con rắn của tôi còn tử tế hơn đờn bà lận.

Lúc tôi cáo từ ông phán nghiệm đi ra, thì bên ngoài trời sấm tối, mưa lâm tẩm gọi một cách dịu dàng vào đôi má nóng bừng của tôi... Tôi thấy lòng nhẹ nhàng, trí vẫn tỉnh táo suy nghĩ được như thường - vì tôi thú thực, câu chuyện của ông phán kỳ quái vừa rồi làm cho tôi tưởng đến loạn óc mất. Tôi tìm cách hiểu lấy đôi chút tâm trạng của người đàn ông ấy, nhưng cũng không thể nào hiểu được: phải là người khổ lắm - khổ quá - phải trải qua nhiều điều đắng cay chua xót vì đàn bà lắm mới có những tư tưởng "quá khích" như thế được.

Bốn năm hôm sau, tôi lại vào chơi nhà ông phán Sài Gòn. Ông ta hỏi tôi:

- Bộ thầy cho tôi là người kỳ cục lắm hả? Mà kỳ cục thiệt, chớ chi? Nhưng có điều tôi không hại tới ai. Người ta ghét tôi, tôi ghét lại. Thế là công bình. Miễn không ai quấy rầy tôi là tốt.

Tôi trông thấy con rắn vắt qua cổ ông ta cũng đã quen mắt và mấy lần sau tôi đến đã dám theo lời ông ta vuốt lên mình nó mà không việc gì. Ông phán cười không thật và khàn khàn bảo tôi:

- Thầy viết báo đã thấy có người ở với rắn bao giờ chưa?...

... Cuối năm ấy, tôi từ già Thái Bình, có đến chào ông phán Sài Gòn thì thấy ông ta vừa vuốt ve con rắn cạp nong vừa phàn nàn rằng ít bữa nay ông hút thuốc là hút cho con rắn chứ không thấy thú nữa. Hồi đó, ông ta bắt đầu bị yếu. Tôi nghĩ bụng: người nghiện chê thuốc hẳn không phải là một triệu chứng hay.

Đầu tháng giêng năm sau, giữa hôm tôi lại đến Thái Bình chơi thì được tin ông phán Sài Gòn vừa mới chết lúc sáng.

Người bạn của tôi bảo tôi:

- Ông phán nghiện vẫn ốm từ hồi trong năm. Bệnh xem chừng càng ngày càng nặng thêm, trước còn ăn uống qua loa, nhưng sau bỏ cơm hẳn. Mấy hôm nay, bữa nào thẳng bé hiệu cao lâu đem cơm nước đến cho ông ta, cũng thấy đóng cửa kín; ông phán nằm dí trong nhà, ngừng tiếng rên để gắt đuôi nó xách cơm về. Nhưng từ hôm qua thì cố nghe ngóng cũng không thấy gì nữa. Sáng hôm nay người ta tới đập cửa thình thình cũng không thấy động đậy.

Tôi bỗng có một thứ cảm giác kỳ dị: tôi nghĩ ngay đến con rắn cạp nong.

Tức khắc tôi cùng người bạn đi trình cảnh sát rồi phá cửa vào xem, thì quả nhiên ông phán nằm chết cứng bên cái bàn đèn tắt, mà con rắn thì quấn chặt lấy cổ ông, đầu nó đang cố rúc vào mũi ông ta, như muốn tìm cái hơi thuốc phiện trong ấy.

Chúng tôi hết sức cẩn thận tìm cách bắt nó, nhưng cẩn thận vô ích, vì con rắn đói thuốc, không nhanh nhẹn được nữa. Nên chúng tôi bắt được nó rất dễ dàng.

*Rút từ tập truyện ngắn
Bên đường thiên lôi, 1936.*

Thế Lữ, ngôi sao thứ sáu của Tự lực văn đoàn Hàng Yến Lưu

Có nhà nghiên cứu Văn học VN tiền bán thế kỷ 20 cho rằng khi thành lập *Tự lực văn đoàn* vào năm 1933, *Nhất Linh* có nghĩ tới nhóm *Thất tinh* (La Pleiade trong văn học Pháp thế kỷ 16 Pháp với các tài danh như Ronsard, du Bellay).

Nhóm *Phong Hóa* buổi đầu không có *Thế Lữ* mà chỉ có *Nhất Linh*, *Khái Hưng*, *Hoàng Đạo*, *Thạch Lam*, *Tú Mỡ* và họa sĩ *Nguyễn Gia Trí*. Rồi *Thế Lữ* lọt vào mắt xanh của *Nhất Linh* khi chàng trai mới vào nghề văn và cho đăng truyện *Vàng và Máu* trên tờ *Ngọ Báo* và lên *Hà nội* kiếm việc. Qua *Tú Mỡ*, *Thế Lữ* được giới thiệu với *Nhất Linh* và được *Nhất Linh* niềm nở đón tiếp và tạo cơ hội cho góp mặt trên tờ *Phong Hóa* bằng bài thơ *Con người vợ vắn* đăng trên số Tết 1933. Tiếp đó ông trở thành nhà thơ đầu đàn phong trào thơ mới. Khi văn đoàn được thành lập *Thế Lữ* là ngôi sao thứ sáu của văn đoàn. Còn *Xuân Diệu* chỉ gia nhập văn đoàn sau này và bước đầu sự nghiệp cuœa tác giả *Thơ thơ* một phần do công cuœa *Thế Lữ* nâng đỡ.

Thế Lữ tên thực là *Nguyễn Đình Lễ*, còn có tên là *Thứ Lễ*, sinh tại ấp *Thái Hà*, *Hà nội* nhưng thuở nhỏ sống ở *Lạng sơn* với bà nội. Quê nội của ông ở xóm *Tự*, làng *Phù đồng*. Sau đây là vài nét cuộc đời của *Thế Lữ*:

1918 theo học chữ quốc ngữ và chữ Pháp tại trường *Pháp Việt ở Ngõ Nghè*, *Hải phòng*, 1924 đỗ bằng sơ học yếu lược, vào trường *Cao đẳng tiểu học ở Hải phòng*, đến năm thứ ba thành chung nghỉ học vì bệnh, sau đó có lên *Hà nội* dự thính tại trường Mỹ thuật. Tuy nhiên sức khỏe không đủ nên ông quay về *Hải phòng* dưỡng bệnh. Khởi bệnh,

được một người bạn sau này là luật sư *Vũ Văn Hiến* giúp đỡ lên Hà nội kiểm việc (làm thợ sửa bài cho tờ *La Volonté Indochinoise*) và quen biết *Tú Mỡ* rồi được giới thiệu với *Nhất Linh*.

Hoàn cảnh của *Thế Lữ* trước khi bước chân vào nhóm *Phong hóa* có nhiều áp lực (sinh 1907, cưới vợ vào tuổi 17, sinh con đầu lòng vào tuổi 22, con thứ hai vào tuổi 24, học hành dở dang, lại bị bệnh lao... và thất nghiệp) đã được ông tự giới thiệu khá chân thành trong bài thơ đầu tiên góp mặt trên thi đàn *Phong hóa*:

Đó là một kẻ không nơi trú ẩn

Bốn phương trời xuôi ngược bấy lâu nay

Tối ba mươi theo bước tới nơi đây

Giữa hoan lạc riêng thấy mình trợ trợ

Từ khi vào *Phong Hóa* và tiếp đó có chân trong *Tự Lực văn đoàn*, sự nghiệp “*đường mây rộng thênh thênh cử bộ*” của *Thế Lữ* gắn liền với *Phong hóa* và *Ngày nay* nói chung và nói riêng với người lãnh đạo văn đoàn là *Nhất Linh*. Có *Nhất Linh* mới có *Thế Lữ* nên *Thế Lữ* coi *Nhất Linh* là ân nhân. Cũng vì thế trong *Mấy vần thơ*, một trong những bài thơ hay nhất là bài *Nhớ rừng* đã được *Thế Lữ* đề tặng *Nhất Linh*. *Thế Lữ* đã biết tâm trạng muốn phá ách nô lệ của tác giả *Đoạn Tuyệt* và *Đôi Bạn* nên mới tạo ra hình ảnh con hổ bị giam trong vườn bách thú “*gậm một khối căm hờn trong cũi sắt*”. Còn bài *Giấy phút chạnh lòng* cũng là cảm xúc của nhà thơ về tâm trạng của người anh cả trong *Tự Lực Văn Đoàn*.

Thế Lữ là cây viết đa dạng cuœa TLVĐ. Ông là nhà thơ lớn, một kịch tác gia có tài và cũng là cây viết truyện kinh dị số một cuœa nền Văn học Chữ Quốc ngữ. Nếu nhiều người còn nhớ bài *Nhớ Rừng*, *Cây Đàn Muôn Điệu* và *Tiếng Sáo Thiên Thai*... trong thi tập *Mấy Vần Thơ* thì cũng chẳng mấy ai quên những tác phẩm khiến người đọc dựng tóc gáy như *Vàng và Máu*, *Ba Hồi Kinh Dị* và *Trại Bò Tùng Linh* cuœa cây viết đa năng này. Nhớ đến *Thế Lữ* có một số điều không thể quên. Trước hết, ông là một con người cực kỳ mơ mộng và phong phú trí tượng ngay nơi mình ra đời cũng không biết rõ, khi thì ông nói ra đời năm 1907 ở *Lạng sơn*, khi thì bœo sinh ở *Thái Hà áp* và sau này lại khai quán làng *Phù Đổng*, *huyện Tiên Du*, *tỉnh Bắc Ninh*. Ông lấy bút hiệu *Thế Lữ* chỉ là hoán đổi mẫu tự cuœa hai chữ tên thực *Thứ Lễ* (Nguyễn), và lấy bút hiệu *Lê Ta* trên báo *Phong hóa* cũng hàm ý *Lê ngã* (ta) *Lẽ*.

Khi cánh chim bằng *Thế Lữ* đã lên tới đỉnh trời cao, ông là thần tượng của thanh niên một thời.

Huy Cận kể lại vào năm 1934, nhân hội chợ *Huế*, ông cùng *Nguyễn xuân Sanh* (sau này cũng là một nhà thơ trong nhóm *Xuân thu nhã tập*) đã có cơ hội gặp thần tượng *Thế Lữ*. Đây là chân dung tác giả *Mấy vần thơ* dưới mắt hai cậu học sinh thời ấy:

“Gần tết năm 1934 ở *Huế* có mở hội chợ gần viện *Dân Biểu*, bên bờ sông *Hương*. Có một tin làm chúng tôi náo nức, là nhà thơ *Thế Lữ* sẽ vào thăm hội chợ. Lúc bấy giờ chúng tôi đã đọc các bài thơ của *Thế Lữ* đăng trên tờ *Phong hóa* và lúc đó tập *Mấy vần thơ* của *Thế Lữ* cũng vừa mới phát hành. Một bạn đọc lớp tôi đã đặt mua được một bản *Mấy vần thơ* giấy đẹp (giấy De Rives), giấy trắng xốp rất đẹp. Quyển *Mấy vần thơ* là quyển đầu tiên trong loại sách mỹ thuật của nhà xuất bản *Đời Nay*, do kỹ sư ấn loát *Đỗ Văn trình* bày, và do họa sĩ *Trần Bình Lộc* minh họa. *Xuân Sanh* và tôi suốt cả một buổi chiều đi đi lại lại trong hội chợ cốt gặp cho được *Thế Lữ* để chào anh, để nói với anh vài lời, tỏ lòng hâm mộ của chúng tôi. Không khí hội chợ gần tết rất phơi phới, có cái gì như xui lòng người ta rạo rục, nghĩ đến những tình duyên đẹp, những cuộc hội ngộ đắm thắm. Rồi xế chiều, *Thế Lữ* đi vào hội chợ, đi theo có vài người bạn. *Thế Lữ* lúc đó còn trẻ lắm, nhưng như anh đã nói trong một bài thơ, ‘*Nỗi gian truân trên bước đường*

đời' đã cho nét mặt anh có một vẻ trầm tư xa hơn cái tuổi của anh. Bọn tôi ngắm anh từ đôi mắt nhìn thẳng mà vẫn mơ mộng, đến hai bàn tay thon như bàn tay các cụ đồ ngày xưa, đến dáng đi rất nhẹ của anh với thân hình mảnh dẻ, dáng đi như lướt trên đường, không nghe tiếng chân ấn xuống đất. Chúng tôi chào *Thế Lữ*, không nói được gì nhiều, một phần vì chúng tôi cảm động, một phần vì anh cũng có vẻ phải đi vội. Nhưng anh cười với chúng tôi một cách rất bè bạn, tỏ ý thông cảm lòng yêu văn thơ của chúng tôi".

Sau 1945 *Thế Lữ* chỉ còn là nhà biên soạn kịch và chèo bị quên lãng trong cacành cơ hàn và bệnh hoạn nên về già phải bỏ *Hà nội* vào *Sài gòn*. Khi công danh xán lạn ông bỏ vợ cả (bà Nguyễn thị Khương) vào 1938 để lấy cô đào trẻ (Song Kim Nguyễn thị Nghĩa) và 1977, bệnh hoạn thì bỏ người tình kịch nghệ quay về với vợ cả và con gái ở 161 đường *Nguyễn Đình Chiểu*, *Sài gòn*. Tại đây trước khi mất vào 1989 *Thế Lữ* xin trở lại đạo sau gần nửa thế kỷ bỏ đạo. Cuộc đời *Thế Lữ* gây nhiều mâu thuẫn và vào lúc cuối đời, có người thương và không ít người trách ông.

Bản chất *Thế Lữ*, như *Tú Mỡ* "hiền lành" và đôi chút nhút nhát. Cũng theo *Tú Mỡ* vào 1940 khi nhóm *Hoàng Đạo*, *Khái Hưng*, *Nguyễn Gia Trí* bị *Pháp* bắt giải lên châu *Vụ Bản*, *Hòa Bình* thì *Thế Lữ* trốn về *Hải phòng* lánh nạn. Sau 1945, ông cũng là người viết tự kiểm thảo và nhìn nhận tác phẩm thơ văn của mình là thứ "văn xa thực tế, đi từ mơ màng, huyền diệu đến chán nản, trụy lạc" và không tiếc lời phê bình *Nhất Linh* tới mức thóa mạ một kẻ đã nâng đỡ mình trên văn đàn: "Nó nuôi cái mộng ăn trên ngồi chốc của nó trong những huyền tưởng cải cách: lập đồn điền kiểu mới, tổ chức văn nghệ 'tự lâm' và phỉnh đốn giả bằng những tiểu thuyết lấy 'hành động cách mạng' làm đề tài – nhưng là thứ 'cách mạng' mơ hồ, dựng trên cơ sở của một ảo mộng làm lớn. Nguyễn Tường Tam là một cái bóng ma, vừa thu mờ vừa thu nhỏ lại của tên cuồng vọng Hitler. Kịch thích vì những hành động của ông thầy quốc xã nó mơ làm chính trị từ hồi viết *Đoạn Tuyệt*. Đường lối chính trị của nó rõ rệt nổi ở những điểm này: thỏa hiệp đầu hàng thực dân *Pháp* hồi làm báo; ôm chân phát xít Nhật hồi Nhật chiếm Đông dương; ôm chân quân đội *Tường Giới Thạch* hồi *Cách mạng* dân chủ nhân dân thắng lợi và bây giờ làm nốt cái sự nghiệp phản dân phản nước bằng cách trở về ôm chân đế quốc *Pháp-Mỹ*. Hiện nay núp sau lưng giặc, nó đang cố dựng lại *Tự lực* văn đoàn với những tên bồi bút ăn phải bả của nó".

(Trích "Những sợi dây trói buộc tôi trên đường phục vụ cách mạng"
- Tạp chí văn nghệ tháng 7, 1953)

Một chuyện ngoại tình

Hai người lấy nhau đã gần sáu năm.

Người đàn bà đã thay đổi nhiều về hình dung cũng như về tính nết.

Có thể gọi sự thay đổi ấy là một tiến bộ mau chóng về thời Âu hóa văn minh.

Cô gái nhút nhát, từ xưa chưa hề bao giờ ra khỏi cái tỉnh nhỏ là nơi cô sinh trưởng, quanh năm ẩn náu bên mình bà mẹ góa cần kiệm nuôi nhau trong bóng một ngôi hàng con con, đến bây giờ đã nghiêm nhiên trở thành một thiếu phụ sắc sảo lịch thiệp, một "nữ lưu tân nhân vật" hoàn toàn.

Đó là nhờ ở khiếu dễ hóa của người đàn bà, ở cái thông minh tinh ý mà cô Lan sẵn có, nhất là ở cái ý muốn nhiệt thành gây dựng của chồng cô ta.

Toán quả là một người chồng chu đáo. Đứng đắn, chí thú, yêu đời theo một quan niệm giản đơn, có tham vọng nhưng có mực thước, anh chàng này để cả lý tưởng vào sự tô điểm cho hạnh phúc gia đình. Toán mồ côi sớm, được một ông chú họ cấp đỡ, được học ít, nhưng giỏi học tất, và đến năm hai mươi ba tuổi, thi đỗ, có việc làm chắc chắn, là lo ngay đến chuyện kiếm một người vợ xinh đẹp.

Toán biết Lan do một dịp về chơi Hưng Yên và được bà con mách mối. Anh ta mền phục cuộc đời cần cù của bà mẹ cũng như yêu thương cái nhan sắc hiền hậu của cô con. Địa vị của Toán được nhà gái coi bằng con mắt rất trọng vọng ngay từ cuộc ước hỏi ban đầu, và đến khi "ông phán tòa sứ" Hà Nội trẻ tuổi ấy về cưới Lan, thì tất cả mọi người quen thuộc của hai họ ở Hưng Yên đều mừng cho Lan là gặp bước may quá chừng tốt đẹp.

Hôm cưới, sau khi đã nhắc lại cho con gái nghe hết những điều khuyên răn quan trọng, bà mẹ bảo riêng Toán:

- Em nó vụng dại lắm. Cậu nên dạy dỗ cho nó biết cách đối đãi với họ hàng. Tôi chỉ có mình nó, được phó thác nó trong tay cậu, cũng lấy làm yên tâm. Nó không được như người tỉnh thành, vợ cậu chẳng khác gì mẹ vợ cậu đâu, nó quê mùa lắm.

Toán cũng biết người mà anh ta chọn làm vợ không có một tý gì là tân thời. Học thức đơn sơ, sự giáo dục chỉ khuôn trong nền nếp cổ, nói năng thật thà và cử chỉ mộc mạc, Lan sẽ là một nét nâu sồng lạ mắt đặt vào giữa những hình sắc đô thị hào hoa. Nhưng Toán không hề lấy làm bận lòng. Riêng về đẹp ý nhị của Lan cũng đủ thay thế cho những đức tính khác mà Toán sẽ hun đúc dần cho vợ. Khuôn mặt Lan nét thanh và dịu, đôi mắt Lan lẳng chìm một màu tinh tú kín đáo dưới hàng mi cong và dài, cặp môi Lan đầm thắm ngậm một thứ duyên thầm lặng đôi khi hé ra lóng lánh ở miệng cười răng đen.

Toán ngắm vợ nhiều phút sửng sờ, và khoan khoái nhận thấy mỗi lúc một hiển nhiên thêm rằng mình chiếm được trong tay một thứ ngọc báu chân chất hiếm có.

Bạn đồng sự của Toán đều khen Toán là có điểm phúc. Một ông phán già vui tính, một bữa đang giờ làm việc thấy Toán giờ xem lại bức ảnh đầu tiên anh chụp chung với vợ, cũng phải gật gù:

- Vốt phăng mà ăn mặc tân thời vào thì đến hoa khôi Hà thành cũng khó mà bì kịp.

Toán cũng nghĩ thế.

Anh tìm được một hình ảnh mà anh tự thấy hay: Lan của anh mới chỉ là cô gái giữ lụa ở thôn Trữ La, chưa là nàng Tây Thi ở cung đình nước Việt.

Rồi Toán để tâm "cải hóa" Lan.

Toán mua các sách quốc ngữ về cho Lan đọc; cắt nghĩa cho Lan những trang tuần báo tranh ảnh của Pháp nói về "đời sống mới" về thời trang. Anh rèn tập cho Lan ham chuộng những lời cư xử ăn nói của người "tỉnh thành". Anh lựa những lời khôn khéo để Lan sớm thấy sự quê mùa trong cách xưng hô của Lan lúc ban đầu. Lan dần dần quên hẳn được tiếng "nhà" mà cô ta vẫn hay dùng, cho đó là tiếng gọi chồng âu yếm nhất. Đến lúc vợ chồng gọi nhau là "minh" khi thân mật, rồi lại gọi nhau bằng tên nũ thì Lan đã bỏ hết mọi vụng dại và khép nép của cô gái quê. Toán không ngại tiếp đón đãi đằng cả những bạn hữu sang trọng nhất. Một đôi khi (lúc đó đã ở với nhau được hai năm,

Lan đã cạo răng và chỉ ưa mặc quần tơ trắng) chồng đã thấy hãnh diện đi chơi với vợ ở một vài đường phố đông người. Lan mặc trang phục mới càng tôn vẻ đẹp của thân hình. Cô ta đánh phấn rất khéo. Sơn phấn với quần áo đổi mới được cả cử chỉ và tính nét con người. Lan đi đứng lẹ làng trên đôi giày gót cao, nói năng hoạt bát đủ mọi điều và tỏ ra lịch thiệp không thua kém một ai trong hàng phụ nữ có chồng địa vị cao sang hơn Toán. Các bạn mới quen gia đình Toán không ai có thể ngờ được rằng vợ của Toán đã là cô dâu e thẹn với bộ yếm sồi váy lụa ngày nào. Đến Toán cũng phải ngạc nhiên. Anh thường bảo vợ:

- Lan chắc quên mất Lan trước kia rồi đấy nhỉ?

Cô trả lời:

- Lan chẳng quên. Toán quên thì có. Lan vẫn nhớ mãi hình ảnh Lan ngày mới yêu Toán vì đây là kỷ niệm sâu xa nhất trong đời của Lan.

Toán mỉm cười. Câu nói văn hoa và trơn tru này chính là thứ văn chương Lan vẫn say sưa đọc.

Những cử chỉ âu yếm mới lạ, những cách vuốt ve mê mải bạo liệt, trước kia khiến người thiếu phụ rất đổi sượng sùng, bây giờ lại chỉ làm rung động Lan trong chừng mực vừa phải...

Một buổi ẩm tắm thân là lướt và thơm tho của Lan, Toán nhìn vào đôi mắt tươi cười của vợ và hình như thoáng nhận thấy một vẻ lạnh lẽo thờ ơ, anh bỗng gọi:

- Lan!

- Gì thế Toán?

- Lan ơi!

Đôi mày Lan nâng cao lên đợi chờ và ngạc nhiên. Lời nói của Toán có một giọng tha thiết khác lạ.

- Lan ơi! Mình yêu anh chứ?

Lan phụng phịu ra bộ dỗi và lưỡng lự uốn éo trong tay chồng. Lan bao giờ cũng bảo Toán:

- Em chỉ biết yêu mình. Cả tâm hồn em, cả thân thể em là của mình.

Lan biết ngăn đón cả sự ngờ vực của Toán:

- Lòng em trong sạch như nước suối. Em thấy mình cứ phải gắng hỏi, em khổ lắm! Ước gì ở đời này chỉ độc trọn có hai đứa chúng ta...

Toán ôm chặt lấy Lan, nhưng anh thờ dãi, và xót xa nghĩ đến hồi yêu thương thứ nhất.

Anh nhớ lại những bữa tiệc, những buổi chiều bóng, chiều đái đặc biệt; trong đó nhan sắc của vợ anh lộng lẫy trước những vẻ nhìn tối tăm vì ghen ghét và những ánh mắt lóng lánh vì ước ao...

Anh điếm lại những mặt bạn hữu từ sơ đến thân, những người đã được lời chế giễu chê bai của Lan làm cho anh hớn hờ. Một khóe mắt, một miệng cười mỉm, một bàn tay mềm mại giơ ra bắt... Những hình ảnh đó tản mạn ở bao nhiêu trường hợp đã qua, nay hiện lại cả trong trí người chồng và rõ rệt lên, có một ý tứ bây giờ mới nhận thấy.

Sự ngờ vực gieo trong lòng Toán. Mầm độc nở lên rất mau như có tay tình ma vun tưới. Toán khổ sở ghê gớm và âm thầm.

Anh tự nhủ rằng Lan không lừa dối anh bao giờ. Không! Lan không có lý nào hết yêu anh! Vả lại chứng cứ đâu? Nhưng Toán không thôi dò xét. Anh ôn lại từng cử chỉ, từng lời nói của Lan khi anh ở ngoài về, khi Lan đi chơi một mình về nhất là sau khi Lan vắng nhà buổi tối. Anh trách anh vô lý. Lan cũng đã phải bực tức với anh, và có phen phải khóc lóc. Anh yêu Lan đằm đuối hơn trước, dữ dội hơn trước. Nhưng anh càng đau đớn hơn. Cả trong lời phân trần của Lan anh cũng thấy có ý khác.

Một buổi tối thứ bảy, Toán tìm ra được nguyên do sự ngờ vực của mình.

Tối hôm đó, anh cùng Lan vào nhà hàng Gôđa phố Tràng Tiền. Lúc trở ra. Lan đi trước, anh còn ở lại trả tiền rồi ra sau. Một người quen mới trông thấy Lan, tưởng cô đi một mình, vội vã lại gần Lan và tỏ ra một sự mừng rỡ hơi ngoa, nếu chỉ là bạn thường như mọi người khác. Thái độ ấy tuy ghim giữ lại ngay, nhưng Toán đã bắt chợt được hiệu tay chặn ngừng, kín đáo của Lan và một vẻ bên lên thoáng qua của người bạn.

Toán bắt tay người bạn kia vui vẻ như mọi lần. Anh có được những câu chào mời tự nhiên và một cách biểu lộ vô tâm rất khôn ngoan khiến chính anh cũng phải lầy lăm lẹ.

Toán ngạc nhiên hơn nữa khi nhận thấy tâm hồn mình sao mà lại bình tĩnh được đến thế và lại như thênh thang nhẹ bồng hẳn đi.

Từ già người bạn rồi, anh ân cần hỏi ý kiến Lan về những thứ hàng vừa mua hoặc những chuyện may sắm khác. Đối với Lan, với điều bí ẩn của Lan mà anh vừa chợt biết, anh có một thái độ nhã nhặn kín đáo của người lịch sự khi biết chuyện riêng của người ngoài. Anh biết cách lánh xa đi - lánh mặt với những bước rút lui rón rén. Anh cũng "không trông thấy" hai ba lần Lan nhìn trộm anh, anh ngạc nhiên rất giỏi khi Lan đã động tới các bạn hữu để dò ý anh. Phải, Toán cố đóng vai anh chồng mù tịt không biết gì, mà đóng một cách thực tài tình. Anh dụng công phá tan bằng hết đám mây lo ngại đi cho Lan.

Vì anh có một chủ ý.

Đêm hôm ấy, Toán nghe vợ nhắc lại những lời âu yếm nét mặt lộ ra được hết về cảm động sung sướng và trong những ý chua chát, anh nhận thấy mức độ can đảm lạng lẽ của mình. Anh đáp lại sự vuốt ve của Lan cũng bằng những cử chỉ nồng nàn và khi hôn lên miệng Lan trước khi vợ vào phòng, Toán nghĩ đến cảnh tượng giống như lúc này, Lan ngả nghiêng trong tay người khác.

Hơn một tuần lễ không có gì lạ trong sự chung đụng của hai vợ chồng. Lan vẫn có những cơn rất chính đáng để vắng nhà, Toán hỏi chuyện và đôi khi lại nói khôi hài để Lan cười nữa. Những thứ quà kẹo bánh mà Lan thích, Toán vẫn không quên mua về, và lúc đưa cho Lan, anh vẫn trêu chọc để vợ nhắc lại những cử chỉ và những lời nũng nịu. Lan yên tâm lắm. Lan không lo giữ gìn nữa. Toán biết đã đến lúc thi hành cái mưu của mình.

Đó là một cái mưu cổ điển.

- Lan ạ, chiều thứ bảy anh phải đi Nam Định.

Toán vừa nói vừa thản nhiên đưa bức thư của người bạn mời anh xuống Nam để bàn một chuyện cần.

- Chiều thứ bảy anh đi, sáng hôm sau về ngay. Nhưng thế nào anh cũng mua nhiều quà cho Lan...

Lúc ấy là chiều thứ sáu.

Toán không nhìn cái mừng rỡ có thể trong mắt Lan. Anh bảo thằng Quýt đi giục quần áo ở thợ giặt, nói to mấy ý nghĩ thầm về cái công việc dưới Nam Định và dặn Lan sắp va ly cho anh.

Chiều thứ bảy, khi xe lửa chạy và nhìn tay Lan vẫy tiễn chào anh, Toán tính lại thời kỳ ân ái của mình với Lan: năm năm và hơn bảy tháng. Thực là ngắn ngủi, vì cái ý định anh sắp thực hành sẽ kết liễu cuộc nhân duyên này. Toán đau đớn không nặng bằng tủi hờn. Cô gái tinh nhỏ kia đền đáp tấm tình quảng đại và chân thực của anh bằng sự lừa dối mà anh vẫn chỉ lường được ở bao nhiêu đàn bà khác. Anh không thể là người có độ lượng tha thứ. Anh cũng không để một điều tội lỗi qua khỏi hình phạt. Toán có lối hình phạt đặc biệt - không phải để trả thù cho tình ái: nó đã chết, mà để trả thù cho lòng tự ái bị trọng thương.

Anh xuống ga Thường Tín đi ô tô hàng ngược về Hà Nội và nghỉ trong một khách sạn đến tám giờ tối. Anh ăn cơm ở đó rồi thuê xe xích lô về chỗ ở của anh: bên một ngã đường vắng vẻ ngoại ô, một biệt thự nhỏ nhắn, tinh mạc và đủ mọi tiện nghi "để anh dựng tổ hạnh phúc". Nhà anh chia làm hai gian ngoảnh mặt ra đường. Một gian là phòng ngủ có lối ra đằng sau. Toán biết sự lợi hại của những đường lối đó.

Xem đồng hồ mới hơn tám giờ rưỡi. Đường tối và lặng lẽ như giữa đêm khuya. Anh xuống xe xách va ly thông thả bước về và thấy ánh sáng đèn ở bên phòng của Lan lọt qua cánh cửa chớp. Anh đứng lại im lìm như cái bóng và nhận thấy tiếng Lan thổ thề từng đoạn trong tiếng thì thào đàn ông.

- Họ không đợi muộn hơn.

Anh nghĩ thầm thế và tưởng tượng đến những rung động của vợ anh trong sự ôm ấp của người chiếm quyền anh lúc đó. Toán rất bình tĩnh. Anh biết lòng yêu đến lúc ấy thực đã chết hẳn. Sự căm hờn của anh là một mối thù ghét lạnh. Như thế ghê gớm hơn. Không một chút vội vàng. Toán còn nhìn lên một vài điểm sao trên bầu trời sâu tối. Anh biết rất rõ ràng những điều anh dự định và anh sẽ làm theo với một thứ tự tình tường.

Toán lặng lẽ cười cả miệng để sửa soạn giọng nói. Anh trở lại phía đầu đường cách nhà độ hơn chục thước rồi bắt chước tiếng một người Sài Gòn thuê nhà ở gần đó, anh hỏi thực to:

- Ủa lạ này! Thầy Hai ở mô địa tối vậy?

Rồi đổi giọng thường, anh tự đáp:

- Ông Tư! Tôi đi Nam Định về đây...

Câu chuyện cứ điệu ấy tiếp theo. Một mình anh đóng hai vai để diễn một lớp kịch ngắn.

- Đi Nam chi vậy? Đi hồi nào?

- À đi có việc cần! Nhưng xong rồi. Tôi đã tưởng đến mai mới về được.

- Hồng đi với cô Hai sao?

- Không, Lan ở nhà. Ông Tư đi đâu thế? Vào tôi chơi đã rồi đi.

- Tôi đi dạo chút cho khỏe... Tôi dô bây giờ muộn rồi... Thầy dìu nghỉ thôi nghe.

Một tiếng cười vui vẻ, rồi:

- Xe, đi mạy!

Toán lúc đó mới lộp cộp bước về bấm chuông gọi.

Câu chuyện vừa rồi anh cố ý kéo dài để cho người trong biết anh về, có đủ thì giờ để "thu xếp". Anh mong rằng người đàn ông không quá hấp tấp đến nỗi bỏ lại một vài tang vật và nhất là đừng quên cầu cứu tới lối cổng sau. Anh lại hữu ý gọi luôn để "người kia" đừng chạy lên đường vội. Mọi việc xem chừng nối tiếp nhau đúng như anh tính trước. Lúc thàng nhỏ vừa ngáp thắm vừa mở cửa thì anh hỏi rất tự nhiên:

- Mợ ngủ rồi à?

- Vâng, mợ con ngủ rồi.

- Cậu mở va ly bỏ quần áo ra cho tôi, đem nước uống lên rồi cho cậu đi ngủ.

Toán vào phòng Lan, mỉm cười cúi xuống nhìn vợ. Lan nhắm mắt, bần bật ngủ trong đám gối nệm rất gọn ghẽ. Cô nhú mày lại, nhẹ nhàng giật mình khi tay chồng đặt lên vai cô.

- Lan ngủ sớm nhỉ. Em tôi ngoan quá. Việc Nam Định của anh xong rồi...

Lan hỏi trong tiếng ngáp:

- Minh! Minh về chuyến tàu nào thế?

Anh âu yếm đáp lại sự mừng rỡ của vợ và miệng cười không lộ một chút gì là mỉa mai. Toán cáo mệt, buồn ngủ, hôn vào trán vợ rồi ra. Lúc anh bỏ áo ngoài. Toán mới mím bên mép thành một cái cười khóe miệng.

Toán say sưa hưởng lấy cái thú ác nghiệt về về môn trốn Lan. Trong ba hôm - khi cái lo sợ vẫn chưa hết hồi hộp trong tâm thần Lan - anh nghỉ ở nhà, luôn luôn ngồi cạnh người thiếu phụ mà anh hỏi han, anh dỗ dành để nghe những lời giả dối ngọt ngào và để xem những điệu bộ thân yêu bất đắc dĩ. Toán thường nhìn rất lâu vào đôi mắt vợ. Anh cười để trông thấy sự hốt hoảng trong đó. Rồi điên cuồng, anh ôm ghì lấy tấm thân run rẩy, ngửa đầu vợ trên lưng ghế và dữ dội gấn một cái hôn má miết lên miệng Lan. Nén tất cả sự ghê tởm trong lòng và giữ giọng thật ôn tồn, Toán nói với vợ những lời ca tụng quá đáng:

- Minh ơi! Lan của anh, Lan quý báu của lòng anh, anh có diễm phúc không biết ngần nào...

"Lan của anh ơi! Vợ yêu dấu, vợ trung thành của Toán..."

"Anh tự phụ vì có người vợ trong trắng, trinh bạch, hiền đức như Lan của anh..."

Những lời kiêu cách đó, sau cùng, khiến cho Lan sinh gờm sợ. Lan không thể đừng đoán thấy một sự gì khác thường...

Có lúc người thiếu phụ tưởng chừng chỉ là một xác thịt để đợi chịu sự vầy vò của Toán.

Lan lúc nào cũng e dè, luôn luôn lo nghĩ. Thái độ Toán ngày một thêm kỳ quặc.

Giữa lúc tư thế thân cận, Lan hỏi liệu một câu để dò ý Toán thì người đàn ông thốt nhiên cười gằn một tiếng, buông Lan đó, đi ra. Một lần Toán đáp lại những lời êm ái của Lan bằng một câu vu vơ:

- Anh mới khám phá được những điều bí hiểm nhất của lòng một con người! Thật đấy Lan của anh ạ!

Lan không dám hiểu rõ hơn câu nói ấy. Lan chịu những thống khổ độc địa thái quá. Toán không để cho Lan biết chắc chắn bề nào. Sự ngờ vực này tai quái như một ác bệnh.

Sau cùng, sau hơn một tuần lễ nhục nhã, ê chề mà không dứt khoát ra sao, Lan tái người đi khi thấy Toán yên lặng bước về tay cầm một con dao sắc lười nhọn sắc và sáng loáng. Linh giác của Lan mách bảo, hay một tia lửa lạnh trong mắt Toán đã khiến Lan thấy sự chẳng lành? Lan nhìn trộm Toán luôn và lấy hết sự can đảm để giữ cho giọng nói khỏi run, cô ta hỏi:

- Anh mua cái này đấy à?

Thì Toán nhìn vợ một cách lạ lùng. Anh im lặng nhếch miệng cười và thực không có cảm giác nào rùng rợn hơn - một giọng Sài Gòn từ miệng anh thốt ra, đáp lại:

- Phải đấy! Qua mua tặng làm kỷ niệm cho mình đó.

Những câu sau, cũng bằng thứ tiếng Sài Gòn mà Lan đã nhận biết - và đã hiểu - là những lời tương tự như thế - ngọt ngào và ghê gớm; nhưng Lan không còn nghe được rõ ràng.

Một thế giới đã khuynh loạn trong tâm thần Lan. Hai mắt đầm đìa nước mắt cô đợi chờ lưỡi dao kia cắm ngập vào trái tim mình. Trong sự kích động bi đát của phút nghiêm trọng cuối cùng, cô đợi hình phạt tội lỗi mình bằng cả tâm hồn thảm thiết, đê mê, và ngã say trong một thứ cam tâm khoái lạc, thần bí.

*
* *

Nhưng Toán không động tới mình vợ.

Toán để yên cho Lan sống cùng nhà và - anh rắp tâm thế - ở ngoài cuộc đời của anh.

*Rút từ tập truyện ngắn
Bên đường thiên lôi, 1936.*

Thế Lữ Hoàng Yến Lưu

Trong loạt bài mạn đàm về *Thế Lữ*, chúng ta đã biết ông là ngôi sao thứ sáu trong *Tự Lực văn đoàn* sau *Nhất Linh*, *Khái Hưng*, *Hoàng Đạo*, *Thạch Lam* và *Tú Mỡ*. Thế hệ sau cũng nhìn nhận *Thế Lữ* là một trong những nhà thơ tiên phong của phong trào *Thơ mới* và góp nhiều công sức xây dựng đổi mới thi ca trong những năm chót của tiền bán thế kỷ 20 (32-45). Vai trò của *Thế Lữ* đối với thi ca tiền chiến rất quan trọng như *Hoài Chân* và *Hoài Thanh*, hai tác giả của cuốn *Thi Nhân Việt Nam* đã nhận định:

“Thế Lữ như vì sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dù sau này danh vọng của Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công của Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này”.

Không phải chỉ có những nhà phê bình như *Vũ Ngọc Phan*, *Hoài Thanh* hay *Lê Tràng Kiều* mới khen thơ *Thế Lữ* mà nhiều thi nhân lớp sau như *Nguyễn Nhược Pháp* (1914-1938), *Xuân Diệu* (1916-1985) từng coi *Thế Lữ* như một thi tài. Sự tin phục kẻ cầm cờ dẫn đầu cho phong trào *Thơ mới* có thể tìm thấy trong bài phê bình *Mấy vần thơ* của nhà thơ tài hoa mệnh bạc *Nguyễn Nhược Pháp* (tác giả bài *Chùa Hương*), đăng trên tờ *L'Annam Nouveau* năm 1935 nghĩa là ngay sau khi tác phẩm thơ của *Thế Lữ* được phát hành. Bài phê bình có phần khách quan, nêu được cái hay của *Mấy vần thơ* nhưng cũng nói ra ít nhiều điều tác phẩm chưa hoàn toàn thỏa mãn kỳ vọng của người đọc. Nó cũng phản ánh được đương thời độc giả ủng hộ thơ mới ra sao và coi trọng tờ *Phong hóa* như thế nào.

Nguyễn Nhược Pháp viết lời bình bằng tiếng *Pháp*, đăng trên tờ báo *Pháp* xuất bản ở *Hà Nội*, và được một dịch giả khuyết danh dịch ra tiếng *Việt* như sau:

“Nếu không kể đến *Nguyễn Khắc Hiếu* và *Trần Tuấn Khải*, người ta có thể xem ông *Thế Lữ* như một nhà thơ nổi tiếng nhất hiện nay. Những bài thơ của ông, rải rác trên *Phong Hóa*, đã được tập hợp lại với một cái tên khiêm nhường *Mấy Vần Thơ*. Theo như sự đánh giá của nhiều người thì có lẽ *Mấy vần thơ* là một tập thơ đẹp nhất mà người ta đã từng xuất bản cho tới ngày nay, nếu như ta thường thức những hình ảnh bên trong của nó. Chúng ta cần chuyển những lời khen ngợi tới ông *Đỗ Văn*, người đã xuất bản tập thơ, và cũng là người có một khiếu thẩm mỹ vững vàng. Cũng cần phải nói thêm rằng tập thơ đã được nổi danh một phần là nhờ tài năng của ông *Trần Bình Lộc*, một họa sĩ nức tiếng với công chúng. Những nét vẽ duyên dáng trong những bức tranh của ông chắc chắn đã góp phần làm cho tập thơ được hoan nghênh thêm.

Trở về với thi ca. Tài năng của *Thế Lữ* hoàn toàn chiếm được cảm tình của người đọc. Thơ ông giản dị, đôi khi hơi mơ hồ, dịu nhẹ, luôn làm say mê những trái tim hồn nhiên và thuần phác.

Mặt khác, ông *Thế Lữ* đã sáng tạo một hình thức thơ mang tính tân kỳ về tinh thần cũng như về hình thức. Và đó chính là thành công của ông.

Tôi chưa từng được gặp mặt ông *Thế Lữ*. Có lẽ là liều lĩnh khi tôi cho rằng trên thực tế, ông *Thế Lữ* giống như một nhà thơ độc đáo cho cái mới. Lý do thực đơn giản. Ông *Thế Lữ* đã bộc lộ một cách tự nhiên và hết sức trữ tình. Ông để lại cho chúng ta một bức chân dung đẹp về mình với rất nhiều sự ngỡ ngàng. Chúng ta biết về ông như một con người cầu thả trong cách ăn mặc – những điều kiện tối thiểu để trở thành một thi sĩ. Ông ‘đến *Hà Nội* với chiếc quần cộc; với những đôi giày trắng từ hạ sang đông; chiếc mũ vàng dùm đó bản vô cùng...’.

Đó là dáng vẻ bên ngoài.

Trong thế giới tình cảm ông Thế Lữ cũng thật vụng về, ít nói. Không ai yêu một Thế Lữ bần cùng.

Người vụng về, yên lặng, chẳng ai yêu!

Như tất cả những nhà thơ xứng đáng với tên gọi đó, ông Thế Lữ là một kẻ mơ mộng khó lòng cảm hóa. Ông muốn những điều không thể được. Thi nhân muốn biến thành những bậc thần nhân phi phàm trong tiểu thuyết Trung Hoa, thành gió, mây, thành làn thình không nhẹ nhàng trong vũ trụ mệnh mỏng, thành ánh sáng diệu kỳ của những ngọn núi và ngàn hoa...

Ta muốn biến thành làn mây, làn gió
Làm một bầu khinh thanh trong vũ trụ,
Làm ánh sáng anh linh của núi sông.

Chúng ta đã nói về nhà thơ. Giờ hãy nói về tác phẩm. Dưới con mắt của nhiều người, Nhớ rừng là một bài thơ hay nhất của Thế Lữ và không nghi ngờ gì nữa. Đó cũng chính là ý kiến của nhà thơ, bởi lẽ ông đã đặt bài thơ lên vị trí đầu tiên của tập thơ. Bài thơ Nhớ rừng là lời của một con hổ trong vườn Bách thú. Tôi càng phải nhẹ nhàng nhắc nhở ông Thế Lữ rằng trong vườn Bách thú có hai con hổ và ông đã quên báo trước với chúng ta con hổ nào trong số đó đã được nói bằng những câu thơ tự do. Tuy nhiên, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng chính là thi ca. Tôi tin rằng có thể tìm thấy ở đó một biểu tượng như người ta vẫn nói về con hổ, đó không phải là một cái gì khác ngoài bản thân nhà thơ. Tôi đã dành hẳn một ngày tranh luận với bạn bè về điều mà những bài tranh luận khác đã bàn chán rồi. Một bài phê bình mà tôi xin giấu tên, đã bảo vệ tác giả: ông Thế Lữ khẳng định ông không hề nhìn nhận trong Nhớ rừng một biểu tượng nào cả. Con hổ trong vườn bách thú không phải là Thế Lữ. Và sau đó ông đưa ra những vẻ đẹp trong những câu thơ:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Tôi thực sự cúi đầu ngưỡng mộ. Tuy nhiên, tôi cũng không tin là Thế Lữ tán thành với những lời tán dương ông. Theo ý tôi, trong bài thơ thực sự có được một vài câu thơ đẹp, nhưng về tư tưởng thì vẫn còn trống rỗng chưa thực sự đặc sắc. Mặc khác, đó cũng là khiếm khuyết của ông Thế Lữ khi ông muốn triết lý.

Những dòng tự bộc lộ của Thế Lữ đạt được nhiều thành công hơn. Chẳng hạn, trong Tự trào thực sự đã có được câu độc đáo. Ông đã tự bộc lộ mình trong bài này bằng thể tản văn cắt quãng không đều đặn:

Thực sự không có chi là tự vị cả.

Trái lại, đối với sự miêu tả và những cảm tình nhẹ nhàng, ông Thế Lữ đã thực sự chứng tỏ một tài năng lớn. Tiếng sáo thiên thai là một bài thơ huyền ảo, thần tiên. Mấy vần ngâm thơ cũng đã làm nổi danh thơ ông. Sự ngâm thơ, chất phác, vẻ duyên dáng, những giấc mơ, nỗi u hoài, tất cả hòa hợp trong những câu thơ trong sáng đến lạ kỳ. Hai bài thơ này đều được làm bằng thể lục bát. Đó cũng là điều ngạc nhiên trong khi trên thực tế, ông Thế Lữ được coi như bậc thầy của thơ tự do. Ông đã viết những bài thơ hay nhất của mình bằng thể lục bát.

Cuối cùng, cần phải lưu ý rằng ông Thế Lữ không hề có những niềm say mê trong tình yêu. Và đó cũng là một khiếm khuyết của ông. Thi sĩ vẫn tiếp tục đi tìm người con gái trong mộng tưởng. Đó là vẻ đẹp mơ hồ của những nàng tiên thoảng qua trong tác phẩm của ông. Nhưng nàng tiên chợt biến mất bởi một thứ phép màu như những khoảnh khắc mê say chợt đến. Tất cả những điều đó tạo nên một hiệu quả thi ca thú vị. Ông

Thế Lữ đã say sưa kể lại câu chuyện về những nàng tiên trong Bông hoa rừng, Về đẹp thoáng qua, Mộng ảnh, Hoa thủy tiên, và dĩ nhiên, mỗi lần đều là một biến thể. Để kết luận, tôi xin được khẳng định tác phẩm của ông Thế Lữ không thiếu những biểu hiện của một tài năng, nếu không kể đến một vài khiếm khuyết. Ông đã thực sự tạo cho mình một phong cách hào hoa, tế nhị thanh lịch. Thơ của ông đơn giản, phù hợp với thẩm mỹ của nhiều người. Và còn nhiều điều nữa xin nhường cho chính người đọc phán xét”.

(L'Annam Nouveau, số 430, ngày 8-3-1935)

Vì tình

Anh Trần Văn quả không phải là người đẹp trai. Độc giả hãy tưởng một người trạc hai mươi năm, nước da đen, mũi to, nhô đại ra ngoài, cái trán cũng nhô trông như cái bướu, đôi lông mày rất rậm, làm cho cặp mắt cận thị của anh ta có một vẻ dữ tợn đến kỳ khôi. Anh ta ăn mặc quần áo tây nhưng người lùn mà cả ngang, dáng đi láu táu trông rất ngộ nghĩnh. Cả người anh ta cái gì trông cũng buồn cười.

Tôi yêu bạn tôi đến đâu cũng phải nhận rằng bạn tôi trông xấu quá!

Vấn cũng tự biết thế. Có khi anh lại tự chế giễu mình để làm cho bạn hữu vui cười. Nhưng anh ta là một người tính nết thật thà, dễ tin người và có một tấm lòng tử tế hơn ai hết thấy.

Tôi lại phải nói cho độc giả hay rằng con người giản dị thực thà kia lại là người đa tình nữa. Chẳng biết đó có phải là điều "mai mỉa của số mệnh" không? Chỉ biết bạn tôi biết yêu, mà yêu say, yêu đắm, yêu thiết, yêu tha; tình yêu trong huyết mạch người con trai này sôi nổi như sóng bể. Nhưng trong bao nhiêu thiếu nữ mà anh ca tụng nhan sắc, anh ta không được lấy một cô nào để ý đến mình. Cái đó cũng không lấy gì làm lạ.

Ấy vậy mà anh Văn cũng có một chuyện tình, hay một chuyện mà anh sẵn lòng gọi là chuyện tình thì đúng hơn. Câu chuyện thực chẳng hay gì cho anh ta, nhưng bạn tôi không muốn quên, mà mỗi khi nhắc tới, lại ra ý cảm động như người âu yếm vuốt ve một điều kỳ vọng êm ái.

Đầu đuôi câu chuyện như thế này:

Tháng chạp năm ấy, anh Văn lên Yên Bái, thăm một người bà con. Lúc trở về anh gặp một người thiếu nữ, ăn mặc giản dị, người rất đẹp, và rất có duyên, cùng đi với anh ta một chuyến xe hỏa.

Người ấy ngồi ngay ghé trước mặt Văn, khiến cho anh chàng mở một quyển sách ra nhưng không đọc được câu nào hết. Văn là người nhã nhặn lễ phép, nên không dám nhìn lâu, sợ người thiếu nữ ngượng. Anh ta thỉnh thoảng mới sẽ kín đáo trông lên, để cho mắt được hưởng cái nhan sắc kia trong giây lát thôi. Cái lòng yêu mộ của bạn tôi thì thực nồng nàn, song chỉ dám biểu lộ ra đến thế là hết. Và anh ta biết rằng mong hơn cũng chẳng được nào. Người thiếu nữ thì trắng trẻo thế kia, yêu kiều thế kia, trên khuôn mặt thanh tú ấy không chỗ nào đáng chê, còn mình thì... ôi chao! Bạn tôi chép miệng thờ dài một cách rất chua chát.

Rồi anh ta nghĩ bụng:

"Giá mình được là người quen với con người nhan sắc như thế cũng đủ lắm rồi".

Anh ta bèn cố tình đợi dịp làm quen. Thì may sao cái dịp ấy hiện ngay đến sau khi người thiếu nữ ra cửa toa để nhỏ quét trà.

Xe hỏa về ngày gần Tết, nên rất đông; lúc cô kia ở cửa toa trở vào thì đã bị hai bác nhà quê chiếm mất chỗ. Người thiếu nữ thấy họ ra chiều không nể gì ai hết nên không nói gì, chỉ cau mày vịn tay lên mép cửa sổ gần đấy đứng nhìn ra cảnh tượng bên ngoài.

Văn ngồi bên này tức hộ cô kia, liền mắng cho mấy bác đàn ông vô lễ mấy câu ra phét lắm. Đoạn anh ta đứng dậy, đến bên người thiếu nữ, lúng túng một chút rồi mời cô ngồi xuống chỗ mình. Người thiếu nữ không từ chối. Cô ta vén áo ngồi xuống, lại cảm ơn anh Văn bằng một nụ cười. Thế là đủ cho bạn tôi bay ngay lên tận chín tầng mây.

Anh Văn đứng bên người thiếu nữ, không giấu được sự vui mừng. Anh ta lấy dáng bộ rất tình tứ, làm như mình chẳng lùn một tý nào hết, và quên bẵng đi rằng mình hiện làm chủ nhân một cái "mũi sư tử", đôi mắt cận thị với cái trán gồ. Nhưng dẫu cho bạn tôi có nhớ đến cái xấu đáng giận của mình cũng không hề gì mấy, - anh ta cũng vẫn sung sướng được, bởi vì người thiếu nữ hình như không trọng bề ngoài lắm, và hình như chỉ cảm riêng vì tấm lòng quý báu của anh Văn thôi.

Coi lối ăn mặc nhã nhặn của cô ta, Văn đoán là người nèn nếp ở tỉnh nhỏ. Thế thì cô đã không có cái thói đồng đánh khinh người như bọn tiểu thư Hà Nội, họ chỉ ưa chuộng những công tử tốt mã bề ngoài. Anh ta lại thấy cô kia đi có một mình nên mới lấy thứ giọng bao dung và rất nhã nhặn mà hỏi:

- Thưa cô, cô đi đâu?

- Thưa ông, em xuống Hà Nội.

- Thưa cô, cô xuống chơi hay có việc?

- Thưa ông, em xuống hỏi nợ một người chịu tiền hàng.

Rồi cô ta hỏi lại Văn:

- Ông cũng về Hà Nội ư?

- Thưa cô vâng.

Thế rồi câu chuyện của hai người cứ thân thiết hơn, đàm thắm hơn lên, mà con mắt đắm đuối của người thiếu nữ thêm lóng lánh, thêm tình tứ...

Anh Văn thì chưa thấy bao giờ mình có duyên đến thế.

Anh ta cười bằng miệng cười xinh đẹp nhất, hắng giọng luôn để đỡ cảm động, và cứ chớp hoài đôi mắt cận thị để cho mình biết chắc rằng đây là sự thực, chứ không phải trong giấc mơ. Người bạn tốt của tôi thực không ngờ rằng lại được hưởng những giây phút êm đềm quá đáng ấy.

Mà cái hạnh phúc mỗi lúc một tăng lên! Một lần tàu đỗ, hành khách lên ít, xuống nhiều. Người thiếu nữ lại ngồi nhích ra một bên, để cho Văn ta được ngồi cạnh. Lại một lần khác, người thiếu nữ đánh rơi chiếc khăn tay lụa, anh Văn nhặt lên hộ, lúc trả, được

chạm đến bàn tay ngà ngọc của mỹ nhân. Rồi lại được mỹ nhân mời ăn trà. Văn rằng trắng, diện tây, nhưng cũng nhận lấy một cách rất lịch sự.

Anh ta cứ hết lòng cảm tạ sự tình cờ đã làm cho anh gặp được người thiếu nữ, và trong trí đã thấy trước những chuyện tình duyên êm ái sau này. Có một người nhan sắc đẹp mà yêu, đẹp mà nhớ thương, đẹp mà mong đợi đến cái ngày tốt đẹp kia là ngày được sánh vai người ngọc! Ồ, còn gì sung sướng cho đời người hơn! Anh Văn thường ngỏ riêng với tôi rằng: "Tôi xấu thế này, chỉ mong lấy được một người có duyên thôi, thế cũng đủ mãn nguyện". Thế mà người thiếu nữ kia đã có duyên lại đẹp, lại sắc sảo, lại lễ phép, lại con nhà nền nếp, đủ mọi điều hay! Mà lại còn tỏ ra lòng quyến luyến anh Văn nữa kia! Cho nên một lời nói của cô ta, một cử chỉ của cô ta, cùng những ý tứ ở đầu mày cuối mắt cô ta, đã khiến cho trái tim bạn tôi nhiều lần đập mạnh lên dữ dội.

Ngồi bên một người đẹp như thế thì đường dài đến đâu cũng là ngắn. Chả mấy chốc, xe lửa đã tới Gia Lâm.

Rồi qua cầu.

Rồi qua ga Đầu Cầu.

Mọi người đều thu xếp để xuống. Người thiếu nữ buộc lại khăn vuông ra đằng sau gáy rồi đến đứng bên một cái va ly là hành lý của cô ta. Anh Văn lại bên hỏi:

- Cô có ai ra đón tàu không?

- Thưa ông, không ạ!

Văn mừng thầm sẽ được dịp xách hộ va ly. Anh ta lại nói:

- Từ Hàng Da tới Cửa Nam cũng gần, vậy trước khi ngược Yên Bái, cô ghé qua vào chơi nhà tôi.

- Xin vâng.

Người thiếu nữ lúc ấy đưa đầu ra ngoài cửa sổ trông về phía ga.

Tàu dần dần chạy chậm lại. Văn đang tìm câu gì nói nữa bỗng nhiên cô ta quay lại, tái mặt đi. Văn ân cần hỏi thì cô ta gượng cười đáp:

- Em đi tàu không quen, nên vừa đứng dậy đã chóng mặt.

- Thế mà tôi tưởng cô phải cảm... Nhưng cô ngồi xuống, không mệt thêm.

Người thiếu nữ ngồi xuống, mỉm cười nhìn Văn bằng đôi mắt mệt nhọc, dịu dàng và... âu yếm. Văn sượng quá, đỏ cả má, đỏ cả mũi, lần hết túi ba đờ xuy đến túi áo trong định tìm một vật mà không thấy, rồi phàn nàn:

- Buồn quá! Tôi bỏ quên lọ dầu ở nhà ông bạn rồi. Không thì cô lấy một chút xoa cũng đỡ.

- Nhưng không hề gì cả! Em cũng chỉ choáng váng một chút thôi.

- Tuy thế cô cũng nên ngồi yên đấy để tôi mang hành lý xuống trước đưa cho mấy người nhà đứng đợi ở ga rồi tôi lên đón cô sau.

Người thiếu nữ tỏ ý mừng rỡ và cảm ơn Văn, nhưng cũng nói:

- Như thế phiền ông quá.
- Không. Nào, cô có những gì?
- Em chỉ có cái va ly đó thôi. Nhưng phiền ông quá!
- Không có gì mà phiền. Tôi đi không cũng thế.

Lúc ấy tàu vừa đỗ.

Cái va ly nặng lắm mà Văn ta làm ra bộ rất khỏe, coi như rất nhẹ, rồi hăng hái xách bước xuống sân ga. Bấy giờ thì anh ta cao lớn lực lưỡng lắm.

Người thiếu nữ đứng trông theo Văn, tay bóp thái dương. Anh ta thấy mỗi cánh tay mà chưa dám nghỉ vội. Đi đến gần lối ra hạng ba, anh ta mới dám đặt va ly xuống. Đợi một lúc mà đám người chen chúc trước mặt vẫn không chịu tiến lên, Văn nóng ruột hỏi một người đi cạnh mình:

- Sao lại đứng cả lại thế này?

Người ấy trả lời:

- Họ khám hành lý.

Văn quay lại nhìn thì người thiếu nữ chắc đã ngồi xuống, trông qua cửa sổ xe hỏa không thấy nữa... Văn sợ cô ta đợi lâu quá liền cố sức lách lên trước thì bị mấy người đội đoan cản lại, bắt đưa va ly cho họ xem.

Một người lính đoan bảo Văn:

- Chúng tôi vừa nghe tin báo có người đem thuốc phiện lậu đến Hà Nội nên phải khám hành khách.

Văn mỉm cười, đáp:

- à, tưởng gì!

Vừa nói dứt lời thì cái va ly người thiếu nữ gửi, mở tung ra, trong thấy đầy những hộp bằng đồng, gắn kín và to bằng quyển sách dày cộp.

Một người đội đoan cười gằn, nói tiếng Pháp:

- Lần này thì anh không thoát được tay tôi!

Văn chưa hiểu ra sao thì đã bị người ta điệu về sở Thương chính.

Tuy rằng bạn tôi hết sức phân trần rằng mình là con nhà lương thiện, không bao giờ làm điều trái phép, nhưng không ai tin. Cái va ly thuốc phiện lậu đó là cái cớ buộc tội rất hùng hồn. Anh ta khai rằng anh ta quá tin người, rằng người ta lợi dụng mình; song nhất định không chịu nói rằng đó là một người con gái.

Nhờ nhiều người có thể lực che chở nên Văn mới được tị ngoại hậu cứu, sau khi bị giam đến gần nửa tháng - từ hăm ba tháng chạp tới mồng mười tháng giêng. Đến lúc ra

tòa, anh ta mạnh thầy cãi, nên chỉ phải phạt có hai tháng tù án treo với bồi thường cho sở Thương chính ba nghìn bạc.

Lúc kể chuyện này cho tôi nghe xong, bạn tôi thản nhiên kết luận:

"Tuy vậy, tôi cũng được ngồi nói chuyện với người nhan sắc ấy... hơn hai tiếng đồng hồ".

*Rút từ tập truyện ngắn
Bên đường thiên lôi, 1936.*

Chúng ta có bắt công với Thế Lữ không? Phạm Xuân Nguyên

"Thế Lữ là tác giả của những tập văn xuôi với những truyện mang chất trinh thám và liêu trai được viết bằng một ngòi bút hiện đại đến bất ngờ. Ông tạo được khung cảnh cho những câu chuyện của mình để kêu gọi trí tò mò và dẫn dụ được người đọc. Nhưng với tôi, Thế Lữ là nhà văn nhất ở truyện ngắn "Câu chuyện trên tàu" (in trong tập Bên đường thiên lôi, 1936)".

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, bằng ví dụ về truyện ngắn "Câu chuyện trên tàu", đã chứng minh tài năng của Thế Lữ.

Truyện trong truyện cực ngắn

Chuyện chỉ là một kinh nghiệm cay đắng, một bài học nhớ đời của một tay móc túi chuyên nghiệp tên là Hai Nhiều. Chuyện chỉ ngắn có mấy trang. Nhưng nó cho thấy khả năng nghệ thuật truyện ngắn của Thế Lữ. Đó là truyện trong truyện. Nhân vật "tôi" nghe chuyện từ một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, dáng vẻ như ông ký về hưu cùng đi trong toa hạng ba chuyến tàu chạy Hòn Gai với mình. Câu chuyện "ông ký" này kể lại cho "tôi" lại là được nghe chính từ miệng Hai Nhiều. Trước đó, "ông ký" đã giới thiệu Hai Nhiều là bậc "quân tử trong phường kẻ cắp", nghĩa là không lấy của người nghèo và coi việc ăn cắp là một nghệ thuật, nghĩa là càng khó lấy càng thích, càng được dịp trở tài.

Phần chính của truyện là "câu chuyện trên tàu thủy" như sau: Hai Nhiều đang đi kiếm ăn ở Hải Phòng thì được tin vợ ốm phải xuôi Nam về quê thăm. Xuống tàu thủy, bác ta quan sát xem có món "sộp" nào không nhưng liếc con mắt nhà nghề nhìn qua, bác ta thấy thất vọng không kiếm chác được gì.

Đang khi đó thì trên tàu xảy ra cảnh lộn xộn: Một người nhà quê "chỉ có một cái lồng gà rỗng, với trong đó một gói mo chùng đựng cơm nắm, và hai cái nồi đất mới, miệng bưng bằng giấy nhật trình" đang bị người nhà tàu la lối, đòi đuổi xuống vì thiếu một hào tiền vé. Thấy cảnh khốn khổ và trái tai trái mắt đó, Hai Nhiều nổi máu anh hùng liền bỏ tiền ra mua vé cho người nhà quê kia. Khi tàu cập bờ, người nhà quê chèo kéo Hai Nhiều vào quán, gọi cơm đãi, khiến bậc quân tử kẻ cắp phải lấy làm nghi hoặc, không biết có phải vị khách kiếm thêm của mình bữa cơm không.

Nhưng không, bí mật được tiết lộ: Người nhà quê mang theo ngót năm trăm bạc, giắt theo trong người thì sợ nguy hiểm mất cắp, nên mới bày ra cái kế "cái lồng gà với mấy

cái nôi, mà lại của một ông nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính, còn kẻ cắp nào để ý đến nữa”. Hai Nhiêu nghe thấy sự thật đó thì choáng người đi vì tiếc của.

Chuyện chỉ có thể nhưng truyện không chỉ có thể

Tác giả đã khéo cho thấy cả tâm lý của hai hạng người: Cái ranh mãnh của người nhà quê và sự cảm động thức dậy trong người làm một nghề xấu xa. Người nhà quê hồn nhiên không biết trước mặt mình là một tay bợm già, mà chỉ thấy đó là “một người quý hóa” đã ra tay giúp mình, dù là trong một màn kịch do mình dựng ra. Hai Nhiêu thì thấy cái việc mình mua vé cho người nhà quê kia tự dưng khiến cho “trái tim kẻ cắp của bác hơi cảm động”. Vì sao? “Không phải vì bác đã làm được một điều thiện - thiện với chẳng thiện thì Nhiêu có cần gì? - nhưng vì thấy cái cảm giác đầu tiên được những người hiền lành kia tin bác một cách chân thực”.

Thế Lữ chỉ phác qua tâm lý nhân vật chút ít thôi nhưng đã làm sâu thêm truyện ngắn, làm cho câu chuyện trên tàu thủy không hẳn là chuyện ăn cắp. Mà biết đâu cái người đàn ông đáng về ông ký kể lại chuyện được nghe kể về Hai Nhiêu cho nhân vật “tôi” nghe lại không phải là chính Hai Nhiêu? Hình thức truyện trong truyện có thể có một dụng ý đó. Mặc dù câu kết truyện khiến bật cười cho Hai Nhiêu mà răn được cho nhiều người: “Bác ta tìm hết tiếng độc địa để rửa cái trí khôn ngu ngốc của mình và tự hứa rằng lần sau đi tàu, không nên coi thường những cái lồng gà trong có hai cái nôi đất”. Tưởng như thấy được một nụ cười của nhà văn giấu nhân vật, giấu người đời.

Truyện viết ngắn gọn, giản dị, có cao trào, có sự biến, tôi đọc bao lần rồi vẫn thấy bất ngờ, thích thú. Khi một câu chuyện mình đã biết hết tình tiết, sự kiện, nhưng mỗi lần đọc vẫn có khoái cảm thì hẳn là nội dung của truyện đã được thể hiện bằng một nghệ thuật bậc thầy có sức ám ảnh và ràng buộc. Trong văn xuôi Việt Nam, với tôi, kiểu truyện đọc được như vậy, sau “Câu chuyện trên tàu thủy” của Thế Lữ, là “Lặng lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long.

Chúng ta có bất công với Thế Lữ không?

Đoạn đời nghệ thuật về sau của Thế Lữ dành hẳn cho sân khấu. Tôi chưa rõ lý do vì sao ông “đoạn tuyệt” văn thơ lạnh lùng đến thế. Trong trường hợp này, tôi thấy ông như cô lái đò trong thơ Nguyễn Bính “bỏ thuyền bỏ lái bỏ dòng trong”. Nói thật, sự đóng góp của Thế Lữ cho sân khấu Việt Nam là trên thực tế, mà nói vui nhưng cũng đúng thì đóng góp sân khấu lớn nhất của ông là đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, con trai ông.

Vị trí và giá trị chính của Thế Lữ là ở văn học. Ông vụt đến thi đàn Việt Nam ở thời khắc quan trọng nhất khi nó chuyển mình từ truyền thống sang hiện đại. Và ông đã góp phần quan trọng mở đầu và thúc đẩy cho cuộc cách mạng thi ca có một không hai trong lịch sử văn học dân tộc thắng lợi. Ông vững bước vào văn đàn Việt Nam ở thời điểm nó đang đi những bước mạnh mẽ, tự tin của một lối văn trong sáng, gãy gọn. Và ông đã để lại dấu ấn không thể quên. Xong việc, ông đi.

Thế Lữ theo cảm nhận của tôi là người biết việc mình làm và biết giá trị của mình để được sống theo kiểu của mình. Nhưng chúng ta, những người đọc và những người tìm hiểu thơ văn ông, chúng ta có bất công với Thế Lữ không?

Thoa



Thoa được chừng bốn tuổi thì cả nhà không còn hy vọng gì nữa. Buồn khổ cũng không đến nỗi cay độc lắm, vì họ đã sẵn sàng chịu đựng từ lâu.

Tuy trước đó cha mẹ Thoa vẫn tự nhủ: "Con bé chậm nói cũng nên", nhưng trong tiếng thờ dài đã rõ ràng lộ ý chán nản. Họ lấy những trẻ chậm miệng nhất trong chỗ quen biết để làm chừng; đợi thêm tám chín tháng nữa cho già thời hạn; rồi thử lại lần sau chót theo cách đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần: nghe gọi thì Thoa chạy đến, bảo làm gì Thoa làm đúng thể nhưng khi hỏi, thì Thoa chỉ bậm be ồm ồm không thành một lời nào. Sau cùng, ông bố nói lên trước nhất cái câu mọi người chỉ dám nghĩ thầm:

- Con Thoa nó câm thực rồi!

Ông nói thêm:

- Nó câm mà không phải vì điếc!

Ông nhớ lại trận ốm của Thoa hai năm trước và nhìn lại chồng sách thuốc ông đánh dấu những trang ông tra cứu về các chứng kinh phong nó làm cảm khẩu người bệnh ở bất cứ tuổi nào. Bao nhiêu phương chữa chạy của ông cũng như bao nhiêu phen cầu cúng của bà tú để cứu đứa con gái cuối cùng, đều vô hiệu cả.

- Nó câm thực rồi!

Họ hàng đều nín thinh, ai giữ riêng nấy những lời có thể bàn ra bàn vào. Cha mẹ Thoa cũng ít khi thở than. Người ta đã cam tâm nhận lấy cái tai họa.

Trong gia đình trước kia sung túc của ông tú Đạt, Thoa từ đó khôn lớn một cách trầm lặng và nhún nhường. Cùng với hai chị và một anh, Thoa vẫn được chăm nom song người ta coi Thoa như một cây cảnh thừa: tiện thể thì tưới bón, nhưng ý sẵn sóc vẫn là phần những cây khác cùng luống.

Anh và chị Thoa chú ý đến Thoa chỉ vì sẵn có kẻ để trêu ghẹo; nhưng chán rồi cũng để Thoa yên. Không dám tranh giành, lại hay bị bắt nạt, Thoa chỉ thủ thủ một mình với những vật nhỏ mọn làm đồ chơi: cái nút thủy tinh, những sợi dây gai, lọ dầu quất thần vớt đi, hai cái quai ấm chuyên vỡ. Những thứ ấy, cùng với những mảnh sành hoa, hòn sỏi nhẵn, cũng đủ cho Thoa giải trí được hàng ngày. Thoa đến một góc hiên, xếp hàng cả ra trước mặt, cầm từng cái mà xem, miệng mím, mắt đen láy vui thích rồi vội vàng thu cả lại, lảng đi chỗ khác khi có bóng người. Thoa sợ nhất giờ anh chị đi học về. Lúc ấy thì những bảo vật của Thoa đã giấu kín trong hộp sắt tây, và Thoa ngồi tráo mắt nhìn ra, lo lắng, nhưng quả quyết.

Bà mẹ là người tỏ lòng thương hại Thoa hơn cả thì không mấy khi ở nhà, mãi miết công việc buôn bán. Ông tú cả ngày bên án thư cầm sách nho giờ lên dưới tầm mắt kính và như ngượng ngùng mỗi khi nhận thấy có Thoa ở gần. Có lẽ ông coi Thoa như kết quả

một điều thất đức nào xa xôi. Dù sao Thoa cũng không bao giờ được bố ngó ngang tới nữa.

Ông tú không hay nói, lãnh đạm với mọi sự, và mọi người. Từ hồi tiền của trong nhà kém sút và bà tú phải ngược xuôi vất vả, ông bỏ mất tính hào phóng giao du ngày trước, để hết tâm trí mỗi một vào tập sách nho và bộ ấm chè tàu. Con cái cùng với người nhà phải lặng lẽ xung quanh ông; ông không để ý đến ai nhưng riêng đối với Thoa, Thoa cảm thấy có một sự kiêng kị lạ lùng, mập mờ và dai dẳng. Bà tú về nhà được một đôi ngày ít ỏi nào thì sự vui ấm mới dần vội cả xuống nhà ngang rồi lại tắt tả theo bà đi mất ngay. Thoa lại lủi vào sống trong cái phận im lìm, cuộc đời như lẩn cùng bóng tối.

Đứa bé nhận hiểu nỗi thiệt thòi từ khi khối óc ngây thơ bắt đầu có những điều nghĩ ngợi, nhưng sự thuận quen với số phận đã giữa mòn những ý tủi hờn. Thoa giữ địa vị con cái trong nhà một cách kín đáo, một cách rụt rè, không biết đòi hỏi đã đành, nhưng cũng không tỏ ra chiều mong ước; người ta cho gì thì được nấy. Bữa cơm Thoa không bao giờ đợi cho ai phải tìm gọi. Tắm rửa, người ta giúp Thoa cho đến khi Thoa biết tự múc nước và dùng khăn lấy. Cái lược là một vật châu báu kỳ ảo mà Thoa không hiểu sao anh chị mình lại coi thường. Thoa sớm biết mọi điều giữ gìn săn sóc đến mình, như là để khỏi bận cho người khác. Chung đụng với Thoa trong khi ăn và trong lúc ngủ mà hai chị Thoa với anh Thoa như quên hẳn có Thoa. Đó là do sự cách biệt lạnh lẽo của người trong nhà này, và cũng do thái độ đứa bé thiệt phận. Thoa giống in như sự im lặng: vẫn có đấy mà người ta ít khi nhận ra.

Cái bóng nhỏ bé và lủi thủi kia chỉ quanh quẩn trong khu vườn cây bao bọc lớp nhà cũ ở ngoại ô Bạch Mai. Thoa không bao giờ bước ra khỏi cổng, có ý tránh sự tò mò của người ngoài và cả người hàng xóm. Họ hàng từ lâu đã thưa qua lại. Khi nghĩ tới cái họa hiện đến nhà ông tú, họ chỉ nhớ đứa bé ú ở cái miệng ngoan ngoãn, hai trái đào đen và đôi mắt sáng - đứa nhỏ kháu khỉnh mà họ từng biết sáu, bảy năm đã qua.

Một lần, mẹ Thoa cùng về nhà với một bà cô lấy chồng tỉnh khác. Bà vừa vào đến cửa đã cất tiếng hỏi, giọng đầm ấm và ngọt ngào:

- Đâu! Nào cháu út ít của cô đâu? Con cầm đâu, ra đây với cô!

Bà lên nhà chào ông tú rồi xuống nhà ngang ngồi đợi. Mẹ Thoa giục gọi hai ba lượt mới thấy "con cầm" ở chái hiên chậm chạp bước ra, tay buông xuôi người, mắt đen nhìn thẳng trân trân. Gần tới bà cô, Thoa chột đứng lại.

- Tội nghiệp! Cháu tôi thế kia mà không nói được. Thoa lại đây với cô nào!

Những lời ân cần hồn hậu vuốt ve Thoa cùng với một bàn tay êm dịu. Thoa để yên cho người ta vỗ về.

Lần ấy là lần đầu, Thoa nghe thấy người ta ôn tồn mà gọi tên rõ ràng cái tật của mình ra. Những tiếng "con cầm" nói bằng giọng ít nhân từ hơn cũng đã lâu không phạt lòng Thoa. Huống chi trong lời chân thật của người đàn bà này lại còn những tiếng khen mà cũng lần đầu Thoa được nghe thấy. Thoa vẫn biết mình gọn gàng xinh đẹp, Thoa hiểu tự bây giờ mình nhan sắc hơn hai chị, hơn cả chị lớn sắp được đi lấy chồng. Nhưng lời bà Đồ vẫn là một điều chứng nhận khiến Thoa tin chắc giá trị mình và lấy làm hờn dạ.

Năm Thoa lên mười hai, ông tú thỉnh linh ốm nặng rồi chết. Trong hồi bận rộn thương khóc ấy, Thoa thản nhiên ngồi xem, riêng hai mắt sáng đen linh động trước một cảnh

mới lạ. Rồi theo hai chị mặc tang, theo người thân thuộc đưa ma, bắt chước lễ những bàn cắm hương thấp nền. Thoa vẫn khép nép mà tham dự vào công việc quan trọng đó trong gia đình. Công việc xong, Thoa sẽ lại trở về với nơi cảm lặng của Thoa. Cái chết của người cha để những dấu u ám nào trong tâm hồn kia? Có thể Thoa chỉ thấy một sự gì dàu dặt, nhẹ nhàng trong quạnh hiu, có lẽ Thoa chỉ thấy vắng ở chỗ thường ngày cái ông già nghiêm nghị buồn rầu, lúc nào cũng ngồi cạnh khay trà và mắt đeo kính để xem sách.

Những kỷ niệm sót lại trong tâm tưởng Thoa hồi này là sự huyền ảo của một nhà đám, những tiếng kể lể ai oán hỗn độn với tiếng kèn trống náo nùng ánh ỏi lẩn lẩn phai mờ, những người mặc toàn trắng loáng thoáng qua lại với bộ mặt sứt sùi dưới mũ mấn, những con mắt đỏ hoe và thóc mách xoi mói nhìn tận mặt và từng bộ dạng của Thoa... Chị Trâm lấy chồng vào đúng dịp này, nhưng đám cưới chạy tang ấy lẫn lộn vào đám hiếu. Thoa chỉ nhớ có người anh rể mà Thoa đã được trông thấy mấy lần trước, bây giờ khác lạ trong bộ tang phục và tháo vát một cách nghiêm trang.

Những hình ảnh ký ức kia diễn hoạt hàng giờ đăm đăm im chìm của Thoa, cho đến ngày bà tú không buôn bán đường xa nữa. Bà trang trải xong công nợ, dọn một ngôi hàng nhỏ trao cho cô Xuyên, và nghỉ hẳn ở nhà. Lúc ấy bà tú mới nhìn thấy rõ người con gái tội nghiệp của bà và lúc ấy Thoa mới được hưởng sự đầm ấm. Thoa vẫn tinh ý sớm, lòng thương yêu đủ cho hai người tìm được cách hiểu nhau. Bà tú bảo ban Thoa từng điều, dẫn dụ Thoa từng nết, thêm khéo cho cái tay thêu thùa nấu nướng đã sẵn tài. Bà ứa nước mắt thầm nhận thấy con gái mình có đủ cả nết na, đủ thông minh và càng không thua kém ai về nhan sắc. Đôi mắt Thoa quán quýt mẹ gồm tất cả mọi tình cảm rung động ở đời. Thoa đôi khác hẳn trước. Đôi môi ý nhị của nàng hơi mấp máy đã linh hoạt cùng với vẻ nhìn chí thiết của nàng đủ là những lời, những câu mà bao giờ bà mẹ cũng nghe thấy hết. Bà tú thường vuốt tóc Thoa mà nói không xiết ý:

- Con châu con báu của mẹ đây!

Cái cổ tật của Thoa pha những vị chua chát vào nỗi sung sướng của người mẹ khi bà nghĩ xa đến hậu vận của Thoa. Thoa thì không nghĩ ngợi gì, tươi tốt thỏa thuê như cây hoa gặp mùa nắng ấm.

Nhưng hạnh phúc của Thoa không bền.

Bà tú ở nhà chưa được bao lâu cũng lại thụ bệnh rồi mất. Thoa khóc nghẹn đến ngất đi, tỉnh dậy rú lên, những tiếng đứt ruột. Thoa gieo mình ôm choàng lấy quan tài mẹ khi hạ huyệt và trên đường về, người ta phải ghì tay mà xốc nách một người con gái rữ rượi, hai mắt điên cuồng.

Thoa ốm liệt giường năm tháng, ngẩn ngơ mắt hơn một năm, hoàn toàn bình phục để thấy gia đình tẻ ngắt với ba chị em mồ côi. Đau thương không khiến cho họ thương yêu nhau và Lạc, người con trai, vừa hồn xược vừa lêu lổng. Những tiếng tăm người ta nín giữ từ trước được lúc ùa chạy tung ra. Người ta nói đến quả báo từ những tội nợ đầu đầu. Thoa còn nhỏ mà khôn ngoan hơn, lấy thể làm khổ sở nhất, thường chạy đến gục đầu vào chân bàn thờ mẹ hàng giờ. Sự nghèo túng hiện đến mau chóng lạ. Lốp nhà, trước còn đem cầm nợ, rồi sau bán hẳn. Người anh rể, chồng Trâm, không kịp can thiệp để ngăn đón những mưu mô lừa gạt của một người họ xa. Rồi Xuyên theo tình nhân, bạn của em trai cô. Lạc cũng phiêu bạt chẳng biết tới đâu, mang theo số còn lại ở món tiền bán nhà mà hẳn đòi giữ. Thoa trở nên cái gánh nặng cho gia đình người chị cả, thanh bạch và đã có hai con.

Thoa như hiểu ngay từ lúc đầu sự gượng gạo của Trâm. Những lời tử tế quá phải lẽ Trâm nói khi đem Thoa về nuôi chỉ là để điểm tô cho một cử chỉ không thể đừng được. Cho nên Thoa cố xếp dọn lấy một đời sống kín đáo nhất trong cảnh ăn nhờ chị. Thoa tìm cách thu hẹp địa vị của mình lại, ẩn náu trong một sự ngưng lặng hết mực, để đỡ vướng bận mọi người. Thoa lựa lọc dần dà cho sự sống của Thoa nhẹ nhàng ăn khớp với cuộc đời mới.

Thoa khâu vá đỡ đàn chị, sắm sửa cho các cháu mà Thoa rất sẵn sàng quý mến, nhưng chúng cứ sờ sợ không hay đến gần. Rồi Thoa được người ta đưa đến cho ngày một thêm nhiều những kiểu áo để đan, những mặt gổ để thêu với những công việc may cắt nhỏ. Suốt ngày, ngày nọ sang ngày kia, Thoa ngồi ở một góc nhà, cúi đầu xuống kim chỉ, và cũng như xưa ở với cha mẹ, Thoa khiến được người ta không nhắc nhở đến sự có mặt của mình.

Tháng năm qua đi, cùng với cuộc đời hoạt động bên ngoài, người thiếu nữ cặm cụi vẫn ngồi mãi một nơi âm u và điếm vào những ngày lặng lẽ của nàng một đôi tiếng thở dài rất nhẹ, rất dịu. Dưới khuôn mặt hòa đối kia, đẹp một vẻ thanh tao trầm tích, ai biết được có những nỗi niềm, những nguyện ước gì?

Thoa mười bảy tuổi rồi. Đôi mắt đen láy khi nhìn ra dưới cái vầng trán trắng mịn, đã làm cho những người vô tâm nhất cũng phải sửng sờ.

Cái Tết thứ hai sau năm hết tang mẹ, chị Trâm thêm vào số tiền Thoa kiếm được dần trong việc khâu đan, đã mua cho Thoa một chiếc khăn nhung và một cặp áo xuyên. Món quà ấy là một thứ hảo tâm chợt nảy sinh ra, nhưng cũng khiến người cho có thêm một chút quý mến chân thành đối với người nhận. Còn Thoa thì sung sướng rõ ràng. Hôm đưa hàng về, chưa may thành áo, Thoa đã ướm đi ướm lại mãi, miệng rưng rưng phác một nét cười, đôi mắt loáng ướt. Sự vui vẻ của nàng hiển lộ vì biết bao ngày lặng khép đã thấm vào lòng Trâm một thứ cảm động rất ngọt ngào.

Tết năm ấy người ta mới bớt quên Thoa. Một chút điểm trang cũng tôn hẳn nhan sắc nàng lên. Và cử chỉ tử tế của chị Trâm như đưa tới cho nàng một sự vỗ về cùng với những ý sung sướng. Người thiếu nữ sớm trầm ngâm kia như trẻ hẳn lại. Miệng Thoa, mắt Thoa, và cả thân thể của Thoa là sự hớn hở tươi đẹp của tuổi thanh tân. Trâm khen:

- Cô ả khéo làm đóm tệ!

Trâm mỉm cười để giữ một câu không tiện nói đùa về việc chồng con Thoa. Dưới mắt ngấm nghĩa của chị, Thoa làm vẻ nũng nịu ồng ẹo thêm. Nàng đi ra đi vào, lấy trà mời Trâm, vẫy Trâm lại sửa khăn cho nàng. Nàng chúm chím miệng và nghiêng đầu liếc Trâm. Ồ! Giá Trâm hiểu được sự biết ơn của nàng trong đôi mắt chan chứa!

Lần thứ nhất nàng được Trâm đưa đi lễ chùa, đến nhà một vài người họ gần. Vị ẩm ngọt của ngày vui cùng với những cảnh sắc linh động, còn lâu mãi sẽ làm câu chuyện hứng thú để nàng rủ rỉ với riêng nàng. Thoa được thấy đời sống đàn phận của Thoa không phải chỉ có một màu tối lạnh như xưa nữa. Từ cái Tết đáng yêu đó, một cột tươi hồng như đã đánh dấu cho bước đời về sau.

Thoa dần dần được dự vào việc nhà của chị một cách gần gũi hơn. Mấy cháu Thoa không còn xa tránh nàng, ngoài những lúc khâu vá, đan may, Thoa thường giúp chị

công việc bếp núc. Trâm không hay gần hắt xa xôi như trước nữa và cái bồn phen phải nuôi em, Trâm cũng đã thấy nhẹ nhàng hơn. Rồi xảy đũa con nhỏ của Trâm bị trận ốm nguy kịch, Thoa chăm nom hơn cả bố mẹ nó. Đũa bé khỏi, tình ruột thịt của hai chị em như đậm đà thêm. Trâm thấy nàng săn sóc bé Tuyên và thấy đũa trẻ quần quýt Thoa, đã nhiều lần bảo: "Thôi đấy, con của di đấy, tôi cho di".

Thoa nhếch miệng cười, vẻ mặt lửng lơ một ý tự phụ tràn trề hoan hỉ. Chỗ ngồi của Thoa trong góc gia đình ấy không còn cô tịch lắm nữa. Thoa cũng không phải để tâm dè dặt và lo ngại như trước. Có được một chút yên vui bằng phẳng cũng là có hạnh phúc lớn rồi. Nếu đôi khi phải lúc Trâm bức mình thì tiếng da diết của Trâm chỉ để trách hai đũa em về luân thường không biết sống chết ở đâu. Nghe chị nhắc đến Lạc và Xuyên, Thoa nhắm miệng lại nhìn đi, tỏ ra ý ghét Lạc và Xuyên lắm: điều đó rất được lòng Trâm.

Việc buôn bán của người anh rể Thoa gặp được nhiều dịp may: hòa khí của gia đình nhờ sự sung túc mà không sút kém. Thoa có đưa cho chị những số tiền nhỏ mọn là công may cắt người ta trả nàng, thì Trâm từ chối với một ý rất kẻ cả, thấy lòng mình rộng rãi, có độ lượng đối với một cô em số phận hẩm hiu. Trâm lại được thứ tình cảm ngậm ngùi đến vượt ve lòng như mỗi lần ái ngại cho em: Không! Trâm không thể nào không mến thương nó được.

Cái địa vị bé bỏng của Thoa thế là đã vững chắc. Ngày tháng gắn bó chặt thêm.

Nhiều sự xảy ra bên ngoài, Thoa đã chú ý đến: Thoa lắng nghe kể lại những cảnh đời vui, buồn, ly, hợp, trong lúc nàng trầm mặc đưa mũi kim hay lượn nhát kéo dưới tay. Thỉnh thoảng, người chị sẵn lòng hơn, lại bàn bạc với Thoa về việc sắm sửa cho chồng con hay cả về cách buôn bán. Thoa phần nhiều chỉ chịu chuyện, hoặc năm thì mười họa ngỏ một vài ý kiến thiết thực, bằng những cử chỉ giản lược vẫn là cách biểu đạt của nàng. Thoa rất khéo ra hiệu, và những điều cần phô diễn cũng không có gì lạ thường, đến cả cháu nhỏ của Thoa cũng hiểu được ngay. Hoặc giả nàng có ý giấu giữ lầy, trong câm lặng của nàng, những điều không tiện nói, không cần nói?

Bốn, năm năm Thoa mới có thêm được bộ áo mới nữa và một đôi hoa tai. Nữ trang vẫn là cái hạnh phúc đầm thắm nhất trong sự sống của nàng. Thoa xếp rất kỹ lưỡng trong cái hòm riêng của mình cùng với những thứ chẳng ai biết là gì nhưng xem chừng Thoa quý trọng, giữ gìn rất cẩn mật. Khi rỗi rãi và yên vắng, Thoa lại lúi húi xếp lại những của báu trong hòm. Sự vui thích trẻ thơ vẫn giống như ngày nào Thoa ngồi bày những nút chai, những mảnh ám để ngắm nghía. Vậy mà nàng đã trên hai chục tuổi. Thời gian không làm kém cái màu xuân xanh trên khuôn mặt hiền dịu. Nhưng sự lặng lẽ của Thoa với những cử động quá chừng thông thả đã phác sẵn những vẻ đúng mực của ngày già.

Qua một Tết này, Thoa lại kiên tâm đợi đến Tết sau: chỉ có trong dịp ấy Thoa được nhiều xúc động êm ái nhất. Nàng trang điểm quá chừng cẩn thận, ngắm mình trong gương không có lúc ngớt, sửa đi sửa lại vành khăn không bao giờ vừa ý, hay kéo kéo vuốt vuốt mãi mãi cặp áo cho thực sóng tà. Nàng tốn bao nhiêu công phu để lấy hết mực gọn gàng. Nhưng sự gọn gàng ở người thiếu nữ này là một vẻ đẹp lạnh lẽo, Tết năm nay cũng giống Tết năm trước, mỗi năm một khô khan.

Con gái Trâm hồi ấy đã là một học sinh lớn, mới mẽ, bạo dạn và tươi cười. Thoa được cháu đưa đi chơi những cảnh đền chùa xa lạ nhất từ xưa tới nay, trong đó khách đi lễ

ngày xuân không phải chỉ là những người thành tín. Thoa trông thấy những thanh niên hớn hờ, gặp những đôi trai gái gần nhau mà không hề ngượng nghịu; đôi khi nàng lại bất chợt thấy những con mắt kín đáo đánh giá nhan sắc của mình. Một chút hồi hộp có lẽ đã làm đôi má kia hồng thêm và những Tết năm ngoái năm xưa đưa trở lại những tình cảm phơi phới cũ.

Thoa có nghĩ đến ngày mai của Thoa không? Tình duyên ở đời gọi những tư tưởng gì trong lòng người xấu số? Và những ngày dài nối tiếp nhau đi, Thoa ngồi trong câm lặng, tiếng thở dài của Thoa dịu nhẹ, có còn mang những ước mong tha thiết nào nữa chăng?

Mùa rét năm Thoa hai mươi chín, Thoa đem cái áo cánh bông mới may ra mặc. Khi qua chiếc gương lớn, Thoa đứng lại nhìn mãi cái bóng mình. Nàng chậm chạp đưa hai tay áp má, thờ ơ vuốt xuôi xuống rồi ngơ ngác nhìn lại chung quanh. Trở về chỗ ngồi, đường kim của nàng lơ đãng hơn thường. Nàng cặm cụi suốt mấy ngày và nhiều lúc buông tay xuống một vẻ chán mỏi.

Chị Trâm thì hết ngày hết tháng bận về việc cầm cái họ. Thành Tuyên vẫn là đứa cháu út (Trâm đẻ hai bận nữa đều không đậu) nhưng Tuyên đã đi học và thôi quán quýt nàng. Gần nàng nhất bây giờ chỉ có Lan, cô cháu lớn nhất. Những ngày nghỉ, Lan hay ở bên dì, học cắt, học thêu rồi lại bảo cho dì những mũi đan lối mới, Lan lại hay đem chuyện bà giáo, chuyện bạn gái trong trường về thuật lại với Thoa. Cả những chuyện riêng và những việc tâm tình nữa. Ngày ngày, Thoa coi chừng giờ tan học của Lan và bước chân Lan trở về; hai dì cháu lại to nhỏ với nhau; Thoa mỉm nụ cười mờ phai và Lan khúc khích phô cả miệng răng trắng muốt.

Đã có lần Lan nhí nhánh bảo nàng:

- Dì ạ, dì đừng giận cháu nhé, con Phương nó bảo cháu rằng dì đẹp lắm cơ. Nó muốn làm mối cho dì đấy!

Nàng lườm cháu, lấy cái thước đo lại, vàướm mảnh vải áo len lên ngực, tay khe khẽ run. Nhưng nàng biết là câu nói đùa, không giận cháu và cũng không có vẻ tủi thẹn. Nàng thấy Lan vui thái quá, vui về một ý khác thường. Nàng đưa mắt hỏi Lan thì chợt nhận thấy cháu mơ màng xa xôi. Lan lắng chuyện bằng những câu đùa ghẹo Thoa. Nàng lại nguyệt cháu và để cho những chuyện mối lái vu vơ kia giỡn cợt.

Sau đám cưới của một người trong họ, chị Trâm một tối kia ngồi lại bàn với nàng về việc nhân duyên của Lan. Có người bạn buôn muốn hỏi Lan cho con trai, học trường thuốc, Thoa lựa chiều bày tỏ ý kiến mình và "nói" đến những áo cô dâu mà Thoa trông thấy ở một vài đám cưới gần xóm. Đêm ấy Thoa để đèn tới khuya, mở hòm xếp lại những cặp áo đẹp và ngắm một vài thứ nữ trang của mình.

Tết năm ấy, Lan ít đi lễ với nàng, nhưng Thoa được cô Phương và mấy bạn trai của Phương chào mình một cách mến mộ quá đáng. ở giữa những người thanh niên lanh lẹn và bọn thiếu nữ giòn giã lộng lẫng kia, Thoa là một bậc nữ lưu cũ kỹ trong vẻ đẹp nhu mì, sự ngượng ngập của Thoa làm khô khan thêm đáng người gọn ghẽ.

Lan về nhà đòi dì thuật lại chuyện mà Lan đã nghe Phương kể từ trước. Lan reo lên cười khi nhận ra được những người mà Thoa mô tả và bình phẩm bằng lối nói riêng của

nàng. Lan lại nói đùa đi, để tránh những câu Thoa hỏi về chàng sinh viên. Thoa mỉm cười luôn như mới nghĩ ra nhiều ý ngộ nghĩnh.

Cho đến ngày Lan thôi học, để sắp về nhà chồng, Lan vẫn nhắc lại câu nói Thoa nghe đã quen nhưng không thấy nhàm và cũng không đời nào tin.

Không ngờ, đó là sự thực.

Một hôm Lan ở ngoài hàng chạy vào ghé tai bảo nàng:

- Đấy, cháu có nói dối dì đâu, chả tin rồi chốc nữa dì hỏi để cháu khắc biết.

ở nhà ngoài, chị Trâm đương tiếp chuyện một người khách đàn ông. Lúc Trâm đưa khách lên gác nói chuyện với chồng, nàng thấy một người mặc tây, chừng ba năm, bốn mươi tuổi, thông thả đi vào qua mép sân trên rồi dềnh dàng vừa trèo lên bậc thang gác vừa ngoảnh nhìn xuống. Lan máy:

- Chú họ Phương đấy, dì ạ.

Rồi Lan khúc khích chạy coi hàng. Thoa bối rối, nhưng nhất định vẫn không chịu tin. Nàng cố điềm nhiên ngồi đan cho hết một đường nữa, tháo ra đan lại mấy mắt lỗi, rồi sau cùng đặt len xuống thúng, giận Lan sao không trở lại. Chị Trâm ở trên gác dẫn người khách xuống. Thoa lại thấy mình bị người ấy chăm chú nhìn. Nàng nghe trống ngực đập mạnh, cau mày cho đến lúc không còn bóng người trong sân. Lâu lắm, Lan vẫn không vào: hình như có tiếng Lan cười sau mấy câu mắng của mẹ.

Không, không có gì hết. Chỉ là câu chuyện đùa thôi. Lan dè dặt mấy hôm liền. Thoa cũng tỏ vẻ thờ ơ và chỉ mãi miết với thúng khâu. Một tuần lễ qua nàng với Lan không nhắc đến người đàn ông. Đột nhiên một hôm giữa lúc nàng thử áo cho Lan thì người ấy lại đến.

Lần này Trâm đưa ông ta vào tiếp chuyện ngay ở nhà trong là nơi Thoa ngồi làm việc. Nàng thần nhiên nhưng giữ Lan lại không cho bỏ vội áo mới thử. Ông khách đã đứng tuổi, đầu tóc mượt và thưa, vẻ mặt hiền hậu, không linh hoạt lắm, dáng người vững chãi, nói năng và điệu bộ khoan thai. Thoa cho rằng ông ta là người tử tế - nhưng cái đó có quan hệ gì đến mình? Ông ta nhìn phía Thoa, Thoa không cảm động đâu. Thoa thấy chính ông ta như ngỡ ngàng ngật thì có. Và lại người ta đến đây cũng như bao nhiêu khách khứa vẫn đến... Lan nó sắp lấy chồng nên chỉ khéo ỡm ờ đấy thôi.

Chiều hôm ấy Thoa thấy chị Trâm đến nhân nha hỏi Thoa về những đồ trang sức cho Lan, rồi lựa lời bảo nàng:

- Này em ạ, ông phán Tấn, cái ông đến nhà lúc sáng ấy mà, ông ấy hiền lành tử tế lắm kia đấy, từ hôm nọ đến hôm nay cầu khẩn mãi anh chị để xin em...

Nàng hiểu rồi, hiểu ngay từ lời đầu tiên của Trâm kia, và không nghe thấy chị nói thêm gì nữa. Tất cả nỗi vui mừng dè giữ, nỗi sung sướng lo ngại, trong giây phút ấy thành hình rõ rệt, và tươi đẹp và đôn hậu đến quán quýt nàng. Thoa không có một ý gì giấu giếm. Nàng cười bằng cả đôi mắt rất linh động của nàng, miệng hé ra một chút chờ đợi rồi ngậm lại, rồi nàng đưa mắt ý nhị nhìn cái chỗ lúc trước người đàn ông đã ngồi. Nàng thấy một hạnh phúc mới, rạng rỡ nhất, mà có lẽ nàng không bao giờ dám vương qua một chút tơ tưởng đến nay không phải là sự không thể có được cho đời nàng. Thoa ứa

nước mắt mà mặt vẫn tươi. Lần đầu tiên nàng tội nghiệp cho thân và hưởng một vị tử cực thắm đậm.

Toa biết thêm rằng ông phán Tấn còn mẹ già và góa vợ sớm.

Ông ở vậy để nuôi con nhỏ (Toa sẽ là mẹ đỡ con với hết tấm lòng ấp ủ của nàng). Ông phán vừa chí thú vừa là người quảng đại, tình cảnh của Toa ông biết rõ và sẽ dành cho Toa một địa vị chững chạc cũng như đợi ở Toa một người dâu thảo, một người vợ hiền. Việc hôn nhân này sẽ lặng lẽ thích hợp với cuộc đời hai người. Định hết tang chú ruột ông ta, ông phán sẽ xin cưới.

Ông phán Tấn thỉnh thoảng lại đến chơi, rất lễ phép với nàng, và lời nói diềm đạm của ông sao mà có duyên thế! Toa thấy ông có nhiều điều đáng quý mến, có một vẻ trang trọng quân tử ít người đàn ông sánh bằng.

Toa sắm sửa cho Lan và nghĩ đến lúc chính mình về nhà chồng nàng sẽ đem bao nhiêu tâm trí và khôn khéo ra để gây một cảnh gia đình rất êm đẹp. Nàng sẽ dốc sức phụng dưỡng người mẹ già, để cho Tấn không những được yên tâm mà còn vui bụng, còn hãnh diện vì có người vợ khéo chiều chuộng mẹ chồng.

Những câu trêu chọc Toa từ đây không ai cần giữ gìn nữa. Trước kia, dù là lời nói của Lan cũng vẫn có nhiều dè dặt để khỏi chạm ý Toa. Bây giờ, nhiều khi Trâm đã dám nhắc đến cái tật câm của Toa, khen mỉa một cảnh hòa thuận gia đình ít "điều tiếng". Toa cũng vẫn sung sướng. Càng có lời chế giễu, Toa càng được cảm động một tình tứ dịu dàng.

Ngày Lan về nhà chồng, Toa không từ chối làm một người trong họ nhà gái đưa dâu. Nàng mừng cháu một chiếc nhẫn vàng, công sức của bao nhiêu ngày tháng tần tiện. Nàng được cháu biếu lại hai hộp phấn. Lan dạy nàng vẽ môi thoa má và ép mãi nàng mới chịu tô điểm ngay trong dịp đó; ý nàng định dành việc son phấn cho ngày khác, quan trọng.

Vắng Lan, Toa đã thừa cách để khuây buồn. Nỗi lòng chờ đợi nhẹ nhàng, những cảm tưởng quý mến sau những lần Tấn đến chơi; những lúc trí nghĩ nàng tìm đoán cử chỉ người đàn ông trong công việc hàng ngày; bằng ấy ý niệm đến làm cho những giờ cô quạnh của nàng được ấm cúng.

Gần đến tháng đã định, thỉnh linh bà cô Toa ở Hải Dương chết. Toa kiên tâm trước, nghĩ đến cái khoảng thì giờ phải đợi chờ thêm.

Chưa đoạn tang cô, Toa lại được tin bà thân sinh ông phán Tấn ốm nặng. Chị Trâm đi thăm về nói bệnh tình bà cụ trầm trọng lắm, nhưng cũng tìm lời yên ủi Toa, để nuôi cái hy vọng cho chính mình Trâm. Chị Toa cũng hết lòng mong cho nhân duyên cô em không đến nỗi trắc trở.

Tất cả sự quan tâm của Toa cũng như của mấy người trong cuộc, đều dồn về nơi giường bệnh của bà già. Toa hỏi chị về đường thuốc thang, nhờ chị kêu cầu giúp mình, và một lần chẳng biết nghe ai mách, Toa gửi bốn chục bạc nhờ người đi mua quế tốt để biếu mẹ Tấn.

Chưa kịp biếu, bà cụ đã tắt nghỉ. Anh rể Toa đã bàn đến việc cưới chạy tang, nhưng ông phán Tấn còn chần chừ: ông nói là không còn bụng dạ nào để tính chuyện cưới lúc này, vì ông quả thực là một người con chí hiếu. Chị Trâm phiền muộn ra mặt. Toa thì

không thiết nghe thiết nghĩ gì hết. Ông phán Tấn nghe biết chuyện Thoa mua quế, lấy làm cảm động vì cái ý thảo của nàng lắm. Ông thưa đến hơn trước, nhưng mỗi lần có lại những lời ông gán bó, Thoa cũng được vững lòng thêm.

Tâm hồn Thoa đã quen với sự thua thiệt từ trước rồi. Cái tang mới kia, cũng là cái tang của chính Thoa; nàng lại sửa soạn tính tình để chịu lấy; nỗi trông mong và tin cậy vẫn được nuôi giữ một bên. Thoa dè chừng trước một đôi cái tang nữa trong họ gần họ xa, để lỡ ra việc xảy đến thực thì nàng có sẵn sức dưới gáng nặng. Nàng cũng dự tưởng cả đến lúc nàng hay ông phán Tấn đau ốm, hoặc quá ra nữa, người đàn ông sẽ gặp tai nạn gì thảm khốc hơn.

Điều nàng không ngờ nhất lại xảy đến.

Ông phán Tấn phải đi Sài Gòn. Đâu thế nhỉ? Nhưng sự cách biệt hẳn xa lắc và nguy hiểm lắm theo về lo ngại của Trâm. Lời ông phán lúc đến chào, đôn hậu và thực thà. Ông nói mấy câu với nàng, tiếng ngượng nghịu và hơi run run khiến cả tâm hồn nàng ngan ngát ảo não.

Hôm ông lên đường, vợ chồng Lan và cô Phương đến rủ nàng ra ga tiễn, nhưng Thoa khe khẽ lắc đầu, tuy mặt nàng lộ hết cả ý muốn. Thoa ngồi ở nhà, tưởng đến đoàn tàu hỏa chạy biến về một phương mù mịt. Nàng ghen mãi ở cổ, nuốt khan bọt, và thấy nước mắt nhỏ nóng trên bàn tay.

Bức thư thứ nhất của Tấn gửi về một tháng sau có những lời thăm hỏi riêng, xoa dịu đau thương của lòng nàng. Nàng mượn lấy tờ giấy quý hóa kia để nhìn những chữ mà nàng không biết đọc. Thoa cất thư xuống một góc thúng và chờ lúc vắng vẻ, vẫy gọi đứa cháu nhỏ đến đọc lại cho nàng nghe. Tin tức của người đàn ông về đều được hơn một năm, do những bức thư lời lẽ đơn sơ trung hậu. Rồi có lẽ vì công việc bận - Tấn nói phải coi nhiều việc quan trọng lắm - thư gửi về thưa dần. Sau cùng, chỉ gần Tết, anh rể Thoa mới nhận được một tấm danh thiếp chúc mừng cả nhà.

Chờ đợi hết năm nọ qua năm kia để thấy những lời lẽ phép hờ hững, Thoa vẫn không tỏ một thái độ nào khác lạ, sự im lặng của nàng hòa những tháng ngày bình tịch và người đàn bà ấy héo hắt chậm chạp trong một đời lu mờ.

Tin tức của Tấn băng hẳn rồi.

Cái tang cay nghiệt đã hết hạn từ lâu.

Trâm đã trở nên bà, và bận lo về việc cưới vợ cho con trai. Anh rể Thoa, giàu có và mỗi một, suốt ngày ở trên gác nghỉ ngơi bên cạnh bàn đèn. Nhân duyên trắc trở của Thoa người ta quên cũng đã lâu; đời hơn hờ bình yên dễ dàng cởi bỏ những kỷ niệm vương bận.

Chỉ lòng Thoa còn nhớ.

Đôi mắt trông xa của nàng vẫn còn ánh mong ước.

Nàng bao giờ cũng tuân theo và chịu lấy các nỗi đời khát khe, nhưng hình như vẫn chờ đợi một sự may mắn vu vơ nào.

Nhưng bước đi thông thả ngày một nặng nề thêm, mắt trông lỗ kim đã không đủ rõ. Thoa đã ngày một yếu, và cái miệng ngậm lại đã phẳng phất hai nét hằn ở khóe môi.

Ngày Tết, trang điểm vẫn là một việc êm ái nhất cho Thoa. Vẽ đẹp đã hơi cũ kỹ trên thân hình và trong dáng điệu nàng. Thoa đi lễ một mình, đến chơi với vợ chồng Lan, cho con Lan những áo mũ đan để dành hồi trong năm. Rồi về nhà, Thoa ngồi bên coi trầu, chუმ chím nghe chuyện bọn cháu đến vây quanh mà xem chúng tíu tít nhận tiền nàng mừng tuổi. Mấy năm gần đây, năm nào cũng chỉ thế. Hết Tết nàng lại gợn gàng xếp vào hòm những bộ áo bao giờ cũng còn mới, khóa kín lại với một vẻ trân trọng trong cử chỉ, rồi lại trở lại chỗ công việc đơn điệu của nàng.

Tháng hai năm ấy, Thoa đã bốn mươi mốt. Một người bạn ở xa về chơi với vợ chồng Trâm. Mắt Thoa tươi sáng lên khi nghe nói người ấy ở Sài Gòn ra. Nàng nhẹ tay đặt kim chỉ xuống, nhìn ông ta với một cảm tình không che đậy. Không biết chuyện của Thoa, và cũng không hiểu những dấu hiệu riêng Trâm định cản lại, người ấy tình cờ nói đến Tấn, cho vợ chồng Trâm biết rõ cái điều hai người đã ngờ từ lâu. Tấn lấy được một người vợ rất giàu ở Chợ Lớn, đã thôi đi làm để ra buôn bán được mấy năm nay rồi. Chị của Thoa nhìn lại phía em thì thấy nàng hơi cúi đầu, khuôn mặt bình tĩnh nhưng nước da xanh một màu đáng sợ. Trâm vội để chồng ngồi với khách, lại gần hỏi Thoa. Nàng thần nhiên ngẩng nhìn chị, cười một nụ cười lạnh lẽo và đưa tay trở cuốn chỉ để Trâm lấy lại giùm. Đêm ấy Trâm thức dậy thấy em còn lịch kịch xếp dọn mãi bên đèn. Trâm không hiểu lo ngại một sự gì mập mờ, không dám ngủ lại nữa. Sáng hôm sau, nàng thấy em hốc hác, ngồi rũ trên góc phản, thúng khâu và những vải sợi ở đó chỉ để làm vì. Mọi người trông thấy Thoa già tọp hẳn đi.

Mười mấy năm vừa qua trong không đầy nửa tháng.

Sự thất vọng ghê gớm của nàng khiến cả nhà kinh ngạc: Thế ra Thoa vẫn mong đợi Tấn thực sao? Thái độ lãnh đạm của Tấn đã cho mọi người biết sự cố nhiên, trừ có riêng nàng. Hay người ta có thể giữ một ảo tưởng đến bực đó?

Dẫu sao, Thoa cũng đã đến lúc biết sự thực. Tất cả sức lực tinh thần của nàng sụp đổ ngay một lúc, cùng với chút nhan sắc còn giữ được ở thân hình nàng. Trong tấm áo bông đen dài, Thoa xo ro và ngờ ngác, không thiết gì đến công việc, hàng giờ ngồi nhìn sững quăng không.

Trâm thương em có lẽ chưa bao giờ bằng hồi ấy. Nàng săn sóc coi chừng từng ly chút, và khi thấy Thoa không gượng dậy được nữa, Trâm lao sức đi lo thuốc thang cho em. Thoa không để nài ép bao giờ, ngoan ngoãn đón lấy sự săn sóc của chị. Nàng mỉm những nụ cười ử rử mỗi khi Trâm thăm hỏi, đôi mắt cảm ơn. Nàng cố uống cạn những chén thuốc Trâm đưa tới, cố nuốt những bát cháo Trâm đổ nàng ăn. Lúc nào Thoa cũng dịu dàng, cũng vâng theo, cho đến khi nàng không còn đủ sức để làm vui lòng chị nữa.

Công chạy chữa đã thành vô hiệu lực. Trâm khóc và gạn hỏi, nhưng Thoa không tỏ một ý muốn trời trăng gì.

Nàng phải nằm tắt cả tám ngày, bệnh kịch chỉ có nửa ngày và nửa đêm, lúc hấp hối cũng rất mau chóng.

Trong cái rương đồ mà ngày sống Thoa giữ gìn rất cẩn mật không cho ai được động vào, Trâm thấy dưới đám quần áo tất cả vốn liếng của cải của em: tám chục bạc gói trong vuông nhiễu điều, những đồ chơi trẻ con của Thoa hồi xưa gói trong cái khăn tay thêu đầu tiên: cái lược gẩy của Lạc, cái độn tóc của Xuyên; cái ruột tượng đũi của bà mẹ; một hộp con đựng những mẫu mực, tháp bút, cái kính trắng của ông tú vứt bỏ cùng

với một quyển sách chữ nhỏ mỏng gập đôi. Kỷ vật của các người thân mà có lẽ nàng vẫn yêu vẫn nhớ suốt đời trong sự lặng lẽ của nàng.

Riêng trong một túi lớn bằng gấm may theo kiểu phong bì, mấy thứ hàng lụa nàng định mặc khi lấy chồng, một cái lược ngà Trâm mua cho nàng, mấy bức thư của Tấn gửi cho vợ chồng Trâm và mấy tấm danh thiếp. Trâm bỗng chú ý đến một tờ giấy gập nhỏ, màu mực khác, trên có nhiều câu dập xóa trong những hàng chữ sau này:

"Cậu mợ tôi gửi lời hỏi thăm ông được bình yên. Từ ngày ông vào Sài Gòn, cậu mợ tôi vẫn thường nhắc ông luôn. Dì tôi cũng bảo tôi gửi lời hỏi thăm ông và anh bé. Dì tôi gửi vào làm quà cho anh bé hai tá mùi xoa lụa, một cái nhẫn mặt ngọc và một đôi áo len".

Thì ra tờ nháp một bức thư. Nét chữ của Tuyên. Thư đề ngày 12 tháng tư năm 1920; tám năm rồi. Biết bao nhiêu đấn đo, bao nhiêu công phu, bao nhiêu khúc mắc phi thường phải vượt qua trước khi nàng gửi được bức thư ấy.

*Nhà xuất bản Đồi nay
Hà Nội, 1943.*

Thế Lữ trong ký ức Huy Cận Phạm Đình Ân

Tình bạn ở buổi đầu sáng tác của các nhà văn tài danh góp phần mở đầu văn học Việt Nam hiện đại - trong đó có các nhà thơ, nhà văn trong phong trào Thơ Mới, ở trong và ngoài Tự lực văn đoàn - từng để lại nhiều kỷ niệm đẹp và thiêng liêng.

Thế Lữ (1907 - 1989), nhà thơ góp phần chủ yếu mở đầu phong trào Thơ Mới, cũng là nhà thơ tiêu biểu, xuất sắc nhất của Thơ Mới buổi đầu, thành viên chủ chốt của Tự lực Văn đoàn, cũng được nhiều bạn văn như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế lan Viên, Tế Hanh, Nguyễn Xuân Sanh... kính nể, yêu mến.

Hai năm 2003 và 2004, nhân tìm hiểu và viết về cuộc đời và văn nghiệp của Thế Lữ, tôi đã xin gặp nhà thơ Huy Cận (1919 - 2005) để hỏi chuyện. Năm nay, nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Thế Lữ (6/10/1907 – 6/10/2007), nhớ lại những lời kể của Huy Cận trước ngày nhà thơ mất vài năm, tôi có cảm giác như Huy Cận đang hiển hiện trước mặt tôi, giọng nói trầm ấm, rành rọt rót vào tai tôi.

Hôm ấy, sách "Hồi ký song đôi" 2 tập của Huy Cận (NXB Hội Nhà văn, 2005) cũng đã xuất bản, tuy nhiên nội dung mục "Tìm gặp Thế Lữ ở hội chợ Huế" in ở tập 2 đã đến với tôi từ trước. Huy Cận viết về cuộc đón tìm Thế Lữ rất thú vị.



Lời khen tặng của Tự lực văn đoàn trao cho tác phẩm được giải thưởng văn học hàng năm. Bên dưới có chữ ký của nhà thơ Thế Lữ.

Hồi ấy, Huy Cận và những nhà thơ khác xuất hiện sau Thế Lữ đều rất ngưỡng mộ Thế Lữ, coi Thế Lữ không chỉ là bậc trên về tuổi tác mà còn là đàn anh về tài năng và nghiệp văn.

Bởi vậy, khi được một nhà văn thế hệ đàn em gọi hỏi về thời thanh xuân của mình, cũng là buổi ban mai của thơ văn hiện đại nước nhà, gọi hỏi về Thế Lữ, Huy Cận tỏ ra phấn khích, nét mặt ông rạng rỡ hẳn ra.

Ông kể: “Vào năm 1934, tôi đang học năm thứ ba trường Quốc học Huế thì được tin Thế Lữ vào Hội chợ Huế. Tôi và Nguyễn Xuân Sanh tìm gặp Thế Lữ ở hội chợ ấy. Khi ấy tôi chưa có thơ đăng. Thế Lữ chuyện trò chan hòa, niềm nở, không có vẻ gì là đàn anh. Tôi và Nguyễn Xuân Sanh nói với anh rằng chúng tôi và nhiều bạn đọc, bạn viết rất mê thơ anh. Thế Lữ chỉ im lặng. Rồi anh hỏi chúng tôi có làm thơ không. Nghe chúng tôi e dè tâm sự, Thế Lữ nói lời khích lệ chân thành.

Bài thơ đầu tiên trong đời sáng tác của tôi được đăng trên báo Tràng An ở Huế, do anh Hoài Thanh làm chủ biên. Đó là bài thơ nói về “cuộc đời lý tưởng”, có ảnh hưởng một chút thơ của Thế Lữ. Thế Lữ có những câu thơ thế này: “Tôi muốn đi bên cạnh cuộc sống/ Trăm năm theo dõi đám mây chơi”.

Tôi với Xuân Diệu kết bạn ở Trường tú tài Khải Định, Huế (tức Trường Quốc học) vào tháng 9 năm 1936. Lúc bấy giờ, Xuân Diệu đã học xong tú tài phần thứ nhất ở Trường Bưởi, Hà Nội và về học tiếp ở Trường Khải Định.

Sau đó, Xuân Diệu ra Hà Nội học Trường Luật, còn tôi ở lại học năm thứ hai. Tôi gửi bài thơ “Chiều xưa” ra cho anh ấy. Xuân Diệu không trực tiếp đem bài thơ đến tòa soạn báo Ngày nay, mà gửi qua đường bưu điện.

Vài hôm sau Thế Lữ gặp Xuân Diệu bảo: “Vừa rồi tôi nhận được bài thơ hay quá. Không biết cái cậu này ở đâu”. Rồi Thế Lữ đọc:

*Buồn gieo theo gió veo hồ
Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa
Đồn xa quần quai bóng cờ,
Phát phơ hồn tự thời xưa thổi về
Ngân năm sực tỉnh, lê thê
Trên thành sơn nhật - Chiều tê cú đầu...
Bờ tre rung động trống châu
Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan
Đêm mơ lay ánh trăng tàn
Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dồn*

Xuân Diệu khoe: “Đó là anh bạn tôi ở Huế đấy”. Thế Lữ trách Xuân Diệu: “Tại sao anh không đưa đến tòa soạn mà lại gửi qua bưu điện?”. Xuân Diệu cười: “Tôi muốn xem thử bài thơ có đúng là hay không đấy mà”.

Và bài thơ ấy đã được đăng ngay trên báo Ngày nay, số Tết Mậu Dần tháng 1 năm 1938, cùng một khung với bài “Cảm xúc” của Xuân Diệu. Đó là bài thơ đầu tiên của tôi được đăng trên báo Ngày nay của Tự lực văn đoàn.

Tết năm ấy, Xuân Diệu đánh điện mời tôi ra Hà Nội chơi, rồi anh dẫn tôi đến báo Ngày nay. Tại buổi gặp gỡ đáng nhớ ấy, nhất trí với nhà thơ Thế Lữ, hai nhà văn Khải Hưng và Nhất Linh cũng cho rằng “Chiều xưa” của Huy Cận là bài thơ hay

Thời gian Thế Lữ làm ở báo Ngày nay, tôi gặp Thế Lữ thường xuyên. Chúng tôi hay bàn về thơ, về dịch thơ của Tản Đà. Cả hai đều cho rằng Tản Đà dịch thơ Đường hay, nhưng thơ của chính Tản Đà thì có bài được bài không. Tản Đà thắm đượm hồn thơ Đường cho nên ông dịch hay.

Khi bài thơ “Ngậm ngùi” của tôi được công bố, gặp tôi ở dốc Yên Phụ, Thế Lữ khen, rồi đọc lại cả bài. Thế Lữ bảo bài thơ hay vì có cái tình đậm thắm (Lòng anh mở với quạt này/ Trăm con chim mộng về bay đầu giường). Thế Lữ rất thích thơ lục bát của Huy Cận như các bài “Chiều xưa”, “Ngậm ngùi”, “Buồn đêm mưa” và các bài khác.

Thế Lữ là người trọng tài năng, ông có công phát hiện tài năng mới phát lộ. Ông không hề có lòng ghen tị. Trên báo Ngày nay số Tết năm 1937, Thế Lữ giới thiệu thơ Xuân Diệu trang trọng, khi đó Xuân Diệu đang học năm thứ 3 tú tài, còn tôi thì năm thứ nhất.

Sau khi Huy Cận hồi tưởng những kỷ niệm riêng khá đậm thắm và sâu sắc với Thế Lữ, tôi lại khẩn trương hỏi ông thêm: “Thưa anh, người ta hay nhận định rằng: “Thơ Thế Lữ thiên về trong trẻo, mơ màng, thể hiện rõ nhất chất lãng mạn nguyên sơ. Còn sau này, thơ Xuân Diệu, Huy Cận đi sâu hơn vào đời sống trần thế, vào tình người”.

Huy Cận đáp lời tôi bằng một ý kiến của riêng ông: “Thơ Thế Lữ chưa đi sâu vào chủ nghĩa nhân bản. Tình ý còn bàng bạc. Thơ tôi và Xuân Diệu đi vào đời hơn, vào nhân thế, giàu chất nhân bản hơn. “Nghe đàn nguyệt trên sông Hương”, “Bên sông đưa khách”, “Đời thái bình”, “Lời than thở của nàng mỹ thuật”, “Giục hồn thơ”, “Mưa hoa” (bài “Mưa hoa” viết theo kiểu “Bích câu kỳ ngộ”) là những bài thơ hay của Thế Lữ. Bài “Cây đàn muôn điệu” được nhiều người nhắc tới, nhưng theo tôi hay vừa thôi”. Tôi chợt nhớ lại vào dịp kỷ niệm 60 năm phong trào Thơ Mới, Giáo sư Hà Minh Đức đã mời một số nhà thơ, nhà phê bình am hiểu và có phần đóng góp cho phong trào Thơ Mới chọn lựa khoảng mười bài thơ hay nhất.

Nhà thơ Huy Cận chọn của Thế Lữ bài “Bên sông đưa khách”, trong khi các nhà thơ khác chọn các bài quen thuộc là “Nhớ rừng”, “Tiếng sáo thiên thai”, “Cây đàn muôn điệu”. Tôi nhắc sự kiện này.

Sau giây lát trầm ngâm, nhà thơ nhìn thẳng vào tôi: “Tôi chọn bài thơ ấy vì nó hay. Người ta chọn “Nhớ rừng” vì cho rằng bài thơ ấy thể hiện lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, có ý nghĩa tiến bộ về chính trị. Về nghệ thuật thơ thì “Nhớ rừng” chưa hẳn là bài hay nhất của Thế Lữ. Chọn “Tiếng sáo thiên thai” cũng được, vì đó là bài thơ lục bát đọc được, nhưng tôi thích bài “Bên sông đưa khách” hơn”.

Như chúng ta đã biết, sau năm 1945 cho đến cuối đời, Thế Lữ rất ít làm thơ, ông dồn thời gian và tâm sức vào nghệ thuật sân khấu. Ông trở thành người anh cả của sân khấu Việt Nam người thầy của giới biểu diễn kịch nói Việt Nam.

Tôi lại tò mò hỏi thêm về mối quan hệ giữa Huy Cận và Thế Lữ trong mấy chục năm trở lại đây thì được biết vào những năm sáu mươi của thế kỷ trước, khi soạn xong tập thơ “Cô gái Mèo” (ban đầu có tên là “Làm người”), Huy Cận đọc cho Thế Lữ nghe trước khi in. Thế Lữ thích thú, tỏ ra rất đồng cảm với tập thơ và với tác giả. Thế Lữ bèn tặng Huy Cận tập kịch bản sân khấu của Claudel, một nhà thơ lớn người Pháp. Ông ghi dòng chữ: “Thân tặng tác giả “Làm người”.”

Sau năm 1975, mỗi lần vào Sài Gòn, Huy Cận đều đến thăm Thế Lữ. Về cuối đời, Thế Lữ đau yếu nhiều. Huy Cận luôn luôn nhớ Thế Lữ vì:

Cái thuở ban đầu Thơ Mới ấy

Nghìn năm chưa dễ đã ai quên ■

Hai lần chết

Tối hôm ấy, chúng tôi đi viếng một người bạn ở phố Hàng Bột mới từ trần. Lúc ra về đến giữa phố Sinh Từ thì trời đổ mưa, chúng tôi kéo cả lên nhà anh Tri. Tri bàn mọi người nên ngủ lại nhà mình để mai đi đưa ma cho tiện.

Anh em lâu không họp mặt, chuyện trò đến hơn mười hai giờ đêm.

Câu chuyện dồn cả vào sự nghiệp và đức tính Đàm Văn Tâm, người thiết mệnh.

Tâm là một thanh niên đặc biệt thông minh, có khiếu riêng về khoa học và đối với bạn là một người khiêm tốn và chân thành. Anh ta không lấy vợ, cha mẹ mất sớm, bao nhiêu của cải của ông chú ruột để lại cho chi dùng vào công cuộc khảo cứu mà chúng tôi biết là có giá trị. Tâm cùng cộng tác với anh Đinh Văn Mão, một người bạn học cùng hướng với anh ta. Sự nghiệp về khoa học của Tâm đang chùng chình có vẻ rục rỡ, thì bỗng không bệnh mà chết. Họ hàng không có, nên Mão đứng lên lo việc tang ma.

Cái chết đột ngột của một người bạn còn trẻ gây cho chúng tôi một thứ cảm giác phảng phất, lo sợ, nhất là vì đêm ấy lại mưa gió sục sùi. Tính vui đùa của anh Tính cũng không làm bớt được lạnh lẽo, nặng nề trong gian phòng sáng bởi một cây đèn dầu hỏa. Tính nói:

- Chết sớm, càng được nghỉ sớm chứ sao?
- Anh thì anh chỉ thích nghỉ thôi. Giá có chết cũng không thiệt cho ai. Còn anh Tâm...

Tính gật đầu:

- Phải. Quốc dân thiệt mất một nhân tài...

Rồi lại tiếp luôn:

- Nhưng sống khôn chết thiêng, hẳn ngài nhớ đến bọn ta, sẽ về phù hộ. Một người bạn mắng:

- Chỉ nói nhảm. Anh này việc gì cũng đem pha trò...

- Kia! Pha trò đâu? Tôi nói thực đấy. Tâm chẳng nhiệt thành tin thuyết "Linh hồn hiển hiện" là gì? Phải không anh Ngôn?

Tôi đáp:

- Phải. Tâm hay bàn về vấn đề ấy lắm. Có lần anh hẹn tôi rằng khi nào chết sẽ về báo hiệu cho tôi biết. "Tôi chết, tôi sẽ về gõ chân anh".

- Y như trong sách của Camille Flammarion ấy nhỉ?

- Mà không phải là câu nói đùa đâu!

Tính nói nửa thực nửa bỡn:

- Nếu vậy, có lẽ anh Tâm sắp hiện lên giữa chúng ta...

Mọi người cùng cười thào lên một tiếng nhạt, rồi cùng ngồi im. Bên ngoài tiếng ướt át rì rào của mưa gió vẫn không ngơi. Tri ngấm nghĩ thế nào chợt se sẽ nói:

- ừ, thế ngộ anh Tâm hiện hồn lên bây giờ thì sao?

Nhưng câu ấy không có ai trả lời, rơi vào trong vực yên lặng mát.

Bỗng nhà dưới có năm, sáu tiếng gõ cửa, tôi toan nói một câu, liền nín lại. Tiếng gõ cửa ra dáng gấp, và cứ mạnh thêm.

Đức nói thầm:

- Hay là anh... Tâm về...

Tôi:

- Có lẽ nào?

Nhưng chúng tôi đồng lo sợ. Tiếng gõ nhà dưới ra chiều thúc giục - Tiếng cửa mở rồi khép, rồi một lát thẳng nhỏ đi lên, vừa ngái ngủ, vừa thưa vào:

- Thưa cậu, cậu Tâm lại chơi.

- Hử? Cậu Tâm nào?

- Thưa, cậu Tâm Hàng Bột.

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Tri cau mày gắt:

- Mà nói láo! Còn cậu Tâm nào ở Hàng Bột nữa? Sao mà không hỏi xem ai?

- Bẩm, chính cậu Tâm... Cậu đang đi lên.

Chúng tôi như gặp luồng gió lạnh, nhìn ra thấy anh Tâm thực.

Tâm đứng ở khung cửa, đầu tóc bơ phờ, mặt mày ngờ ngác, mình mặc bộ quần áo trắng dài là bộ mặc cho anh ta lúc đặt nằm trong áo quan. Hơn một phút, chúng tôi không ai nói gì, ngồi đực ra như bị thôi miên. Sau, một người bạn đi đạo lấy tiếng đồng dạc hỏi:

- Nhân danh tình bằng hữu thiêng liêng của chúng ta, tôi xin hỏi vong hồn Đàm Văn Tâm có oan ức điều gì không?

Tâm, hay linh hồn hiển hiện của Tâm không đáp, cứ trăn trăn nhìn chúng tôi một lúc lâu. Tiếng dống dục lại hỏi lên lần thứ hai:

- Nhân danh tình bằng hữu thiêng liêng... tôi xin hỏi vong hồn...

Thì Tâm bỗng đưa tay gạt đi, dịu nét mặt lại rồi thông thả nói:

- Tôi không phải là vong hồn... vì tôi chưa chết.

Chúng tôi vẫn không hiểu. Tâm lại nói:

- Phải. Tôi còn sống thực, có xương, có thịt, có máu chạy trong mạch... chứ không phải là một vật hư vô...

Rồi Tâm yên lặng tiến lên, nhìn mọi người một cách xoi mói, dò xét, rồi lại kéo một chiếc ghế ngồi. Chúng tôi bất giác ngồi giãn cả ra, thì Tâm buồn rầu, mỉm cười, nói:

- Không. Tôi không chết đâu, tôi chưa chết. Tôi muốn... tôi hỏi các anh: Tôi có thể tin ở sự kín đáo của các anh được không? Tôi có thể tin ở tình bằng hữu thiêng liêng của chúng ta mà anh Đào vừa nói, được không?

Chúng tôi trả lời:

- Được. Nếu anh có oan uổng điều gì...

- Tôi đã bảo tôi còn sống mà! Sống như các anh, thực thể.

- ừ, chúng tôi muốn tin rằng thế, song anh Tâm đã chết thực, đã có giấy chứng nhận chôn, chúng tôi cũng đã đến viếng...

- Nhưng tôi chưa chết. Tôi ở trong sáng đây đây.

Yên lặng một phút. Sau tôi hỏi:

- Thế còn anh Mão ngồi coi bên sáng? Anh ấy đâu?

Tâm bóp trán thở dài. Bỗng anh ngừng phất lên, hai mắt lóng lánh, đột ngột nói:

- Mão chết rồi. Phải, chết rồi. Mà chính tôi, tôi, các anh nghe chưa? Tôi giết nó đấy...

- Sao lúc chập tối chúng tôi còn thấy anh Mão khóc, chúng tôi lại nhận rõ mặt anh trong sáng?

- Nhưng tôi vừa giết Mão xong, giết vì bất bình, vì điên dại... Các anh hãy ngồi yên, tôi kể đầu đuôi cho nghe. Tôi thực là một người khổ sở hết sức!

Rồi Tâm ôm mặt se se khóc trước năm bộ mặt kinh dị của chúng tôi. Một lúc lâu, anh ta mới lại nói:

- Tôi không ngờ đâu lại thấy những điều cay độc, mỉa mai đến như thế... Tôi tưởng phát

điên lên mất, - không ngờ đâu lòng người mà lại đến thế. Các anh thử xét mà coi.

- Các anh vẫn biết Mão với tôi là hai người bạn thân hơn ruột thịt, vì tôi thương anh ấy nghèo và chăm chỉ, lại muốn cùng theo đuổi một công cuộc với tôi. Chúng tôi thề suốt đời không lấy vợ, để đem hết tâm trí hy sinh cho khoa học. Trong hai năm trời Mão càng ngày càng tỏ ra một người có chí và hết lòng với bạn, nên tôi càng ngày càng yêu thêm. Tôi muốn cho Mão vững tin ở lòng thành thực của tôi, nên viết một tờ "chức thư" để gia tài của tôi với sự nghiệp của tôi lại cho Mão. Đó là một điều gàn dở, nhưng trong lúc nồng nàn háng hái ấy thì tôi có trông thấy xa đâu? Tôi có ý tỏ cho Mão biết rằng của tôi cũng như của anh ta, mà nếu bất hạnh tôi chết trước, thì bản phận anh ta là phải đi cho tới mục đích bước đường mà tôi bỏ dở. Từ lúc tôi ký tờ giấy kia đến nay đã được hai năm rồi, không có điều gì hết. Mão vẫn yêu tôi, vẫn hết lòng làm việc với tôi như trước. Mà nếu rủi tôi chết sớm thì chắc Mão là người thương tôi hơn cả. Có ngờ đâu người bạn thân thiết ấy lại là một giống sài lang!

Năm năm về trước, nguyên tôi vẫn mang một chứng bệnh thần kinh, thường khi đang yên bỗng ngã lăn ra bất tỉnh. Nhưng từ khi ông chú tôi mất, bệnh ấy như khỏi dứt, tôi không để ý đến nữa - rồi quên bẵng đi. Bệnh đó tới nay lại phát khởi lên xem chừng nặng hơn trước nhiều lắm. Mấy ngày trước tôi thấy những triệu chứng thứ nhất và bắt đầu lo. Song tôi vì bận viết một bài khảo biện rất dài cho một tạp chí chữ Pháp, nên không kịp nói chuyện với Mão. Ba giờ sáng hôm qua, lúc buông bút đi ngủ, bỗng tối sầm mặt lại, ngã gục xuống rồi từ đó lịm đi...

Lúc mở mắt ra thì thấy mình bị ép hai bên trong một xó tối và khó thở, tôi định tâm vừa nghĩ vừa sờ soạng mãi mới biết là mình nằm trong săng. Nhưng trông lên thấy mờ mờ có ánh lửa soi vào hai bên nắp săng và lắng tai còn nghe thấy quả lắc đồng hồ tích tắc đưa chuông điểm. Tôi đoán rằng tôi ngất đi đã lâu lắm - vì bụng thấy đói dữ - có lẽ mọi người tưởng chết thực và đã cho mình vào săng sắp sửa đem chôn. Tôi nâng nắp săng thì thấy còn mờ, bèn yên lặng ngồi lên. Lúc ấy mới biết là hơn mười hai giờ đêm. Mão đang xem một tờ giấy bỗng quay ngoắt kêu lên một tiếng khê. Tôi cười để cho hắn khỏi sợ và nói: "Tôi không chết đâu... Sống đây mà!"

Mão vẫn trừng mắt nhìn tôi. Thấy tôi cười nói tự nhiên và chờ anh ta nâng hẳn nắp săng đỡ tôi dậy, thì như đã hơi định thần, hắn nhìn tờ giấy mà tôi nhận ra là tờ "di chúc" rồi lại nhìn tôi. Bỗng nhiên hắn rảo bước lại bên chiếc quan tài, mắt long lanh một cách lạ thường, rồi nhanh tay ấn mạnh tôi xuống đáy nắp săng lại.

Trước tôi còn ngờ hắn hoảng hốt vì sợ hãi quá, sau bỗng nghĩ ra một điều rất ghê gớm: Mão muốn giết tôi.

Phải rồi... tờ "chức thư" mà hắn làm bộ không nói đến bao giờ... cái gia tài quan trọng của tôi... mà đối với mọi người thì tôi đã chết. Phải. Tôi chết là hắn được hưởng, mà tôi đã không chết thực thì hắn giúp tôi chết nhân thể, ai biết đây là đâu?

Trong có một giây đồng hồ mà tôi cũng thoáng thấy được cái kế hiểm độc của bạn với cái tình thế nguy hiểm bấy giờ. Tôi căm giận không biết ngăn nào, đấm nát tay lên cái nắp săng, nhưng cái nắp bật hé được lên lại bị ấn xuống. Chân tôi không bị buộc trói như thói thường trong lúc khâm liệm, nhưng không thể cử động được dễ. Bên ngoài, tôi nghe thấy tiếng chân vội vàng chạy xa dần. Tôi đoán chắc hắn đi tìm cái gì để đè lên mặt săng cho nặng thêm. Nhân cơ hội tôi thét lên một tiếng rất dữ, đập một cái hết sức mạnh, nắp săng bật ra một chỗ, tôi ngồi dậy thì hắn đã tiến đến, cái ống tiêm thuốc độc

cầm ở một tay. Tôi vùng đứng lên, vừa sợ vừa giận. Hấn bước tới, tôi liền níu lấy tóc, nghiêng rặng ấn đầu hẳn xuống rồi nhảy xổ lại đè lên mình hẳn: cái ống tiêm rơi xuống, vỡ tan ra. Hấn bị tôi cuoir lên ngực, hai cánh tay bị đập dưới đầu gối tôi, và cổ bị hai bàn tay tôi thắt vào đến hai mươi phút. Tôi càng nhìn cái mặt thú vật của nó, cái bộ mặt mà mới hôm trước đây, tôi còn yêu quý, thì cơn giận cứ bốc lên mãi, tôi bóp ghì lấy cổ nó mà vẫn không rõ là mình làm gì. Lúc nó đã tắt thở rồi, tôi mới buông tay ra. Bây giờ đúng mười hai rưỡi.

Tôi không sợ hãi, không hối hận, không vội vàng, vì không cho sự giết thẳng khôn nạn ấy là một tội ác. Tôi xoắn nó lên, bỏ vào săng đậy nắp lại tử tế, thu xếp ít tiền bạc, giấy má, định gieo thành một mối bí mật, rồi đi.

Nhưng tôi nghĩ lại ngay, nên thuê xe đến gọi anh Tri kể cho anh nghe để cùng với anh khu xử việc này... Lúc tôi vào bước lên đây, trông thấy các anh, tôi thú thực rằng hơi có ý nghi ngờ các anh... đồng lòng với Mão. Bởi vì... các anh xét hộ, tôi bị một kẻ tâm giao độc nhất xử với tôi một cách ghê gớm như thế... làm cho tôi tưởng phát điên lên mất, tôi tưởng rằng ở đời này thế cả... họ thấy lợi là họ quên cả tình nghĩa... Các anh tha thứ sự nghi ngờ ấy cho tôi.

Tâm nói đoạn thờ dài một tiếng rất cay đắng, gục đầu xuống sụ sùi. Chúng tôi ngồi lặng nhìn nhau...

Đêm hôm ấy, chúng tôi không ngủ, sau bàn nên để anh Tâm ở yên một chỗ, dựa theo cái ý kiến mà Tâm đã nghĩ tới, xoay việc án mạng kia thành một thiên bí mật để không ai dò được manh mối ra sao.

Chúng tôi làm như người ngạc nhiên trước nhất về chuyện này, đi trình các nhà chuyên trách đến khám xét chỗ ở của Tâm và thân nhiên, trả lời rất khéo những câu hỏi mà chúng tôi đã đoán biết từ trước.

Bỗng nhiên, ngay sáng hôm ấy, đang khi tra vấn kỹ lưỡng thì anh Tâm lại lù lù hiện ra, nói rằng mình đi vợ vắng suốt đêm, rồi đem kể hết đầu đuôi việc xảy ra đêm trước.

"Tôi đã giết người, các ông dẫn ngay tôi vào ngục".

Đó là câu nói sau cùng của anh ta.

Cuộc thẩm vấn, chúng tôi cố chạy cho mau chóng và rất công minh, nên một tháng sau, lúc ra tòa, Đàm Văn Tâm được trắng án. Chúng tôi cũng không được vui mừng lắm, vì Tâm vẫn giữ vẻ nhẫn nhục, rầu rĩ như hôm mới bước chân vào đề lao.

Anh cảm ơn công săn sóc của chúng tôi, rồi tự giam mình trong gian nhà phố Hàng Bột, nhất định không tiếp ai cả: sống ở đây một cách yên lặng, kín đáo, bảo là một cách thâm vụng cũng được, như muốn cho người ta quên mình đi.

Một hôm, người đầy tớ già của Tâm đến nhà anh Tri nói rằng chủ mình đã hai hôm nay ở tịt trong phòng. Chúng tôi đến, phá cửa vào xem thì thấy anh ta gục đầu lên bàn trên một tờ chúc thư để của cải cho các viện tế bần, người lạnh ngắt và cứng đờ.

Lần này thì anh Tâm chết thật.

Rút từ tập truyện ngắn
Bên đường thiên lôi, 1936

Phụ đính:

Thế Lữ và Nguyễn Nhược Pháp Hoàng Yến Lưu

Trong loạt bài mạn đàm về Thế Lữ, chúng ta đã biết ông là ngôi sao thứ sáu trong *Tự Lực văn đoàn* sau Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam và Tú Mỡ. Thế hệ sau cũng nhìn nhận Thế Lữ là một trong những nhà thơ tiên phong của phong trào *Thơ mới* và góp nhiều công sức xây dựng đổi mới thi ca trong những năm chót của tiền bán thế kỷ 20 (32-45). Vai trò của Thế Lữ đối với thi ca tiền chiến rất quan trọng như Hoài Chân và Hoài Thanh, hai tác giả của cuốn *Thi Nhân Việt Nam* đã nhận định:

“Thế Lữ như vì sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dù sau này danh vọng của Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công của Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này”.

Không phải chỉ có những nhà phê bình như Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh hay Lê Tràng Kiều mới khen thơ Thế Lữ mà nhiều thi nhân lớp sau như Nguyễn Nhược Pháp (1914-1938), Xuân Diệu (1916-1985) từng coi Thế Lữ như một thi tài. Sự tin phục kẻ cầm cờ dẫn đầu cho phong trào *Thơ mới* có thể tìm thấy trong bài phê bình *Mấy vần thơ* của nhà thơ tài hoa mệnh bạc Nguyễn Nhược Pháp (tác giả bài *Chùa Hương*), đăng trên tờ *L'Annam Nouveau* năm 1935 nghĩa là ngay sau khi tác phẩm thơ của Thế Lữ được phát hành. Bài phê bình có phần khách quan, nêu được cái hay của *Mấy vần thơ* nhưng cũng nói ra ít nhiều điều tác phẩm chưa hoàn toàn thỏa mãn kỳ vọng của người đọc. Nó cũng phản ánh được đương thời độc giả ủng hộ thơ mới ra sao và coi trọng tờ *Phong hóa* như thế nào.

Nguyễn Nhược Pháp viết lời bình bằng tiếng Pháp, đăng trên tờ báo Pháp xuất bản ở Hà Nội, và được một dịch giả khuyết danh dịch ra tiếng Việt như sau:
*“Nếu không kể đến Nguyễn Khắc Hiếu và Trần Tuấn Khải, người ta có thể xem ông Thế Lữ như một nhà thơ nổi tiếng nhất hiện nay. Những bài thơ của ông, rải rác trên Phong Hóa, đã được tập hợp lại với một cái tên khiêm nhường *Mấy Vần Thơ*. Theo như sự đánh giá của nhiều người thì có lẽ *Mấy vần thơ* là một tập thơ đẹp nhất mà người ta đã từng xuất bản cho tới ngày nay, nếu như ta thường thức những hình ảnh bên trong của nó. Chúng ta cần chuyển những lời khen ngợi tới ông Đỗ Văn, người đã xuất bản tập thơ, và cũng là người có một khiếu thẩm mỹ vững vàng. Cũng cần phải nói thêm rằng tập thơ đã được nổi danh một phần là nhờ tài năng của ông Trần Bình Lộc, một họa sĩ nức tiếng với công chúng. Những nét vẽ duyên dáng trong những bức tranh của ông chắc chắn đã góp phần làm cho tập thơ được hoan nghênh thêm.
Trở về với thi ca. Tài năng của Thế Lữ hoàn toàn chiếm được cảm tình của người đọc. Thơ ông giản dị, đôi khi hơi mơ hồ, dịu nhẹ, luôn làm say mê những trái tim hồn nhiên và thuần phác.*

Mặt khác, ông Thế Lữ đã sáng tạo một hình thức thơ mang tính tân kỳ về tinh thần cũng như về hình thức. Và đó chính là thành công của ông.

Tôi chưa từng được gặp mặt ông Thế Lữ. Có lẽ là liêu lĩnh khi tôi cho rằng trên thực tế, ông Thế Lữ giống như một nhà thơ độc đáo cho cái mới. Lý do thực đơn giản. Ông Thế Lữ đã bộc lộ một cách tự nhiên và hết sức trữ tình. Ông để lại cho chúng ta một bức

chân dung đẹp về mình với rất nhiều sự ngưỡng mộ. Chúng ta biết về ông như một con người cầu thả trong cách ăn mặc – những điều kiện tối thiểu để trở thành một thi sĩ. Ông ‘đến Hà Nội với chiếc quần cộc; với những đôi giày trắng từ hạ sang đông; chiếc mũ vàng dùm dỏ bản vô cùng...’.

Đó là dáng vẻ bên ngoài. Trong thế giới tình cảm ông Thế Lữ cũng thật vụng về, ít nói. Không ai yêu một Thế Lữ bản cùng. Người vụng về, yên lặng, chẳng ai yêu!

Như tất cả những nhà thơ xứng đáng với tên gọi đó, ông Thế Lữ là một kẻ mơ mộng khó lòng cảm hóa. Ông muốn những điều không thể được. Thi nhân muốn biến thành những bậc thần nhân phi phàm trong tiểu thuyết Trung Hoa, thành gió, mây, thành làn thình không nhẹ nhàng trong vũ trụ mênh mông, thành ánh sáng diệu kỳ của những ngọn núi và ngàn hoa...

Ta muốn biến thành làn mây, làn gió
Làm một bầu khinh thanh trong vũ trụ,
Làm ánh sáng anh linh của núi sông.

Chúng ta đã nói về nhà thơ. Giờ hãy nói về tác phẩm. Dưới con mắt của nhiều người, Nhớ rừng là một bài thơ hay nhất của Thế Lữ và không nghi ngờ gì nữa. Đó cũng chính là ý kiến của nhà thơ, bởi lẽ ông đã đặt bài thơ lên vị trí đầu tiên của tập thơ. Bài thơ Nhớ rừng là lời của một con hổ trong vườn Bách thú. Tôi càng phải nhẹ nhàng nhắc nhở ông Thế Lữ rằng trong vườn Bách thú có hai con hổ và ông đã quên báo trước với chúng ta con hổ nào trong số đó đã được nói bằng những câu thơ tự do. Tuy nhiên, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng chính là thi ca. Tôi tin rằng có thể tìm thấy ở đó một biểu tượng như người ta vẫn nói về con hổ, đó không phải là một cái gì khác ngoài bản thân nhà thơ. Tôi đã dành hẳn một ngày tranh luận với bạn bè về điều mà những bài tranh luận khác đã bàn chán rồi. Một bài phê bình mà tôi xin giấu tên, đã bảo vệ tác giả: ông Thế Lữ khẳng định ông không hề nhìn nhận trong Nhớ rừng một biểu tượng nào cả. Con hổ trong vườn bách thú không phải là Thế Lữ. Và sau đó ông đưa ra những vẻ đẹp trong những câu thơ:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Tôi thực sự cúi đầu ngưỡng mộ. Tuy nhiên, tôi cũng không tin là Thế Lữ tán thành với những lời tán dương ông. Theo ý tôi, trong bài thơ thực sự có được một vài câu thơ đẹp, nhưng về tư tưởng thì vẫn còn trống rỗng chưa thực sự đặc sắc. Mặc khác, đó cũng là khiếm khuyết của ông Thế Lữ khi ông muốn triết lý. Những dòng tự bộc lộ của Thế Lữ đạt được nhiều thành công hơn. Chẳng hạn, trong Tự trào thực sự đã có được câu độc đáo. Ông đã tự bộc lộ mình trong bài này bằng thể tản văn cắt quãng không đều đặn: Thực sự không có chi là tự vị cả.

Trái lại, đối với sự miêu tả và những cảm tình nhẹ nhàng, ông Thế Lữ đã thực sự chứng tỏ một tài năng lớn. Tiếng sáo thiên thai là một bài thơ huyền ảo, thần tiên. Mấy vần ngâm thơ cũng đã làm nổi danh thơ ông. Sự ngâm thơ, chất phác, vẻ duyên dáng, những giấc mơ, nỗi u hoài, tất cả hòa hợp trong những câu thơ trong sáng đến lạ kỳ. Hai bài thơ này đều được làm bằng thể lục bát. Đó cũng là điều ngạc nhiên trong khi trên thực tế, ông Thế Lữ được coi như bậc thầy của thơ tự do. Ông đã viết những bài thơ hay nhất của mình bằng thể lục bát.

Cuối cùng, cần phải lưu ý rằng ông Thế Lữ không hề có những niềm say mê trong tình yêu. Và đó cũng là một khiếm khuyết của ông. Thi sĩ vẫn tiếp tục đi tìm người con gái trong mộng tưởng. Đó là vẻ đẹp mơ hồ của những nàng tiên thoảng qua trong tác phẩm của ông. Nhưng nàng tiên chợt biến mất bởi một thứ phép màu như những khoảnh khắc mê say chợt đến. Tất cả những điều đó tạo nên một hiệu quả thi ca thú vị. Ông Thế Lữ

đã say sưa kể lại câu chuyện về những nàng tiên trong Bông hoa rừng, Về đẹp thoáng qua, Mộng ảnh, Hoa thủy tiên, và dĩ nhiên, mỗi lần đều là một biến thể.

Để kết luận, tôi xin được khẳng định tác phẩm của ông Thế Lữ không thiếu những biểu hiện của một tài năng, nếu không kể đến một vài khiếm khuyết. Ông đã thực sự tạo cho mình một phong cách hào hoa, tế nhị thanh lịch. Thơ ông đơn giản, phù hợp với thẩm mỹ của nhiều người. Và còn nhiều điều nữa xin nhường cho chính người đọc phán xét”.

(L'Annam Nouveau, số 430, ngày 8-3-1935)

Thế Lữ, mở đường táo bạo và dừng lại đúng lúc Vương Trí Nhàn



Mở đường táo bạo và dừng lại đúng lúc

Trong một bài thơ mang tên *Lời mĩa mai* Thế Lữ viết:

Tôi dấn bước đầu trong cảnh trần gian

Ông cũng là tác giả của hai câu thơ mà Xuân Diệu thích nhắc lại:

Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy

Ngàn năm chưa dễ đã ai quên

Nên hiểu cái ấn tượng về sự mở đầu này như thế nào? Lý do cụ thể, tức là cái có để viết, có thể rất giản dị (một kỷ niệm của tình yêu, tình bạn, một chuyến đi; một lần gặp gỡ). Nhưng theo tôi, đặt vào hoàn cảnh sinh hoạt văn nghệ thời tiền chiến và tâm thế của tác giả, người ta vẫn cảm thấy như có mối liên hệ xa gần với cái bước đi ban đầu của những người viết văn làm thơ xứ này, khoảng những năm 30, đó là khi các nhà văn nghệ chính thức từ giã cái mẫu hình văn học trung cổ và dần dà làm cuộc khai phá để gây dựng nền văn học hiện đại. Bởi vì ở thơ, sự bắt đầu này quá rõ, và lại nảy sinh ò ạt, nên có cả một phong trào, gọi là Thơ mới, nó đối lập hẳn với thơ cũ. Song nhìn rộng ra, phải thấy cuộc biến động xảy ra ở cả văn xuôi, ở kịch, bao nhiêu thay đổi đã đến với người ta trong cách làm, cách hiểu về văn học. Là một người có mặt rất sớm, hơn nữa, có công dựng tạo nên và thúc đẩy sự thay đổi, thì trước thời buổi này làm sao Thế Lữ không xốn xang cảm động cho được?

Trong một truyện ngắn mang tên *Trăng ngàn*, Thế Lữ viết về nhân vật Tuấn. "Anh thấy mình vẫn sáng suốt để nhận thấy sự rung động của tâm hồn. Anh phân tích hoài, ngắm nghĩ hoài. Người trong cuộc luôn luôn đứng ra ngoài để nhìn trở vào. Nhà tài tử đang lúc phô diễn tự thả cho tâm trí lúi xa và tự ngắm dáng điệu mình trong sân khấu. Tuấn thuộc vào hạng nghệ sĩ giàu tình tứ và cảm giác muốn tận hưởng các trạng huống của tâm trí cũng như muốn thưởng thức hết các vẻ đẹp của phong cảnh trần gian". Khi dẫn lại đoạn văn này, trong cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, một nhà nghiên

cứu ở Sài Gòn trước đây là Phạm Thế Ngũ đã lưu ý: "Tuần đây hẳn là một hình ảnh của Thế Lữ. Cái khuynh hướng phân thân và tự quan sát ở đây đã tạo ra một con người tài tử về cảm giác, lãng mạn một cách thức tình, không chịu để cho một cảm giác nào lọt vào ý thức mà không đưa qua cái lọc phân tích trước".

Về phần mình, chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm là trong cái thói quen làm gì, rung cảm gì cũng có sự tự ý thức rành mạch, vừa xúc động, vừa biết ghi nhận sự xúc động ấy, và trong chừng mực nhất định, chủ động hướng dẫn nó, Thế Lữ đã hiện ra như một nhà nghệ sĩ kiểu mới, khác biệt rất nhiều so với các bậc tiền bối, từ Tản Đà trở về trước. Cái cảm giác thuở ban đầu, bước đầu mà Thế Lữ hay nói trong thơ nảy sinh từ nhận thức về sự khác biệt đó. Hướng cả đời mình vào một sinh hoạt văn học còn đang mới mẻ, cuộc phiêu lưu tự dò dẫm, tự tìm đường của ông diễn ra trên hầu như tất cả các phương diện của nghề nghiệp. Và nó cũng được khởi động ngay trong cái khu vực tưởng ổn định nhất, và khó thay đổi nhất, là hình thức thể loại, bao gồm cả thơ lẫn truyện.

Nếu có dịp đọc lại Mấy vần thơ người ta sẽ không khỏi ngạc nhiên khi thấy sự tồn tại đồng thời ở đây cả những bài thơ giàu nhạc điệu, lẫn những đoạn quá đậm chất văn xuôi.

Bên cạnh những:

- *Tiếng ve ran trong bóng cây rậm mát*
Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời
Gió nồng reo trên hồ sen dào dạt
Mùa xuân còn, hết? Khách đã tình ơi!
- *Mây hồng ngừng lại sau đèo*
Mình cây nắng nhuộm bóng chiều không đi
Trời cao xanh ngắt - Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.

Là những:

- *Tiếng pháo rắc trong thành phố vắng*
Mưa phùn rây cùng ánh đèn yên lặng
Gọi lên mặt đường đen, loáng và xa
Hai dãy nhà kín cửa đứng chờ vơ
Điềm nhiên mặc kệ con người vợ vẫn
- *Thế Lữ nghĩ ba hôm mới nói*
"Ô phải đây". Rồi ở ngay Hà Nội
Anh ta vừa hoạt động vừa mơ màng
Lúng túng như anh mán học làm sang
Trong một bộ áo quần rất lịch sự.

Có thể cắt nghĩa: đây là do bước đầu thơ mới còn vụng dại, nên mới lúng túng như thế! Nhưng theo chúng tôi có thể nghĩ khác: đây là những cố ý của Thế Lữ. Cố ý làm ra vẻ văn xuôi để đi ngược lại cách hiểu thông thường về thơ. Cứ làm sao khác thơ cũ đã, rồi mọi chuyện điều chỉnh sau.

Hoặc như trong thể truyện, một người lịch lãm như Thế Lữ hẳn thừa biết rằng ở phương Tây cũng như phương Đông, loại truyện kinh dị, nhất là truyện trinh thám, luôn luôn bị người ta coi thường, chỉ xếp vào thứ văn học hạng hai, hạng ba. Song chính vì thế, ông bắt tay viết, viết cho thiên hạ thấy rằng những thói quen cũ cần phải thay đổi, và mọi chuyện cần được nghĩ lại. Sự khai phá mở đường thường khi đồng thời là một sự thách thức. Nhưng có hề gì với con người có một ý chí vững chắc như tác giả Mấy

vần thơ, mà như Hoài Thanh, tác giả Thi nhân Việt Nam nhận xét, là trong cuộc đấu khẩu giữa Thơ mới - Thơ cũ thời ấy, chỉ bằng những vần thơ của mình, Thế Lữ đã mang lại chiến thắng cho Thơ mới mà không cần tranh biện. Quả thật, không có một chút quá đáng nào trong lời ông tâm sự với Xuân Diệu: cái ý phá vỡ những lề lối trói buộc là nhất quán trong tôi.

Liên tục vượt qua thói quen cổ hủ, cảm giác mở đầu có đến với tâm trí Thế Lữ một cách thường trực thì cũng là điều dễ hiểu.

Nhưng nhu cầu hoạt động thì nhiều, mà sức lực mỗi người chỉ có hạn. Luôn luôn mở đầu tức đồng thời cũng có nghĩa là phải luôn luôn dừng lại, hơn thế nữa, luôn luôn từ bỏ những con đường vừa khai phá.

Cái luật đời thông thường đó cũng xảy ra với Thế Lữ, và chỗ hơn người của ông, là ông rất chủ động trong cái việc dừng lại ấy. Mặc dù là một trong những người mở đường cho thơ Việt Nam hiện đại, song trước sau, Thế Lữ chỉ là tác giả một tập thơ duy nhất. So với Thế Lữ, Xuân Diệu đến với thơ có chậm hơn vài năm, song trên đại thể, có thể bảo họ là cùng trang lứa. Ấy vậy mà một bên đời thơ của Xuân Diệu kéo dài tới hơn 50 năm, trong khi ấy bên kia, đời thơ của Thế Lữ chỉ khoảng 5 năm, nghĩa là mười lần ít hơn, sự khác biệt thật là khủng khiếp.

Ở đây, chúng tôi không có ý định so sánh xem đóng góp về văn học ai lớn hơn ai. Đứng về tâm lý của người sáng tác văn chương, chỉ xin nêu lên một nhận xét: nếu như ở phương Tây, người ta thường được chứng kiến hiện tượng một vận động viên, một cầu thủ, một diễn viên sân khấu hay một nhạc công tuyên bố giã từ đấu trường, chia tay với sàn diễn đúng vào lúc tài nghệ lên đến đỉnh cao, thì hầu như điều đó, không có ở Việt Nam. Nói hẹp trong phạm vi nghề văn, trừ phi trời bắt tội không viết được nữa không kể, còn thông thường ai đã làm nghề này thường cứ thế làm mãi và rất thích được khen rằng càng già càng dẻo càng dai (mặc dù nhiều khi chung quanh chỉ nói vậy cho phải phép). Nghĩa là những người biết tự hạn chế và dám đặt dấu chấm hết cho một phần sự nghiệp của mình, loại đó quá hiếm. Đặt vào hoàn cảnh ấy mới thấy cái hiện tượng Thế Lữ ngay từ 1936-1937 đã nồng nhiệt giới thiệu Xuân Diệu và như các nhà văn học sử thường viết, tự nguyện nhường ngôi bá chủ thi đàn cho Xuân Diệu, để rồi dứt khoát không làm thơ nữa... cái hiện tượng ấy quả là bất thường, độc đáo. Kể ra, cách tồn tại trong văn chương là muôn hình muôn vẻ, không ai giống ai, mà trong việc dùi găng nhẫn nhịn bám trụ lấy nghề, "một tấc không đi một ly không rời", nhiều cây bút ở ta cũng cố tự khai thác, tự làm giàu mình thêm và có những đóng góp cho văn học.

Tuy nhiên, cũng đã đến lúc nên nói là ở đây, không khỏi có những trường hợp, sự dùi găng đồng nghĩa với sự ham hố quá đáng, không tự biết mình, và cái sự kéo dài găng gượng và tùy tiện này làm cho một số tác giả trong một số trường hợp, hiện ra cũ mòn, nghèo nàn cằn cỗi, mình lặp lại mình không xong, nên đánh mất luôn cả tình cảm sẵn có nơi bạn đọc. Trở lại với trường hợp Thế Lữ, bởi lẽ trước sau ông vẫn có một vị trí danh dự trên thi đàn, nên sự dừng lại của ông càng đáng khâm phục. Nếu lại lưu ý thêm là về sau, ông cũng bỏ luôn cả truyện kinh dị, truyện đường rừng để chuyên chú vào sân khấu, thì người ta càng có lý để khái quát: đây không chỉ là một nghệ sĩ biết khai phá mở đường, mà còn là một người luôn luôn biết dừng lại đúng lúc. Đó là một khía cạnh trong con người nghệ sĩ nơi ông, một phương diện của tài năng vốn có nơi ông và phải nhận đó là việc làm táo bạo, đi ngược thói thường, nên trên cái nền chung của thời gian lịch sử, lại càng hiện ra chói sáng.

Truyện ma của Thế Lữ Hoàng Yên Lưu



Thế Lữ (1907-1989) là một trong thất tinh sáng lập *Tự lực văn đoàn* (gồm Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí và Thế Lữ). Không những là một trong những nhà thơ mới tiên phong, phát lá cờ đầu đổi mới thi ca trong văn học Việt Nam thế hệ 1932-1945 với tác phẩm *Mấy vần thơ*, ông còn là nhà báo với nhiều loạt bài xuất sắc trên hai tờ *Phong hóa* và *Ngày nay*. Ngoài ra, độc giả còn say mê theo dõi nhân vật thám tử Lê Phong của ông trong mấy bộ tiểu thuyết trinh thám như *Lê Phong phóng viên*, *Gói thuốc lá* và loạt truyện kinh dị do ông chấp bút như *Vàng và Máu*, *Trại Bò tùng linh*, *Ba hồi kinh dị*, *Bên đường Thiên lôi*...

Halloween 2015, đọc lại những mẩu truyện như *Cái đầu lâu* do Thế Lữ kể lại trong tập truyện ngắn *Bên đường Thiên lôi* (1936), chúng ta không khỏi không khâm phục lối kể chuyện kinh dị của ông vì có sức lôi cuốn người đọc, với lối giải thích khoa học những hiện tượng xem ra kỳ quái khác hẳn kết cấu của *Bò Tùng Linh* (1640-1715) trong *Liêu trai chí dị* hoặc Allan Poe (1809-1849) trong loạt truyện huyền bí và ma quái.

* * *

“Chiều hôm đó, tôi ngồi chơi với Ngô Đàm trong phòng sách của anh ta. Sau một hồi chuyện phiếm, bạn tôi lấy ra một cái hộp gỗ trắng đem khoe tôi:

– Tôi mới mua được cái này hay lắm.

– Cái gì?

– Rồi anh sẽ biết.

Nấp hộp mở, anh lấy ra một cái đầu lâu lớn, nường nhẹ đặt lên bàn, rồi nhìn tôi mỉm cười. Tôi hỏi:

– Anh mua vật này làm gì?

Đàm không trả lời ngay, lim dim mắt, gạt tàn thuốc lá và thông thả nói:

– Cái đầu lâu là biểu hiện sự chết, là một vật mà các nhà hiền triết hoặc tu hành bên Âu châu thường bày trước mặt, bên những chồng sách đầy bụi bám để suy nghiệm về những lẽ huyền bí của “đời sau”. Đối với một nhà thông thái thì đó là một vật khảo cứu cũng như viên đá lạ, một chất hóa học hay một ống cây vi trùng. Tôi không phải là nhà hiền triết, không phải là nhà tu hành hay nhà thông thái, nên cái đầu lâu đối với tôi là một thứ bài trí ghê gớm, một thứ đồ... “mỹ thuật” của người hiếu kỳ như tôi. Nhưng có lẽ trong những lúc đọc sách ở nơi tĩnh mịch này, trong những khi suy xét về những điều bí hiểm của sự chết, của đời người, thứ đồ “bài trí” kia sẽ là một vật kích thích cho trí tưởng tượng của tôi... Biết đâu bạn anh sẽ chẳng là một nhà tư tưởng trầm mặc như nhà hiền triết, nhà tu hành?

Câu nói văn hoa, nửa nghiêm trang, nửa đùa cợt của Đàm khiến tôi hơi ngạc nhiên, nhìn bạn.

Bỗng cửa phòng bật mở, một người thiếu niên mặc âu phục bước vào, chưa kịp nói gì đã trông thấy cái đầu lâu, rồi đứng đực ra đó. Đàm hỏi:

– Kia, anh Chung, sao hôm nay trông kỳ khôi thế?

Lúc ấy, Chung mới ngoảnh lại sẽ gạt đầu chào tôi, rồi lại trân trân nhìn cái đầu lâu trên bàn, mãi mới nói:

– Ô anh Đàm! Anh cũng có cái này ư?

– “Cũng có?” Thế ra tôi không thể có một cái đầu lâu được sao?

– Ô, thế anh không thấy gì lạ chứ? Anh không thấy gì ư?

Chung ngồi xuống, đưa tay vuốt tóc, mặt hãy còn vẻ lo lắng, nhìn hết tôi đến Đàm rồi đến cái đầu lâu. Anh nói:

– Sao lại có sự ngẫu nhiên lạ thường đến thế? Tôi đến đây cũng định thuật cho anh nghe về cái đầu lâu ở nhà tôi... thì lại gặp ngay chính vật này... Chính cái đầu lâu này. Tôi đã tưởng nó đang ở nhà tôi, sao biến lại đây, nên tôi mới sững sốt đến thế. Để tôi kể đầu đuôi câu chuyện các anh nghe.

Chung lấy chén nước uống cạn một hơi, lóng cọng chặm điếu thuốc lá rồi nói tiếp:

“Trước kia tôi vẫn ở trên Hàng Bông như anh đã biết. Nhưng cách đây nửa tháng, anh Lịch là người học trường Mỹ thuật mới ra năm nay, tìm được một cái nhà ngói ở ngoại ô để làm phòng vẽ. Nhà ấy một tầng chia làm hai căn rộng. Lịch ở một căn còn một căn gọi anh Thao học năm thứ hai trường thuốc với tôi đến ở cho vui và chịu đỡ Lịch ít tiền thuê nhà.

Chỗ này ở xa thành phố, chung quanh toàn bãi cỏ, một mặt ngoảnh ra phía đường cái. Ở chỗ yên tĩnh như thế để học hành, lại rẻ tiền nhà, mà có hai người bạn cùng nhà nhận tử tế cả thì còn gì dễ chịu hơn. Tôi không bao giờ phàn nàn nếu trưa hôm kia anh Thao không có cái ý kiến kỳ quặc đem về nhà một cái đầu lâu.

Đầu lâu thì tôi không lạ gì. Hồi còn học trường Bưởi, tôi đã được trông thấy nhiều lần ở phòng thí nghiệm. Nhưng cái mà anh Thao lấy ở nhà thương về lại là của một tên tù mới chết, trông còn mới, trắng hơn cái này nhiều, mà xương chưa được khô lắm. Thao xem ra quý hóa cái vật quái gở ấy lắm. Tôi thì không. Tôi thoát trông thấy nó bỗng ghé rợn cả người... Có lẽ vì tôi thoáng nghĩ đến cảnh hiu quạnh chung quanh nhà của chúng tôi, hay có lẽ tôi vừa mới đọc xong những truyện linh hồn hiển hiện anh cho mượn ngày trước... Cái đầu lâu đặt trên bàn học anh Thao kê gần cửa sổ lúc nào cũng như chăm chú nhìn tôi bằng hai con mắt đen và rỗng, mà hai hàm răng thì nhe ra một cách chế giễu độc địa. Tôi có cái cảm giác khó chịu hình như “nó” biết cả những điều tôi nghĩ thầm. Tôi sinh ác cảm với “nó” và chắc hẳn “nó” cũng không ưa gì tôi. Cái vật trở trơ kia không ngờ lại làm tôi băn khoăn đến thế. Tôi lấy đủ các nhẽ để tự nhủ mình cũng không xong, mà nỗi lo ngại của tôi mỗi lúc một thêm nặng nề như đè nén mãi lòng mình. Tối hôm ấy, thấy bút rút trong người, để Thao ngồi học một mình, tôi đi nằm trước. Anh Lịch ở phòng bên cạnh vào nói mấy câu chuyện rồi lại ra ngay. Tôi nằm đó chừng đến hơn một giờ đồng hồ mới ngủ đi được. Nhưng cả trong giấc ngủ, tôi vẫn bị cái đầu lâu kia ám ảnh hoài. Tôi nằm mơ toàn thấy những đầu lâu với xương người, hay những cái ghê sợ hơn thế. Một lần tôi hốt hoảng thức dậy thì ngọn đèn cây trên bàn học anh Thao đã tắt, trong nhà tối đen như bưng lấy mắt, bên ngoài cũng vậy, vì tôi cố tìm cái cửa sổ chần song sắt cũng không trông thấy đâu. Bên cạnh tôi anh Thao chừng đã ngủ say, tiếng thở đều và thông thả. Thình thoảng một tiếng ngáy ở buồng anh Lịch lại đưa sang. Mọi vật quanh nhà đều im lìm. Không một tiếng lá bay, không một hơi gió thoảng. Tôi muốn quên mà không thể quên cái đầu lâu kia được. Tôi thấy hình như nó có tri giác, nó “vẫn còn thức” và trong bóng tối đang nhìn thẳng tráo mắt nhìn sự kinh khiếp của tôi. Bỗng nhiên tôi thấy lạnh tái người đi. Từ phía bàn giấy anh Thao, tôi chợt nghe thấy những tiếng ken két như hai hàm răng nghiến vào nhau. Tiếng ấy nghe mỗi lúc một rõ dần, mà lâu đến gần một phút. Trước tôi còn muốn tin là tiếng anh Thao nghiến răng trong mơ. Nhưng Thao nằm bên cạnh tôi, mà tiếng kia thì rõ ràng ở bàn giấy đưa lại. Tiếng nghiến răng vẫn không dứt, nghe ra giận dữ và ghê gớm hơn lên... Tôi vội nắm lấy cánh tay anh Thao, hết sức lay. Thao thức dậy hỏi thì tiếng nghiến răng lại ngừng bật. Tôi ghé tai Thao nói rất nhỏ:

– Này Thao ạ, tôi vừa thấy một việc lạ quá!

– Ở đâu?

– Ở cái đầu lâu.

– Có lẽ nào?

– Cứ để yên mà nghe.

Rồi chúng tôi không nói gì thêm, lắng tai nghe ngóng một lúc thì lại thấy như trước, tiếng nghiến răng cứ trước nhỏ, sau to dần. Thao liền đứng phắt lên, chạy lại bàn đánh diêm thấp đèn: cái đầu lâu vẫn nguyên chỗ cũ, nhưng lúc ấy ngoảnh mặt nhìn về phía giường tôi nằm.

Chúng tôi nhìn khắp nhà một lượt. Không có gì lạ. Cửa sang phòng anh Lịch vẫn đóng kín. Cửa sổ tuy không có cánh, nhưng có chấn song sắt, mà cái bàn giấy của Thao kê xa đó những năm sáu bước, áp vào bức tường đối diện với giường của chúng tôi.

Thao bảo tôi rằng những tiếng vừa rồi là tiếng chuột gặm, nhưng chính anh cũng biết nhà chúng tôi không có qua một con chuột nào. Và cái tiếng lúc nãy nghe to, nghe rõ một cách khác thường lắm.

Thao thấy tôi lo ngại cũng không bình tĩnh được, nhưng anh cố tìm lời an ủi tôi.

Chúng tôi để đèn rất lâu chờ xem, song không thấy gì. Nhưng khi tắt đèn lên giường nằm chưa đầy nửa giờ, thì cái tiếng nghiến răng lúc nãy lại bắt đầu, mà lần này thêm dữ dội.

Lúc ấy, cây đèn để ngay cạnh giường ngủ. Tôi chụp ba que diêm làm một bật lên thấp. Trông sang bàn giấy thì cái đầu lâu đang lắc lư như thừng phồng nhựa của trẻ con chơi! Ngô Đàm bỗng phì cười lên thì Chung có ý không bằng lòng.

“Quả thế, cái đầu lâu cứ nhẩn nhở, lắc lư đến nửa phút. Mà chả có gì đáng cười hết.

Chính anh Thao là người không sợ gì cả, lúc ấy cũng phải kinh ngạc mà nhìn tôi.

Suốt đêm ấy, chúng tôi không ngủ, cứ để đèn ngồi rình thì lại không thấy xảy ra việc gì nữa.

Sáng hôm sau (tức là hôm qua) chúng tôi nói chuyện ấy cho anh Lịch nghe thì anh cũng không tin. Sau thấy tôi nhất định nài anh Thao đem cái đầu lâu vứt đi, Lịch mới cho là chuyện có thực. Nhưng anh nói:

– Đã thế thì để đêm nay tôi cũng rình xem, rồi có thể nào vứt đi cũng không muộn.

Thì đêm qua cũng lại giống đêm trước. Cứ tắt đèn được một lúc lại thấy cái đầu lâu nghiến răng ken két mà thấp đèn lên lại thôi.

Tôi nhân đọc các sách anh cho mượn và gần đây lại được đọc một đoạn dật sử về hồi đại cách mệnh Pháp, thấy kể chuyện những thủ cấp sau ba, bốn giờ vẫn còn sống được, nên tôi càng cho việc cái đầu lâu kia nghiến răng là một việc phi thường. Bây giờ thì tôi tò mò hơn là khiếp sợ. Tôi bảo Thao cứ để yên cái đầu đấy và đến rủ anh ngủ ở nhà chúng tôi một tối xem. Tôi vẫn biết anh hay để ý đến những thứ chuyện kỳ dị này lắm...

Ngô Đàm vui lòng nhận lời. Tôi cũng ngờ ý muốn đi với anh ta một thể và cùng hẹn đến tối sẽ có mặt ở nhà anh Chung.

Lúc Chung ra khỏi, Đàm xoa tay mỉm cười một mình. Tôi hỏi ý anh về chuyện vừa rồi ra sao, thì Đàm chỉ nhún vai, nói:

– Tôi sợ không gặp được cái kỳ như anh Chung nói, không khéo lại chỉ là một câu chuyện buồn cười thôi. Nhưng dẫu sao, ta cứ đi xem, không biết đâu mà nói trước được.

Bấy giờ rưỡi hôm ấy chúng tôi đến nhà thì các anh Thao, Chung và Lịch đang ăn cơm ở phòng vẽ của Lịch. Đàm đứng xem mấy bức vẽ than của Lịch được chừng năm phút thì các anh ăn xong. Chúng tôi sang cả phòng bên kia nói chuyện.

Trước hết, Đàm đi lại bên bàn cầm cái đầu lâu ngắm nghía mãi. Mặt anh có vẻ nghiêm trang như nhà thông thái đang khảo cứu, nhưng đôi mắt tươi cười một cách hóm hỉnh.

Bỗng anh quay lại hỏi Lịch:

– Anh có thấy gì lạ ở cái đầu lâu này không?

– Không.

– Giá lúc anh cầm nó lên xem, anh chú ý chút nữa, thì thấy bốn chiếc răng trong cùng

hà gần một nửa.

Lịch ngạc nhiên hỏi:

– Nhưng sao anh lại biết tôi đã cầm lên xem?

– Có gì là lạ. Anh cầm lên xem cẩn thận lắm, nhưng lúc chực bỏ cái quai hàm dưới ra để xem bộ răng thì trượt tay suýt đánh rơi xuống bàn. Có phải không?

– Phải. Nhưng sao anh biết?

– Tôi thường đọc sách của Conan Doyle, nên cũng tập được một đôi chút tỉ mỉ. Những vết đen này là bởi than vẽ ở ngón tay anh ra... Chỉ cần để ý một chút cũng thấy được. Anh đang vẽ ở phòng ngoài chắc chợt nghĩ đến cái đầu lâu, nên vào xem thử chứ gì? Rồi Đam đi khắp gian nhà, cúi nhìn các chân tường một cách cẩn thận như người đi tìm một vật quý đánh rơi. Anh lại nhờ Lịch cầm đèn ở phòng bên sang, còn tự anh cũng cầm cây đèn bên cạnh cái đầu lâu, và bảo dẫn đi xem chung quanh nhà.

Bên ngoài tối như mực. Trên trời mây ám không có một ánh sao nào. Ngoài một hàng dóc rào mau, xa xa thấy một đám sáng chiếu lên: đó là thành phố Hà Nội. Sau một cuộc tìm xét rất kỹ càng, nhưng rất vô ích, Đam đạo mạo như một nhà trinh thám, bước vào trong nhà rồi xoa hai tay vào với nhau. Thốt nhiên, như sực nghĩ ra điều gì, anh nói:

– Tôi khờ quá, không đem cái đèn bấm ở nhà tôi lại.

Thao nói:

– Hay để tôi lên phố mượn?

– Anh chắc có mượn được không. Thôi để tôi về nhà lấy vậy. Phiền thực, nhưng thế chắc chắn hơn.

Lúc Đam trở lại thì đã gần mười một giờ: anh đi nửa đường thì xe đạp nổ bánh.

Chúng tôi để sẵn diêm với đèn gần tầm tay. Cái đèn bấm Đam trao cho Chung, còn anh ta thì ngồi ở một cái ghế thấp bên cạnh cửa sang phòng anh Lịch. Trước khi tắt đèn, Đam dặn chúng tôi không ai được làm gì, nếu không có lời anh ấy bảo.

Đèn tắt. Bóng tối dày đặc trong nhà. Tôi đưa tay lên tận mắt cũng không trông thấy.

Thao với Lịch nắm sát vách, còn Chung và tôi thì ngồi ở mép giường. Không ai nói qua một lời. Tôi nghe hơi thở của Chung thì biết anh ta hồi hộp lắm.

Cái lo ngại dần dần ám đến. Mà sự yên lặng ở gian phòng có nhiều người này lại càng có vẻ khác thường. Chúng tôi cùng hết sức lắng tai, tiếng đồng hồ đeo ở tay anh Lịch nghe rõ mồn một. Tôi đếm tiếng tích tắc để biết thời giờ, nhưng mãi cũng sinh chán, và trong lòng lúc ấy thấy nôn nao một cách lạ. Tâm linh hình như bị kích thích và hình như báo cho tôi biết trước có một điều ghê gớm sắp xảy ra...

Có lẽ chúng tôi ngồi đó đã ngót một giờ, có lẽ lâu hơn nữa; mà tịnh không thấy một tiếng động nào hết. Hai anh Thao và Lịch chùng như đã ngủ, tôi đưa tay định xem họ còn thức không thì bỗng Chung nắm chặt lấy cánh tay tôi, nói khẽ quá đến nỗi tôi phải đoán ra chứ không nghe rõ:

“Im! Nghe!”

Tôi chú ý nghe thì quả nhiên thấy có tiếng ken két nghiêng răng thực. Lúc ấy tôi mới hiểu cái khiếp sợ của Chung. Lúc ấy tôi mới thấy rõ ràng cái ghê rợn của người gặp ma quái. Tay Chung vẫn nắm chặt lấy cánh tay tôi, nhưng hơi run run. Còn tôi thì cứ muốn quát to lên, quát rất lớn để phá tan cái yên lặng ghê gớm lúc đó.

Thấy hơi nóng ở sau gáy, tôi biết hai anh Thao và Lịch đã ngồi dậy. Tôi tráo mắt nhìn bóng tối đen đặc và mỗi lúc tưởng thấy hình thù dị thường hiện lên.

Tiếng nghiêng răng càng lâu càng rõ thêm. Thình thoảng ngừng lại một giây rồi lại nghiêng nữa. Đam ngồi trên chiếc ghế gần đó có lẽ cũng sinh nát đảm: chúng tôi không trông thấy anh, mà đợi mãi cũng không thấy anh bảo sao.

Hốt nhiên, từ phía đầu lâu, một tiếng quái gở gào lên trong những tiếng cười nghe sờn tóc gáy. Mọi người đều vùng dậy, tôi không đợi anh Đam nữa, vớ lấy diêm đánh, mà Chung cũng bật đèn bấm lên.

Cái đầu lâu lắc lư như điên cuồng, và ngay cạnh đấy, một vật đen ngòm đang giẫy giụa.

Mắt chúng tôi khi đã đỡ chói thì nhận ra đó là một con mèo đen bị giữ trong tay Đàm. Đàm lúc ấy, tay thì giữ mèo trên bàn, nhưng người thì ở dưới gầm bàn. Anh cả cười lách chui ra, vừa gặp lúc chúng tôi ồ cả lại. Con mèo giương mắt kinh hãi nhìn chúng tôi. Một con mèo to, đen, mà gầy, lông mọc xờ xạc không đều và không mượt. “Đấy (lời Đàm nói) cái quái dị mấy hôm chỉ là ở con vật dói khốn nạn này mà ra cả. Các anh nên nhớ rằng cái đầu lâu vô tri giác kia còn mới, mới luộc xong, vẫn còn hơi thịt... Từ lúc anh Chung mới kể chuyện, tôi đã ngờ thế... Đến lúc xem lại cái đầu lâu với cái cửa sổ không có cánh này, thì tôi đã hơi chắc. Mà bây giờ thì đã nắm được, hi! Đã nắm được “điều huyền bí” ở trong tay”. Sự lo sợ của chúng tôi bấy giờ lại đổi ra sự kinh ngạc. Vì có ngờ đâu câu chuyện kỳ quái ấy chỉ gây nên bởi một con mèo.”

(*Cái đầu lâu*, trích trong tập truyện ngắn *Bên đường Thiên lôi*-1936)

Chúng ta có bất công với Thế Lữ không? Phạm Xuân Nguyên

"Thế Lữ là tác giả của những tập văn xuôi với những truyện mang chất trinh thám và liêu trai được viết bằng một ngòi bút hiện đại đến bất ngờ. Ông tạo được khung cảnh cho những câu chuyện của mình để kêu gọi trí tò mò và dẫn dụ được người đọc. Nhưng với tôi, Thế Lữ là nhà văn nhất ở truyện ngắn "Câu chuyện trên tàu" (in trong tập *Bên đường thiên lôi*, 1936)".

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, bằng ví dụ về truyện ngắn "Câu chuyện trên tàu", đã chứng minh tài năng của Thế Lữ.

Truyện trong truyện cực ngắn

Chuyện chỉ là một kinh nghiệm cay đắng, một bài học nhớ đời của một tay móc túi chuyên nghiệp tên là Hai Nhiêu. Chuyện chỉ ngắn có mấy trang. Nhưng nó cho thấy khả năng nghệ thuật truyện ngắn của Thế Lữ. Đó là truyện trong truyện. Nhân vật "tôi" nghe chuyện từ một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, dáng vẻ như ông ký về hưu cùng đi trong toa hạng ba chuyến tàu chạy Hòn Gai với mình. Câu chuyện "ông ký" này kể lại cho "tôi" lại là được nghe chính từ miệng Hai Nhiêu. Trước đó, "ông ký" đã giới thiệu Hai Nhiêu là bậc "quân tử trong phường kẻ cắp", nghĩa là không lấy của người nghèo và coi việc ăn cắp là một nghệ thuật, nghĩa là càng khó lấy càng thích, càng được dịp trở tài.

Phần chính của truyện là "câu chuyện trên tàu thủy" như sau: Hai Nhiêu đang đi kiếm ăn ở Hải Phòng thì được tin vợ ốm phải xuôi Nam về quê thăm. Xuống tàu thủy, bác ta quan sát xem có món "sộp" nào không nhưng liếc con mắt nhà nghề nhìn qua, bác ta thấy thất vọng không kiếm chác được gì.

Đang khi đó thì trên tàu xảy ra cảnh lộn xộn: Một người nhà quê "chỉ có một cái lồng gà rỗng, với trong đó một gói mo chùng đựng cơm nắm, và hai cái nồi đất mới, miêng bụng băng giấy nhật trình" đang bị người nhà tàu la lối, đòi đuổi xuống vì thiếu một hào tiền vé.

Thấy cảnh khốn khổ và trái tai trái mắt đó, Hai Nhiêu nổi máu anh hùng liền bỏ tiền ra mua vé

cho người nhà quê kia. Khi tàu cập bờ, người nhà quê chèo kéo Hai Nhiều vào quán, gọi cơm đũa, khiến bậc quân tử kẻ cắp phải lấy làm nghi hoặc, không biết có phải vị khách kiếm thêm của mình bữa cơm không.

Nhưng không, bí mật được tiết lộ: Người nhà quê mang theo ngót năm trăm bạc, giắt theo trong người thì sợ nguy hiểm mất cắp, nên mới bày ra cái kế “cái lồng gà với mấy cái nôi, mà lại của một ông nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính, còn kẻ cắp nào để ý đến nữa”. Hai Nhiều nghe thấy sự thật đó thì choáng người đi vì tiếc của.

Chuyện chỉ có thể nhưng truyện không chỉ có thể

Tác giả đã khéo cho thấy cả tâm lý của hai hạng người: Cái ranh mãnh của người nhà quê và sự cảm động thức dậy trong người làm một nghề xấu xa. Người nhà quê hồn nhiên không biết trước mặt mình là một tay bợm già, mà chỉ thấy đó là “một người quý hóa” đã ra tay giúp mình, dù là trong một màn kịch do mình dựng ra. Hai Nhiều thì thấy cái việc mình mua vé cho người nhà quê kia tự dưng khiến cho “trái tim kẻ cắp của bác hơi cảm động”.

Vì sao? “Không phải vì bác đã làm được một điều thiện - thiện với chẳng thiện thì Nhiều có cần gì? - nhưng vì thấy cái cảm giác đầu tiên được những người hiền lành kia tin bác một cách chân thực”.

Thế Lữ chỉ phác qua tâm lý nhân vật chút ít thế thôi nhưng đã làm sâu thêm truyện ngắn, làm cho câu chuyện trên tàu thủy không hẳn là chuyện ăn cắp. Mà biết đâu cái người đàn ông đáng về ông ký kể lại chuyện được nghe kể về Hai Nhiều cho nhân vật “tôi” nghe lại không phải là chính Hai Nhiều? Hình thức truyện trong truyện có thể có một dụng ý đó. Mặc dù câu kết truyện khiến bật cười cho Hai Nhiều mà răn được cho nhiều người: “Bác ta tìm hết tiếng đọc địa để rửa cái trí khôn ngu ngốc của mình và tự hứa rằng lần sau đi tàu, không nên coi thường những cái lồng gà trong có hai cái nôi đất”. Tường như thấy được một nụ cười của nhà văn giấu nhân vật, giấu người đời.

Truyện viết ngắn gọn, giản dị, có cao trào, có sự biến, tôi đọc bao lần rồi vẫn thấy bất ngờ, thích thú. Khi một câu chuyện mình đã biết hết tình tiết, sự kiện, nhưng mỗi lần đọc vẫn có khoái cảm thì hẳn là nội dung của truyện đã được thể hiện bằng một nghệ thuật bậc thầy có sức ám ảnh và ràng buộc. Trong văn xuôi Việt Nam, với tôi, kiểu truyện đọc được như vậy, sau “Câu chuyện trên tàu thủy” của Thế Lữ, là “Lặng lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long.

Chúng ta có bất công với Thế Lữ không?

Đoạn đời nghệ thuật về sau của Thế Lữ dành hẳn cho sân khấu. Tôi chưa rõ lý do vì sao ông “đoạn tuyệt” văn thơ lạnh lùng đến thế. Trong trường hợp này, tôi thấy ông như cô lái đò trong thơ Nguyễn Bính “bỏ thuyền bỏ lái bỏ dòng trong”. Nói thật, sự đóng góp của Thế Lữ cho sân khấu Việt Nam là trên thực tế, mà nói vui nhưng cũng đúng thì đóng góp sân khấu lớn nhất của ông là đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, con trai ông.

Vị trí và giá trị chính của Thế Lữ là ở văn học. Ông vụt đến thi đàn Việt Nam ở thời khắc quan trọng nhất khi nó chuyển mình từ truyền thống sang hiện đại. Và ông đã góp phần quan trọng mở đầu và thúc đẩy cho cuộc cách mạng thi ca có một không hai trong lịch sử văn học dân tộc thăng lợi. Ông vững bước vào văn đàn Việt Nam ở thời điểm nó đang đi những bước mạnh mẽ, tự tin của một lối văn trong sáng, gãy gọn. Và ông đã để lại dấu ấn không thể quên. Xong việc, ông đi.

Thế Lữ theo cảm nhận của tôi là người biết việc mình làm và biết giá trị của mình để được sống theo kiểu của mình.

Nhưng chúng ta, những người đọc và những người tìm hiểu thơ văn ông, chúng ta có bất công với Thế Lữ không?